

CÔNG TY TNHH BAO BÌ ĐÔNG ÂU

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

Của cơ sở: Nhà máy sản xuất bao bì Đông Âu

Địa chỉ: KCN Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1,
huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

HẬU GIANG - 12/2024

CÔNG TY TNHH BAO BÌ ĐÔNG ÂU

BÁO CÁO

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của cơ sở: Nhà máy sản xuất bao bì Đông Âu
Địa chỉ: KCN Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1,
huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

CHỦ CƠ SỞ

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Huỳnh Thị Thu Hà

HẬU GIANG - 12/2024

MỤC LỤC

Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1. Tên chủ cơ sở.....	1
2. Tên cơ sở	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	2
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	2
3.2. Công nghệ vận hành.....	2
3.3. Sản phẩm của cơ sở	10
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	10
5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất phải nêu rõ: điều kiện kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; hệ thống thiết bị tái chế; phương án xử lý tạp chất; phương án tái xuất phế liệu:	13
6. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	13
Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	17
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	17
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	19
Chương III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	22
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	22
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	22
1.2. Thu gom, thoát nước thải	25
1.3. Xử lý nước thải	27
2. Biện pháp xử lý bụi, khí thải	29
2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động của phương tiện giao thông	29
2.2. Biện pháp giảm thiểu bụi, hơi khí độc và thông gió từ khu nhà văn phòng, kho, xưởng.....	29
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	31

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	33
5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	34
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	36
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)	38
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có).....	38
9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường quy định tại điểm c khoản 4 Điều 30 Nghị định này)....	39
10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)	39
Chương IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	40
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	34
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	40
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	41
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý CTNH.....	41
5. Nội dung đề nghị cấp phép đối với cơ sở có nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất	41
Chương V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	42
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	42
1.1. Chương trình quan trắc	42
1.2. Chương trình quan trắc đã thực hiện trong 02 năm liền kề.....	42
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải	43
2.1. Chương trình quan trắc.....	43
2.2. Chương trình quan trắc đã thực hiện trong 02 năm liền kề.....	43
3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo (Chỉ áp dụng đối với cơ sở không phải thực hiện quan trắc chất thải theo quy định):.....	44
Chương VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ....	45
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	45
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	45

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	45
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	46
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	46
Chương VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	47
Chương VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	48
PHỤ LỤC BÁO CÁO	49

DANH SÁCH HÌNH

Hình 1.1. Quy trình công nghệ sản xuất bao bì giấy	3
Hình 1.2. Nguyên liệu giấy	4
Hình 1.3. Cắt nguyên liệu.....	4
Hình 1.4. In Offset.....	5
Hình 1.5. Tráng phủ bề mặt (UV)	5
Hình 1.6. Tráng phủ bề mặt (ghép màng nhiệt)	5
Hình 1.7. Máy bế tự động	6
Hình 1.8. Máy dán tự động	6
Hình 1.9. Thành phẩm.....	7
Hình 1.10. Quy trình công nghệ in flexo	7
Hình 1.11. Nguyên liệu màng ghép	8
Hình 1.12. Máy in Flexo	8
Hình 1.13. Máy chia cuộn	9
Hình 1.14. Thành phẩm.....	9
Hình 1.15. Hộp bao bì, nhãn	10
Hình 1.16. Nhãn cuộn, màng ghép.....	10
Hình 1.17. Mặt bằng tổng thể dự án	17
Hình 2.1. Sơ đồ vị trí cơ sở tại KCN Tân Phú Thạnh.....	19
Hình 2.2: Sơ đồ cọc mốc của cơ sở.....	19
Hình 2.3. Nhà máy sản xuất bao bì Đông Âu	20
Hình 2.4: Sơ đồ thu gom nước thải Trạm XLNTTT KCN Tân Phú Thạnh	21
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa	23
Hình 3.2. Hệ thống máng thu nước, hố ga, rãnh gom nước mưa.....	24
Hình 3.3. Nước mưa chảy tràn trên nền bê tông hoá hoàn toàn	25
Hình 3.4. Vị trí đầu nổi nước mưa hố ga T4-11 và T4-12 trên Đường số 4 KCN	25
Hình 3.5. Vị trí đầu nổi nước thải tại hố ga trên Đường số 4 KCN	28
Hình 3.6. Mặt cắt hầm tự hoại, gổ ga nước thải.....	29
Hình 3.7. Hố ga thu gom nước thải, đầu nổi nước thải.....	29
Hình 3.8. Cây xanh trong khuôn viên	30
Hình 3.9. Nhà xưởng được thiết kế thoáng khí.....	31
Hình 3.10: Sơ đồ thu gom chất thải rắn thông thường.....	32
Hình 3.11. Khu vực tập kết rác thải sinh hoạt và công nghiệp thông thường	33
Hình 3.12. Sơ đồ thu gom chất thải nguy hại.....	35
Hình 3.13. Kho chứa rác thải nguy hại	35
Hình 3.14: Máy móc được bố trí khu vực độc lập	36
Hình 3.15. Cây xanh ngoài hàng rào dự án.....	36
Hình 3.16. Mặt bằng hệ thống cấp nước chữa cháy.....	37
Hình 3.17: Công nhân được trang bị bảo hộ lao động	38

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 1.1: Nhu cầu sử dụng nguyên liệu tại cơ sở	11
Bảng 1.2: Nhu cầu sử dụng hoá chất tại cơ sở	12
Bảng 1.3: Các hạng mục công trình đã xây dựng	15
Bảng 3.1. Theo dõi nước thải đầu nối hàng tháng trong năm 2023, 2024.....	26
Bảng 3.2. Thống kê lưu lượng nước thải năm 2023, năm 2024 cao nhất, thấp nhất, trung bình (tính theo tháng và ngày)	26
Bảng 3.3: Đặc điểm kỹ thuật của thiết bị thông gió công nghiệp.....	32
Bảng 3.4: Thống kê chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường	33
Bảng 3.5. Chất thải nguy hại trong năm 2023, 2024 (kg).....	34
Bảng 5.1. Kết quả nước thải.....	42

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Bao bì Đông Âu
- Địa chỉ văn phòng: KCN Tân Phú Thạnh – Giai đoạn 1, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang
- Người đại diện pháp luật của chủ cơ sở: Huỳnh Thị Thu Hà – Giám đốc
- Điện thoại: 02936 279797
- Giấy chứng nhận đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6300294545, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 06/12/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 16/9/2019.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 2236826677 chứng nhận lần đầu ngày 26/01/2018, điều chỉnh lần 05 ngày 25/9/2023 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Hậu Giang cấp.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Công ty TNHH Bao bì Đông Âu thực hiện “Nhà máy sản xuất bao bì Đông Âu”
- Địa điểm cơ sở: KCN Tân Phú Thạnh – Giai đoạn 1, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.
- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký đầu tư, tổng vốn đầu tư dự án là 65 tỷ đồng, thuộc dự án nhóm B (lĩnh vực công nghiệp có tổng mức đầu tư từ 60 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng) theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công (khoản 3 Điều 9 Luật đầu tư công năm 2019). Thuộc Danh mục các dự án đầu tư nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường (thuộc khoản 2, mục I, phụ lục IV kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ). Căn cứ khoản 2, Điều 39 Luật bảo vệ môi trường, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.

Căn cứ Khoản 2, Điều 171 Luật bảo vệ môi trường, “... kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành là văn bản tương đương với quyết định phê duyệt kết quả thẩm

định báo cáo đánh giá tác động môi trường khi xem xét, cấp giấy phép môi trường”. Cơ sở đã đi vào vận hành từ năm 2018, được UBND huyện Châu Thành A xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường tại GXN số 79/XN-UBND ngày 29/12/2017, đến thời điểm này không thay đổi quy mô, công suất, là căn cứ để cơ sở đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Cơ sở lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường theo Phụ lục X, đối với đối tượng là cơ sở đang hoạt động có tiêu chí môi trường tương đương với dự án nhóm II theo khoản 6 Điều 28 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Quy mô sản xuất: 37.000.000 trang in/năm

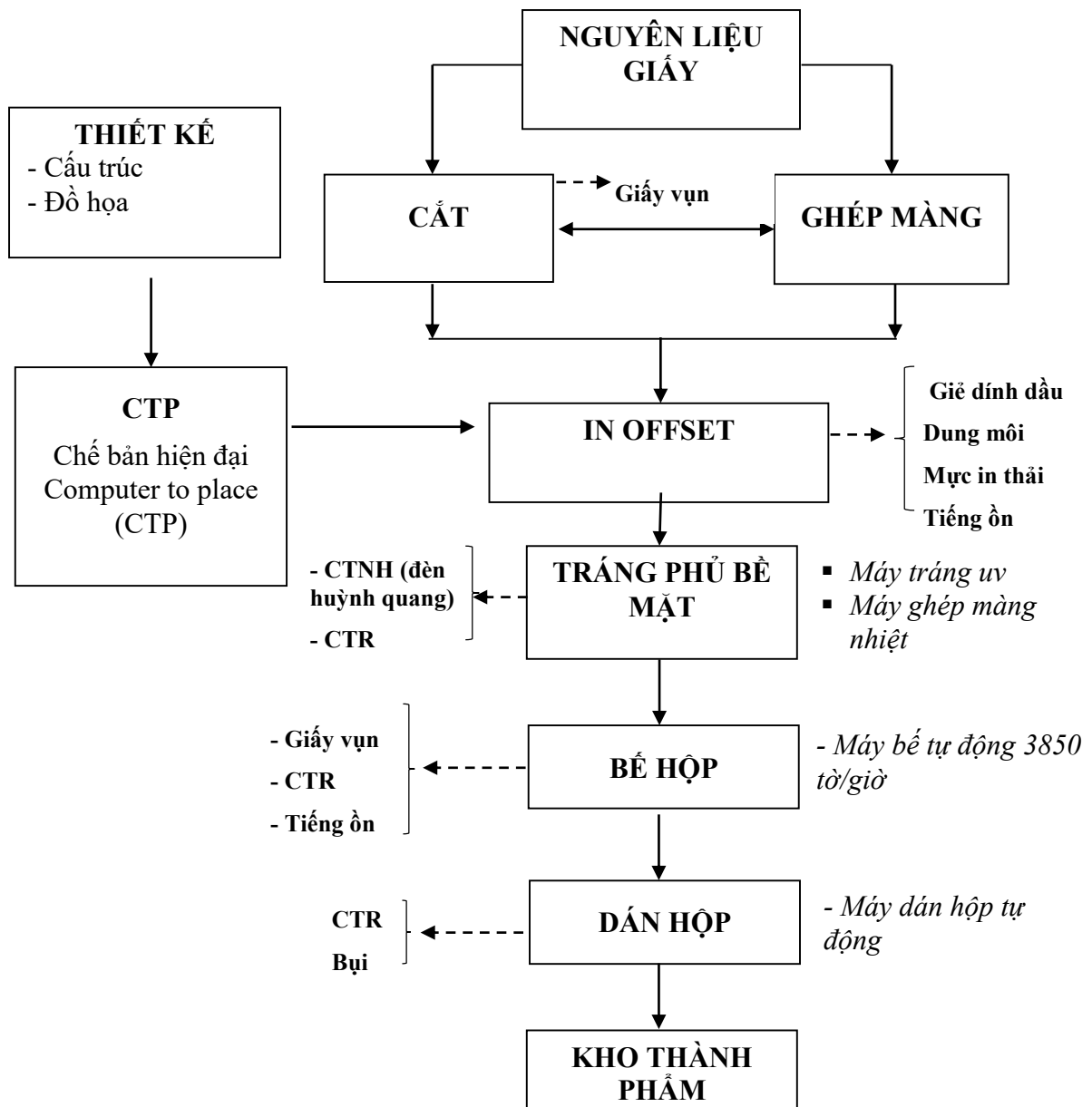
Giai đoạn 1: công suất 25.900.000 trang in/năm;

Giai đoạn 2: công suất 11.100.000 trang in/năm.

3.2. Công nghệ vận hành

Có 02 dây chuyền

- Dây chuyền in flexo.
- Dây chuyền in bao bì giấy và ấn phẩm.



Hình 1.1. Quy trình công nghệ sản xuất bao bì giấy

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu giấy được nhập từ các công ty trong nước, trong quá trình sản xuất sử dụng nhiều loại giấy khác nhau như: Ivory, Kraft, Duplex, Fort...nhưng 02 loại giấy được sử dụng nhiều nhất là Ivory và Fort.



Hình 1.2. Nguyên liệu giấy

Giấy được mua về khổ lớn phải qua công đoạn cắt về khổ nhỏ để phù hợp với máy in.



Hình 1.3. Cắt nguyên liệu

Giấy sau khi cắt sẽ qua máy in để in các nội dung, hình ảnh, họa tiết và màu sắc lên sản phẩm.



Hình 1.4. In Offset

Sau khi in xong, đợi lớp mực trên bề mặt giấy khô lại thì cho qua máy tráng phủ (UV nước, UV bóng, tráng gương) hoặc tráng màng (màng mờ, màng bóng, màng metalize), nhằm giúp cho sản phẩm được bảo quản lâu hơn.



Hình 1.5. Tráng phủ bề mặt (UV)



Hình 1.6. Tráng phủ bề mặt (ghép màng nhiệt)

Tiếp theo, qua máy bế tự động để bế đứt ra từng sản phẩm trên tờ giấy.



Hình 1.7. Máy bế tự động

Sau đó, những sản phẩm sau khi bế sẽ qua máy dán để dán dính lại cho hoàn thiện giao cho khách hàng.

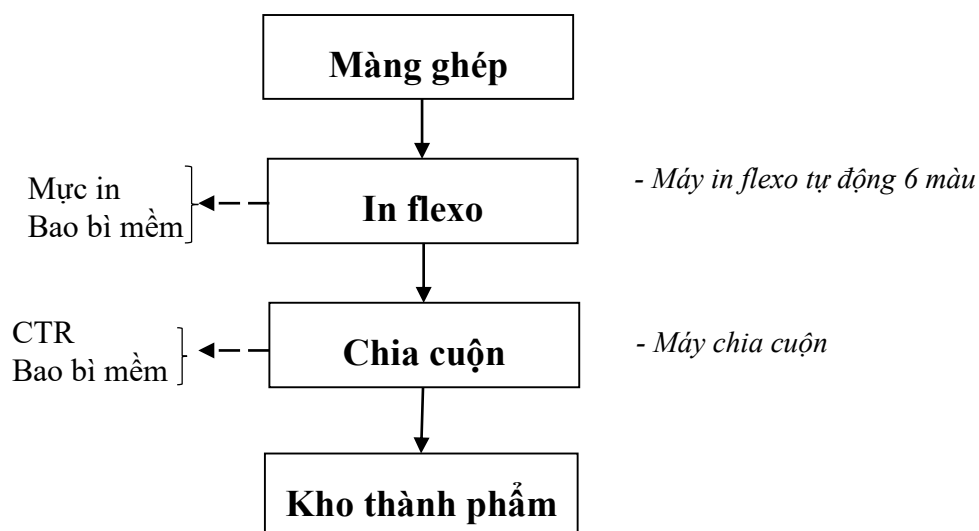


Hình 1.8. Máy dán tự động

Cuối cùng là công đoạn đóng gói thành phẩm để giao cho khách hàng



Hình 1.9. Thành phẩm



Hình 1.10. Quy trình công nghệ in flexo

Thuyết minh quy trình:

Tương tự như nguyên liệu giấy, các cuộn màng nhôm/màng ghép cũng được mua từ các công ty trong nước. Với cấu trúc màng được ghép từ giấy Couche, Nhôm và lớp PE để giữ cho sản phẩm được bảo quản an toàn hơn.



Hình 1.11. Nguyên liệu màng ghép

Sau đó, cuộn màng này được chuyển qua máy in Flexo để in những hình ảnh, hoa văn, họa tiết và những thông tin cần thiết khác theo yêu cầu của khách hàng.



Hình 1.12. Máy in Flexo

Sau khi in, các cuộn màng nhôm sẽ qua máy chia cuộn để chia về kích thước theo yêu cầu của khách hàng.



Hình 1.13. Máy chia cuộn

Công đoạn cuối cùng trước khi giao đến khách hàng là đóng gói thành phẩm để hàng hóa được đảm bảo an toàn.



Hình 1.14. Thành phẩm

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở là các loại bao bì giấy (giấy in, hộp bao bì, poster, tờ hướng dẫn sử dụng, các loại nhãn decal tờ rời, tập vở) các loại nhãn, nhãn cuộn, cuộn màng ghép phức hợp, màng aluminium foil.



Hình 1.15. Hộp bao bì, nhãn



Hình 1.16. Nhãn cuộn, màng ghép

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

*** Nhu cầu sử dụng điện năng:**

- Nguồn cung cấp điện: lưới điện quốc gia. Hợp đồng với Công ty điện lực Hậu Giang

+ Điện tiêu thụ khoảng 40.000 kWh/tháng → Tương đương khoảng 483.200 kWh/năm

(Hoá đơn điện Tháng 4/2024 là 38.700 kWh/tháng; Tháng 5/2024 là 43.000 kWh/tháng; Tháng 6/2024 39.100 kWh/tháng - đính kèm hoá đơn tiền điện của Tháng 4, 5, 6/2024).

*** Nhu cầu sử dụng nước:**

Nguồn nước cung cấp từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Ngành nghề của cơ sở chủ yếu làm việc với bao bì giấy nên không sử dụng nước cho hoạt động sản xuất, chủ yếu chỉ phục vụ cho sinh hoạt.

Thực tế nhu cầu nước cấp sử dụng tại cơ sở: khoảng 10 – 16 m³/ngày

(Hoá đơn của: Kỳ 5/2024: nước cấp sử dụng 134 m³ – Hoá đơn số 00334669 ngày 03/5/2024; Kỳ 6/2024: nước cấp sử dụng 202 m³ – Hoá đơn số 00412435 ngày 02/6/2024; Kỳ 7/2024: nước cấp sử dụng 317 m³ – Hoá đơn số 00482450

ngày 03/7/2024 - đính kèm tại phụ lục hoá đơn tiền nước cấp Tháng 5, 6, 7/2024).

*** Nhu cầu sử dụng nhiên liệu:** Dầu disel. Qua theo dõi tại nhà máy, nhu cầu sử dụng nhiên liệu của năm 2022 là 15.729 lít, năm 2023 là 14.682 lít, dùng bôi trơn động cơ, chạy thiết bị của dây chuyền.

*** Nhu cầu sử dụng nguyên liệu:**

Bảng 1.1: Nhu cầu sử dụng nguyên liệu tại cơ sở

STT	TÊN NGUYÊN LIỆU	ĐVT	SỐ LƯỢNG /NĂM	GHI CHÚ
1	Giấy in	Gram	20,400	Dây chuyền in bao bì
2	Giấy ép kim	Cuộn	22,000	Dây chuyền in bao bì
3	Màng Bopp + Mpet	Kg	8,100	Dây chuyền in bao bì
4	Decal	Met	200,000	Dây chuyền in bao bì
5	Cao su	Tám	150	Dây chuyền in bao bì
6	Chường	Xô	7	Dây chuyền in bao bì
7	Đệm núm hút	Cái	15	Dây chuyền in bao bì
8	Gum Arabic	Kg	6.2	Dây chuyền in bao bì
9	Gòn	Bọc	300	Dây chuyền in bao bì
10	Băng keo opp	Cuộn	150	Dây chuyền in bao bì
11	Keo sữa	Kg	30	Dây chuyền in bao bì
12	Keo phá màng GRIFIX 5930	Kg	250	Dây chuyền in bao bì
13	Keo tráng màng AS 420	Kg	800	Dây chuyền in bao bì
14	Lót dao	Cây	50	Dây chuyền in bao bì
15	Ním hút đồng tiền	Cái	100	Dây chuyền in bao bì
16	Keo PVA	Kg	20	Dây chuyền in bao bì

17	Dây thun XK	Kg	150	Dây chuyền in bao bì
18	Vải vụn lau máy	Kg	400	Dây chuyền in bao bì
19	Kẽm in offset	Tám	5,600	Dây chuyền in bao bì
20	Bọc nilong	Kg	600	Dây chuyền in bao bì
21	Dây nilong	Bó	400	Dây chuyền in bao bì
22	Kẽm đóng sách	Kg	50	Dây chuyền in bao bì

(Nguồn: Công ty TNHH Bao bì Đông Âu)

*** Nhu cầu sử dụng hóa chất**

Bảng 1.2: Nhu cầu sử dụng hoá chất tại cơ sở

STT	TÊN HÓA CHẤT	ĐVT	SỐ LƯỢNG /NĂM	GHI CHÚ
1	Mực in offset	Kg	2,970	Dây chuyền in bao bì
2	Dầu UV	Kg	1,500	Dây chuyền in bao bì
3	Acid Oxatic	Kg	30	Dây chuyền in bao bì
4	Bông đá	Cái	100	Dây chuyền in bao bì
5	Bột K4 phun in offset	Kg	70	Dây chuyền in bao bì
6	Hàng the	Kg	2	Dây chuyền in bao bì
7	Dung dịch Acedin D	Lít	500	Dây chuyền in bao bì
8	Nước máng Combisol	Lít	50.0	Dây chuyền in bao bì
9	Dung dịch phục hồi su	Lít	10	Dây chuyền in bao bì
10	Dung dịch lưu giữ bản kẽm	Lít	5	Dây chuyền in bao bì
11	Sữa lau bảng kẽm	Lít	200	Dây chuyền in bao bì
12	Thuốc tím	Kg	5	Dây chuyền in bao bì
13	Thuốc tẩy	Kg	3	Dây chuyền in bao bì

14	Thuốc tẩy bảng HCE 09	Lít	10	Dây chuyền in bao bì
15	Cồn dùng ngoài	Lít	3,900	Dây chuyền in bao bì
16	Talc	Kg	2	Dây chuyền in bao bì
17	Nhót	Lít	50	Dây chuyền in bao bì
18	Xăng 92	Lít	500	Dây chuyền in bao bì
19	PAC	Kg	100	Dây chuyền in bao bì
20	Polymer	Kg	10	Dây chuyền in bao bì

(Nguồn: Công ty TNHH Bao bì Đông Âu)

5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất phải nêu rõ: điều kiện kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; hệ thống thiết bị tái chế; phương án xử lý tạp chất; phương án tái xuất phế liệu:

Không có.

6. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

*** Các thủ tục đã thực hiện:**

- **Chủ trương đầu tư:** Chủ trương đầu tư: Công văn số 2107/UBND-KT ngày 24/11/2017 của UBND tỉnh Hậu Giang; số 1050/UBND-KT ngày 06/06/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang (điều chỉnh tên chủ đầu tư). UBND tỉnh thống nhất về chủ trương, với: Diện tích sử dụng đất: 10.000, công suất sản xuất: 37.000.000 trang in/năm (Giai đoạn 1: công suất 25.900.000 trang in/năm; Giai đoạn 2: công suất 11.100.000 trang in/năm).

- **Giấy CNĐKĐT** mã số dự án 2236826677 chứng nhận lần đầu ngày 26/01/2018, điều chỉnh lần 05 ngày 25/9/2023 do Ban Quản lý các KCN tỉnh cấp.

- **Thủ tục quy hoạch, xây dựng**

+ Văn bản thẩm định thiết kế cơ sở số 57/BQL-QHXD ngày 31/1/2018 của Ban Quản lý các KCN.

+ Văn bản thẩm định thiết kế kỹ thuật số 411/SXD ngày 6/4/2018 của Sở Xây dựng.

+ Giấy phép xây dựng số 02/GPXD ngày 17/04/2018 do Ban Quản lý các KCN tỉnh cấp (giai đoạn 1: 0,5 ha); Giấy phép xây dựng số 04/GPXD ngày 30/6/2023 của Ban Quản lý các KCN tỉnh (giai đoạn 2: 0,5 ha);

+ Công văn số 417/BQL-QLĐT, QH&XD ngày 06/6/2023 của Ban Quản lý các KCN thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất Bao bì Đông Âu Hậu Giang (giai đoạn 2)

- Thủ tục đất đai

+ Giấy CNQSDĐ: CT 12850 ngày 28/12/2018 (0,49963 ha), CT 21787 (5.096,6 m²). Ngày 25/5/2021 cấp Giấy CNQSDĐ giai đoạn 2.

+ Quyết định giao đất/ thuê đất: số 986/QĐ-UBND ngày 29/06/2018 (0,499 ha); số 1677/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 (5.096,6 m²).

+ Bàn giao đất thực địa: ngày 26/12/2018.

- Thủ tục môi trường: Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 79/XN-UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện Châu Thành A.

- Các công trình, hạng mục đã xây dựng:

Giai đoạn 1: Giấy phép xây dựng số 02/GPXD ngày 17/4/2018 của Ban Quản lý các KCN tỉnh, nghiệm thu hoàn thành công trình tại Công văn số 320/BQL-QH&XD ngày 01/4/2019 của Ban Quản lý các KCN tỉnh.

+ Nhà xưởng sản xuất chính: diện tích 2.430,3 m², chiều cao: 9,3 m.

+ Nhà ăn và bếp: diện tích 100 m², chiều cao 4,85 m.

+ Nhà xe 2 bánh: diện tích 80 m², chiều cao 3,8 m.

+ Nhà vệ sinh: diện tích 27,2 m², chiều cao 3,95 m.

+ Nhà bảo vệ: diện tích 12 m², chiều cao 3,85 m.

Giai đoạn 2: Giấy phép xây dựng số 04/GPXD ngày 30/6/2023 của Ban Quản lý các KCN tỉnh, đã xây dựng hoàn thành, đang thực hiện hoàn công (lý do đang chờ hoàn công là do nền của kho 2 bị sụt, chủ cơ sở đề nghị đơn vị thi công phải sửa nền thì mới hoàn công).

+ Nhà xưởng, kho bao bì: diện tích 2.535 m² (32,5 m x 78 m), 01 tầng, chiều cao: 8,85 m

+ Kho rác thải nguy hại, nhà rác: diện tích 126 m² (4 m x 31,5 m), 01 tầng, chiều cao 4,7 m.

+ Nhà xe, khu phụ trợ: diện tích 144 m² (3,2 m x 45 m), 01 tầng, chiều cao 3,65 m.

+ Hàng rào: chiều cao 2,05 m.

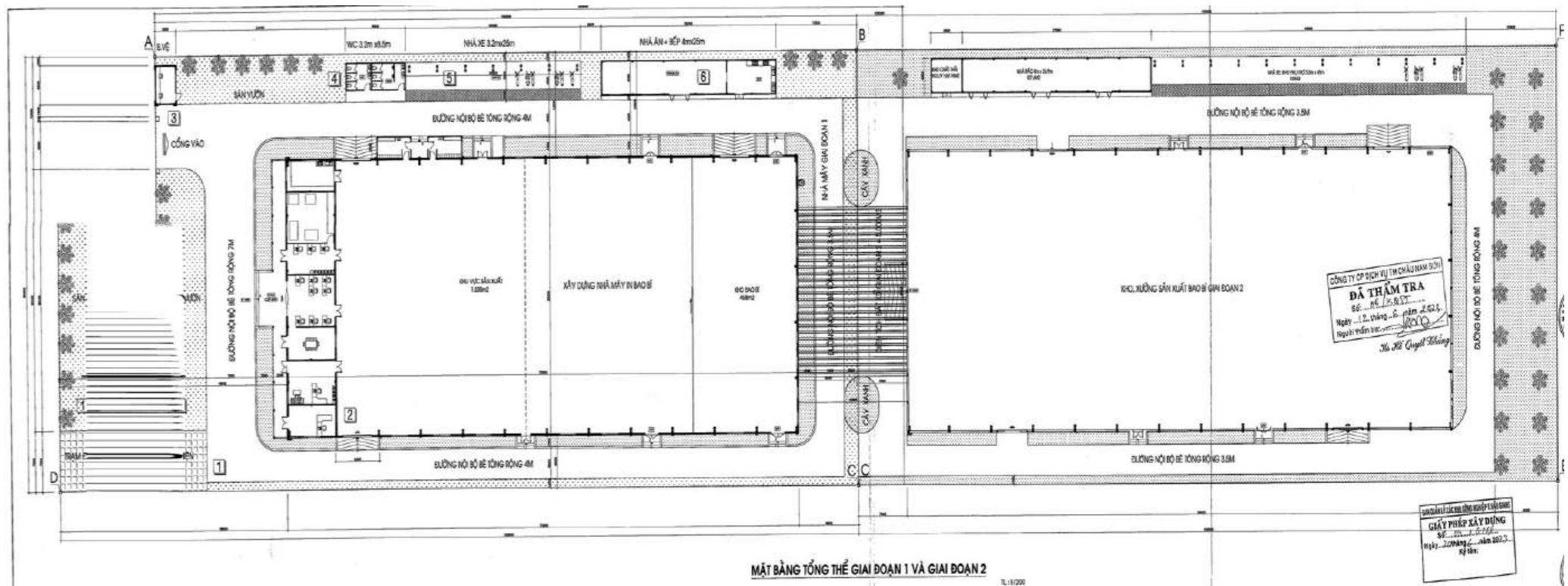
+ Mái che diện tích 302,25 m² (15,5 m x 19,5 m), chiều cao: 5,8 m.

Bảng 1.3: Các hạng mục công trình đã xây dựng

Stt	Hạng mục	Diện tích đã xây dựng	Ghi chú
I	Giai đoạn 1	5.000	
1	Nhà xưởng sản xuất - Khu văn phòng : 288 m ² . - Khu vực sản xuất bao bì: 1.632 m ² . - Khu vực kho bao bì: 480 m ² . - Khu thay đồ, khu phụ trợ... 30,5 m ² .	2.430,3	Đã hoàn công
2	Nhà ăn và bếp	100	
3	Nhà xe 2 bánh	80	
4	Nhà vệ sinh	27,2	
5	Nhà bảo vệ	12	
6	Tổng diện tích đường giao thông – cây xanh là: 2.348,8m ²	2.348,8	
7	Bể nước PCCC xây dựng âm dưới đất	62,5	
II	Giai đoạn 2	5.000	
1	Nhà xưởng, kho bao bì	2.535	Đã xây dựng hoàn thành, đang hoàn công
2	Nhà xe, khu phụ trợ	144	
3	Kho rác thải nguy hại, nhà rác	126	
4	Công trình hạ tầng dùng chung (hàng rào cây xanh, đường nội bộ, hàng rào, mái che...)	2.195	
	Tổng	10.000	

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì Đông Âu

- Mặt bằng tổng thể của dự án:



Hình 1.17. Mặt bằng tổng thể dự án

Chương II

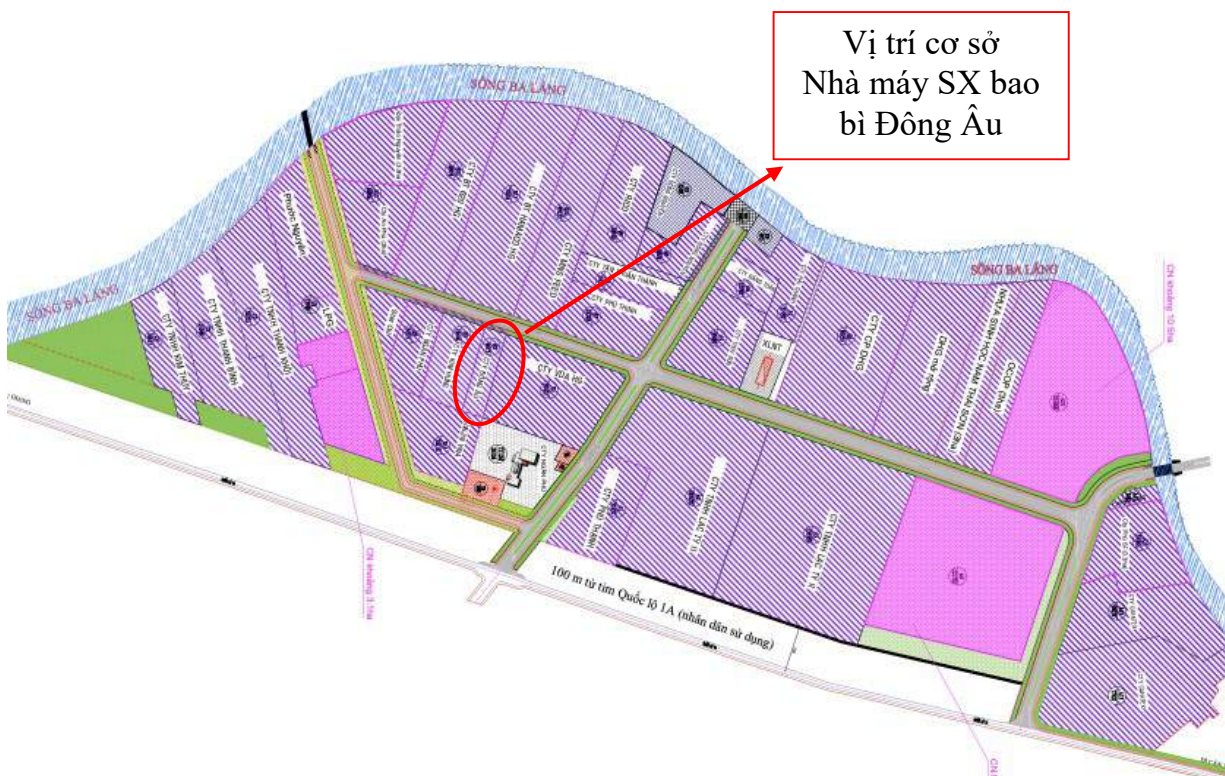
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Công ty TNHH Bao bì Đông Âu thực hiện “Nhà máy sản xuất bao bì Đông Âu” tại KCN Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. KCN Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1 được thành lập theo Quyết định số 3103/QĐ-UBND ngày 17/11/2009 của UBND tỉnh Hậu Giang với diện tích khoảng 201,42 ha. Dự án đầu tư hạ tầng KCN đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) tại Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 27/3/2007 của UBND tỉnh Hậu Giang.

“Nhà máy sản xuất bao bì Đông Âu” phù hợp với quy hoạch ngành nghề của KCN, đã được UBND tỉnh thống nhất chủ trương đầu tư tại Công văn số 2107/UBND-KT ngày 24/11/2017 của UBND tỉnh Hậu Giang; số 1050/UBND-KT ngày 06/06/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang (điều chỉnh tên chủ đầu tư). Chủ cơ sở đã thực hiện hoàn thiện các thủ tục theo quy định pháp luật về đất đai, quy hoạch, xây dựng, môi trường như đã nêu tại mục 6 Chương I. Vậy, “Nhà máy sản xuất bao bì Đông Âu” phù hợp với quy hoạch ngành nghề, quy hoạch của KCN.

* Về vị trí cơ sở:



Cơ sở nằm trên trục Đường số 4 và 1 phần đường số 8 của KCN.

Tiếp giáp: Công ty CP TM DV VDA - Hậu Giang.

Gần với: Công ty TNHH Lạc Tỷ II, Công ty TNHH De Heus, Công ty Cổ phần chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Phú Thịnh.



Hình 2.1. Sơ đồ vị trí cơ sở tại KCN Tân Phú Thạnh

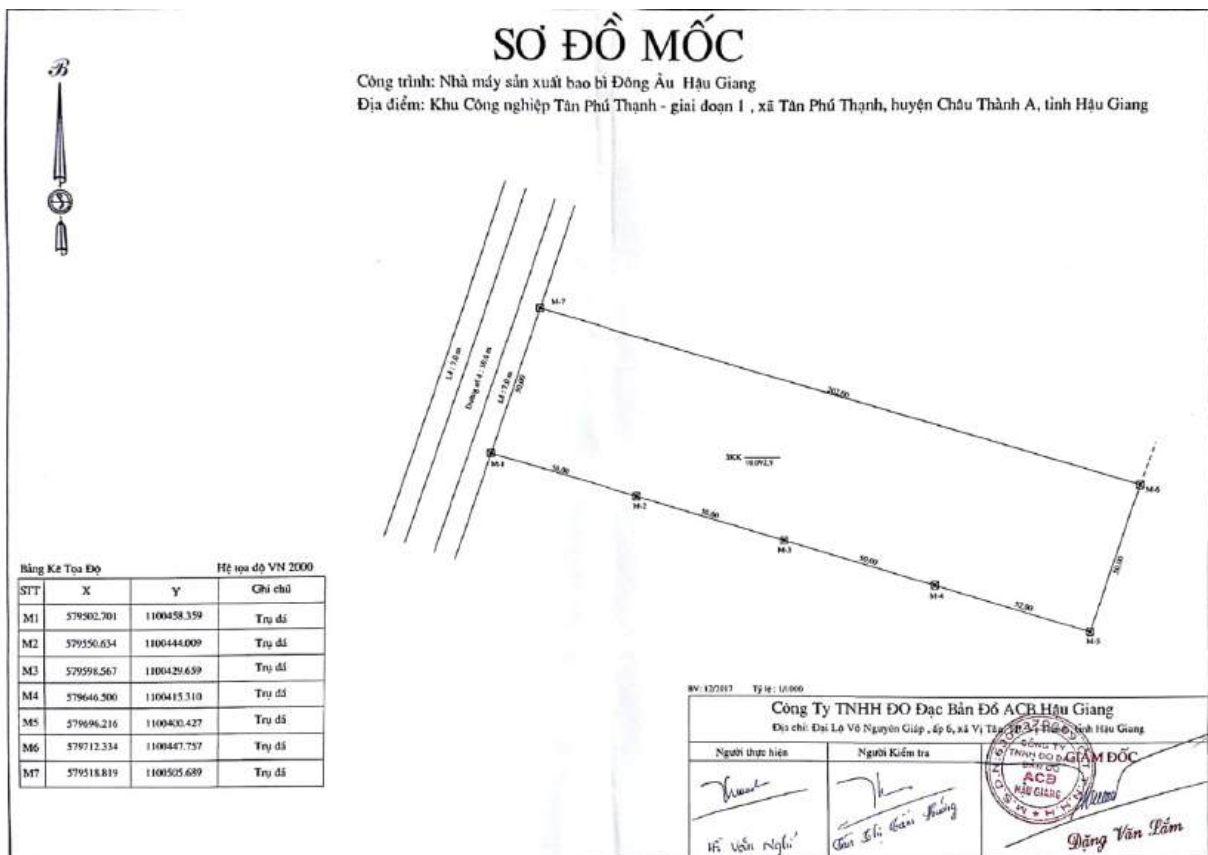
Tọa độ các điểm mốc của cơ sở:

$Y1 = 1100505,689$; $X1 = 579518,819$

$Y2 = 1100458,359$; $X2 = 579502,701$

$Y3 = 1100447,757$; $X3 = 579712,334$

$Y4 = 1100400,427$; $X4 = 579696,216$



Hình 2.2: Sơ đồ cọc mốc của cơ sở



Hình 2.3. Nhà máy sản xuất bao bì Đông Âu

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Công ty TNHH Bao bì Đông Âu thực hiện “Nhà máy sản xuất bao bì Đông Âu” tại KCN Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Dự án đầu tư hạ tầng KCN đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) tại Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 27/3/2007 của UBND tỉnh Hậu Giang đã có đánh giá khả năng chịu tải môi trường tiếp nhận chất thải và xây dựng các công trình bảo vệ môi trường phù hợp với các dự án đầu tư tại khu công nghiệp. KCN Tân Phú Thạnh đã có các thủ tục:

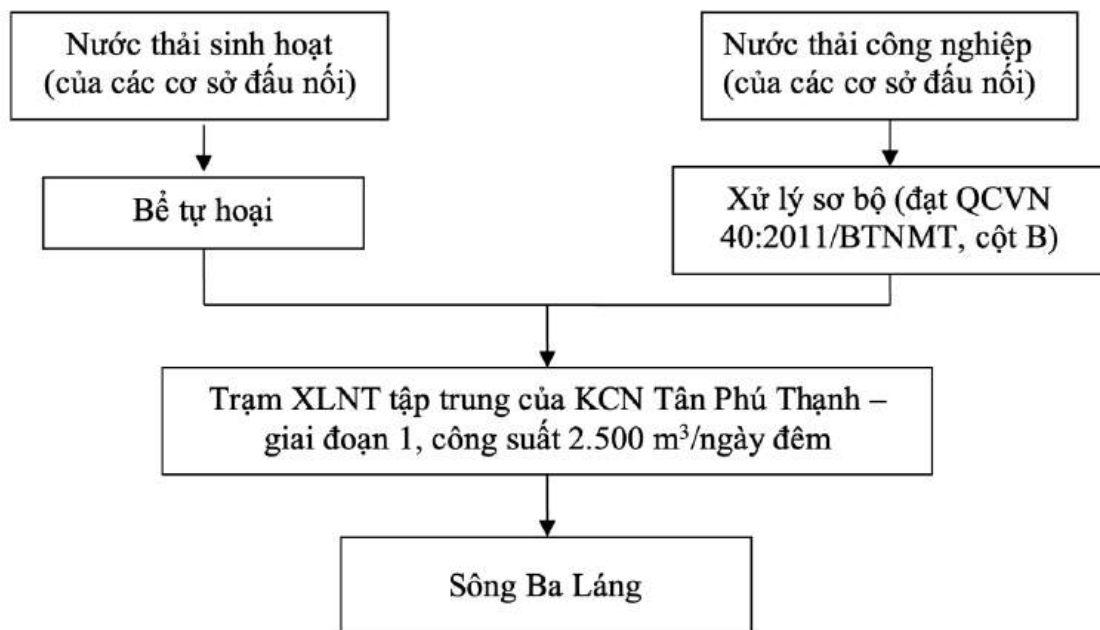
+ Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường: số 13/GXN-STNMT ngày 13/12/2016 của Sở TNMT.

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước: số 13/GP-UBND ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh Hậu Giang. Hệ thống XLNT tập trung của KCN có công suất 2.500 m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thải ra sông Ba Láng.

+ Sổ đăng ký chất thải nguy hại Mã số QLCTNH: 93.000343.T (Cấp lần 2) ngày 28/7/2016.

❖ Đánh giá khả năng tiếp nhận, xử lý nước thải của Trạm XLNT tập trung của Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1

- Tại KCN Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, nước thải của các nhà được xử lý cục bộ trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước thải của nghiệp, từ đây nước thải được dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung của khu bằng ống bê tông cốt thép (tự chảy). Sơ đồ thu gom nước thải của Trạm XLNT tập trung KCN Tân Phú Thạnh được trình bày trong hình dưới:



Hình 2.4: Sơ đồ thu gom nước thải Trạm XLNTTT KCN Tân Phú Thạnh

- Công thu, thoát nước thải của khu công nghiệp được đầu tư đồng bộ với tuyến đường đến hàng rào của của các nhà máy để thu nước thải thông qua các hố ga.

- Khi dự án đi vào hoạt động thì lưu lượng nước thải ước tính khoảng 8 m³/ngày, lưu lượng này rất nhỏ nếu so với quy cách của công thu gom nước thải của khu công nghiệp, gây tác động rất nhỏ đến lưu lượng nước chảy qua cống tròn (BTCT Ø 300 và Ø 600). Nhìn chung, hoạt động xả lượng nước thải 8 m³/ngày của dự án hầu như không gây ảnh hưởng đến hiện trạng thu gom nước thải hiện hữu của khu công nghiệp.

- Trong KCN Tân Phú Thạnh, nước thải sản xuất được tạo ra từ các quá trình sản xuất của nhiều ngành nghề khác nhau. Để Trạm XLNT tập trung của KCN hoạt

động ổn định, nước thải của các DN đều được xử lý sơ bộ nhằm giảm nồng độ các chất ô nhiễm trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN, cụ thể, yêu cầu chất lượng nước thải sau khi xử lý của DN bảo đảm đạt QCVN 40:2011, cột B.

- Trạm XLNT tập trung KCN Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1 (công suất $2.500\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$) đang tiếp nhận xử lý trung bình từ $650\text{--}750\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ của 13 cơ sở. So với công suất xử lý nước thải của Trạm XLNT tập trung là $2.500\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ thì Trạm XLNT tập trung của khu công nghiệp đang hoạt động đạt 30%, **vẫn còn khả năng tiếp nhận lượng nước thải phát sinh từ dự án của Công ty TNHH Bao bì Đông Âu.**

Công ty TNHH Bao bì Đông Âu hợp đồng đầu nối nước thải sinh hoạt vào Trạm XNNT tập trung của KCN, không xả thải ra môi trường. Đối với khí thải và chất thải rắn (thông thường, nguy hại) tại khu công nghiệp cũng đã có các biện pháp phù hợp. Quá trình triển khai dự án, chủ đầu tư của cơ sở áp dụng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

❖ Mô tả khả năng chịu tải của nguồn nước tiếp nhận nước thải:

Nguồn tiếp nhận nước thải của khu vực là sông Ba Láng.

Sông Ba Láng là một nhánh của sông Cần Thơ, chuyên nước vào nội đồng. Sông Ba Láng có giá trị kinh tế lớn về giao thông thủy là nguồn cung cấp nước quan trọng cho sinh hoạt, trồng trọt, chăn nuôi của khu vực. Sông Ba Láng nằm trong vùng nước ngọt, mạng lưới kênh rạch phát triển với nhiều kênh rạch tự nhiên và kênh đào phục vụ sản xuất nông nghiệp, thực hiện nhiệm vụ cung cấp nước vào mùa khô và tiêu thoát nước vào mùa mưa, giữ vai trò vận tải thủy cho cả khu vực.

Độ sâu và độ rộng của sông Ba Láng thay đổi theo địa hình dòng sông chảy qua, với độ rộng lòng sông trung bình $40\text{--}60\text{ m}$, độ sâu lòng sông trung bình khoảng $8\text{--}10\text{ m}$. Hiện trạng sông Ba Láng vào thời điểm lập báo cáo GPMT không có mùi khó chịu, không có hiện tượng phát triển mạnh mẽ của thủy sinh vật hay các hiện tượng bất thường khác nên việc tiếp nhận nước thải không gây quá tải khả năng

Vì chủ đầu tư đầu nối vào Trạm Xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp. Trạm XLNT tập trung của KCN có lưu lượng xả thải lớn nhất là $2.500\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ tương đương $0,029\text{ m}^3/\text{s}$, lưu lượng xả nước thải như vậy là rất nhỏ so với lưu lượng của sông Ba Láng (vốn là $105\text{ m}^3/\text{s}$ theo Quyết định 1067/QĐ-UBND ngày 18/4/2012 của UBND tỉnh) nên việc xả thải nước thải của dự án không gây ứ đọng, ngập úng, không gây ảnh hưởng đến chế độ thủy văn của nguồn tiếp nhận.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Nguyên lý thiết kế:

Nước mưa được thu gom qua các hố ga thu nước mưa và chảy trong ống theo độ dốc 0,1%, hố ga có bố trí lưới lọc rác, khoảng cách trung bình các ga thu nước mưa là 30 m/1 hố ga.

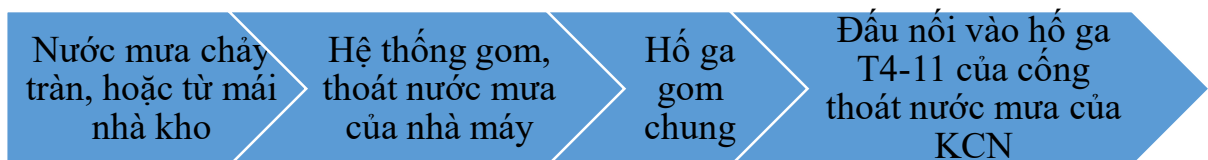
- Hệ thống thu gom nước mưa gồm các ống BTLT Ø400, Ø600, và các hố ga (1 m x 1 m) và (1,2 m x 1,2 m) trên vỉa hè, dưới lòng đường.

+ Đối với nước mưa từ các công trình: Nước mưa từ các mái công trình được thu gom vào máng thu nước thiết kế dọc theo mái nhà, sau đó chảy qua ống PVC, dẫn xuống hệ thống cống gom nước mưa.

+ Đối với nước mưa chảy tràn trên sân nền đã bê tông hóa: Nền đã được bê tông hoá hoàn toàn, luôn được quét dọn sạch sẽ, nước mưa trên nền tự chảy vào rãnh thu nước, vào các hố ga có song chắn rác bố trí dọc đường nội bộ.

Hệ thống thoát nước mưa của mái và nước mặt sân được đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của nhà máy, từ các hố ga dẫn vào hố gom chung, sau đó đầu nối vào 02 điểm trên Đường số 4 của KCN, tại hố ga T4-11 và T4-12 ngoài hàng rào doanh nghiệp, theo Công văn số 42/PTHT ngày 29/1/2018 của Công ty Phát triển hạ tầng KCN Hậu Giang v/v thống nhất cho Công ty TNHH bao bì Đông Âu đầu nối hạ tầng vào Đường số 4 KCN Tân Phú Thạnh.

- Sơ đồ thoát nước mưa của cơ sở:



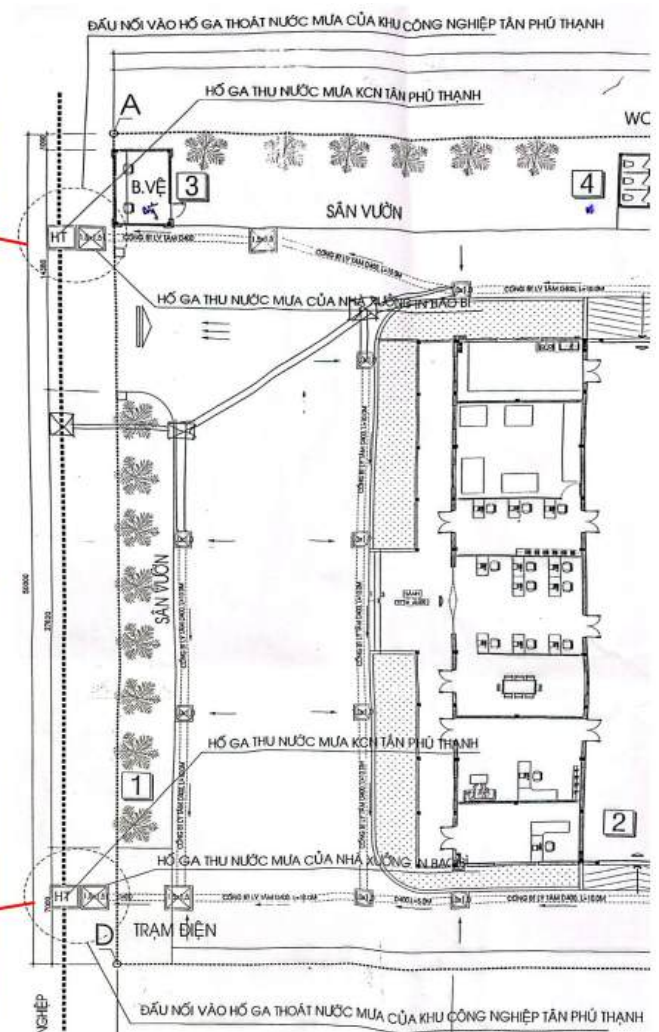
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa



Hình 3.2. Hệ thống máng thu nước, hồ ga, rãnh gom nước mưa



Hình 3.3. Nước mưa chảy tràn trên nền bê tông hoá hoàn toàn



Hình 3.4. Vị trí đầu nối nước mưa tại hồ ga T4-11 và T4-12 trên Đường số 4 KCN

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Hoạt động chính của dự án nhà máy sản xuất bao bì Đông Âu là in ấn, sản xuất bao bì các loại. Do đặc thù ngành in không sử dụng nước trong quy trình sản xuất, nên không phát sinh nước thải sản xuất, chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân. Tuy có nhà ăn nhưng không phát sinh nước thải từ nhà ăn (vì không nấu ăn, vệ sinh chén đĩa tại chỗ, các suất ăn đều hợp đồng với 1 đơn vị khác cung cấp suất ăn). Tại cơ sở cũng không vệ sinh thiết bị, máy móc bằng nước mà dùng giẻ lau vệ sinh thiết bị nên không phát sinh nước thải từ hoạt động này.

* Lượng nước thải đầu nổi thực tế

Bảng 3.1. Theo dõi nước thải đầu nổi hàng tháng trong năm 2023, 2024

Tháng Năm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2023	114	83	103	122	108	109	97	108	103	152	159	159
2024	219	197	356	107	162	162	242	127	110	117	128	175 dự kiến

(Nguồn: Theo dõi của cơ sở qua các Hóa đơn thu tiền xử lý nước thải, có đối chiếu với Công ty PTHT)

Bảng 3.2. Thống kê lưu lượng nước thải năm 2023, năm 2024 cao nhất, thấp nhất, trung bình (tính theo tháng và ngày)

Năm	Lưu lượng nước thải min (tháng)	Lưu lượng nước thải max (tháng)	Lưu lượng nước thải min (ngày)	Lưu lượng nước thải max (ngày)	Trung bình nước thải (tháng)	Trung bình nước thải (ngày)
2023	83	159	3,19	6,12	118,08	4,54
2024	107	356	4,12	13	175,18	6,74

(Nguồn: Công ty thống kê)

Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tùy vào tình hình sản xuất và nhu cầu của thị trường. Theo ghi nhận từ các Hóa đơn thu tiền xử lý nước thải của cơ sở, vào các tháng cao điểm thì nhu cầu sử dụng nước cao, từ đó lượng nước thải cũng tăng (lượng thải ghi nhận cao nhất là tháng 3/2024 khoảng 356 m³); tại các tháng có đơn hàng ít thì lượng nước thải phát sinh ít (lượng thải ghi nhận thấp nhất là tháng 2/2023 khoảng 83 m³).

Qua theo dõi nước thải đầu nổi hàng tháng trong năm 2023, 2024 tại Bảng 3.1 và thống kê lưu lượng nước thải năm 2023, năm 2024 cao nhất, thấp nhất, trung bình

(tính theo tháng và ngày) tại Bảng 3.2 thì lượng nước thải phát sinh, đầu nối vào Trạm XLNT tập trung của KCN, hợp đồng với Công ty hạ tầng xử lý, lưu lượng trung bình là khoảng $07 - 10 \text{ m}^3/\text{ngàyđêm}$, tối đa là $12 \text{ m}^3/\text{ngàyđêm}$.

Công ty TNHH Đông Âu đã thỏa thuận đầu nối và xử lý nước thải với Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Hậu Giang tại Hợp đồng số 02/2018 ngày 18/12/2018 và Phụ lục hợp đồng số 02/2021 ngày 02/6/2021 (*đính kèm hợp đồng và phụ lục hợp đồng tại phần Phụ lục báo cáo*). Cụ thể, khoán lượng nước thải bằng 80% nước cấp. Hàng tháng hai bên cùng thống nhất lưu lượng đầu nối dựa trên hoá đơn nước cấp. Vị trí đầu nối tại hố ga thu gom nước thải ngoài hàng rào doanh nghiệp, đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của đường số 4, KCN Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1.

- Nguyên lý thiết kế:

Cơ sở đã xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Hệ thống thu gom, thoát nước thải gồm:

+ Tuyến thu gom nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh gồm hệ thống đường ống PVC Ø150.

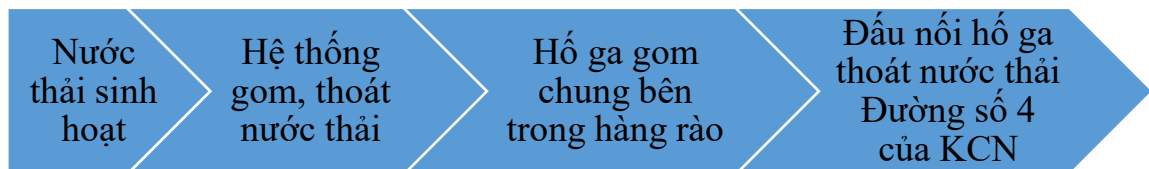
+ Các ống thu gom BTLT Ø300, Ø400, hố ga (1 m x 1 m)

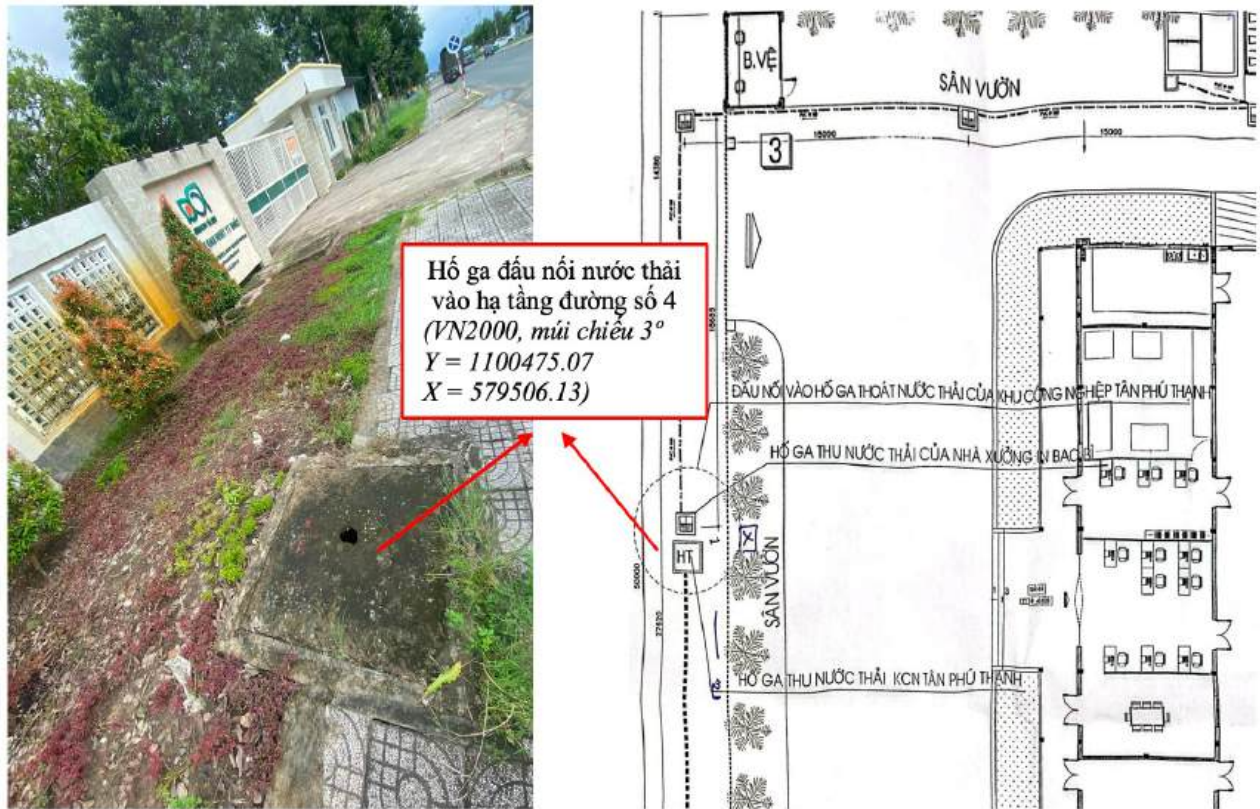
Nước thải sinh hoạt từ các thiết bị vệ sinh như bồn rửa mặt, chậu rửa được thu gom vào ống thoát và nối về ống thoát nước thải chính dẫn vào các hố ga.

Nước thải từ các nhà vệ sinh qua bể tự hoại, thoát vào hố ga thoát nước, dẫn về đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của nhà máy.

Nước thải sau bể tự hoại theo cống thu gom nước thải nội bộ của nhà máy, chảy ra hố ga thu gom chung, đầu nối vào hố ga của Đường số 4 KCN, từ đó đầu nối vào với Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải.





Hình 3.5. Vị trí đầu nối nước thải tại hồ ga trên Đường số 4 KCN

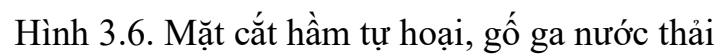
1.3. Xử lý nước thải

Do lượng nước thải hàng tháng thấp nên đã thỏa thuận với Công ty hạ tầng tính “khoán” lượng nước thải bằng 80% nước cấp, hàng tháng hai bên cùng thống nhất lưu lượng đầu nối dựa trên hoá đơn nước cấp, theo điều 3 của Hợp đồng dịch vụ thoát nước số 02/2018 ngày 18/12/2018 giữa Công ty hạ tầng và Công ty TNHH Bao bì Đông Âu.

Như trình bày tại mục 1.2. thì lượng nước thải đầu nối vào Trạm XLNT tập trung của KCN trung bình là khoảng 07 – 10 m³/ngàyđêm, tối đa là 12 m³/ngàyđêm.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân đang làm việc tại kho được xử lý bằng bể tự hoại. Nước thải sau khi qua bể tự hoại được thu gom vào hệ thống thu gom nước thải, chảy vào hố ga gom chung (bên trong hàng rào), đầu nối vào hố ga của Đường số 4 KCN, dẫn vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

+ **Nguyên lý hoạt động bể tự hoại:** Nước thải đi qua bể tự hoại để loại phân cặn lắng, lắng và phân hủy cặn lắng với hiệu suất xử lý các chất ô nhiễm từ 30 - 40% (riêng phần cặn rắn được giữ lại trong bể từ 80 – 85%). Trong khoảng thời gian từ 3 – 6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại đạt 60 – 65% BOD và 20 – 40% cặn lơ lửng SS.



Hình 3.7. Hồ ga thu gom nước thải, đầu nối nước thải

Đính kèm tại phụ lục: bản vẽ hoàn công tuyến thu gom nước mưa, nước thải.

2. Biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động của phương tiện giao thông

Phát sinh nhưng không đáng kể. Chủ cơ sở áp dụng các biện pháp như sau:

- Quy định lối ra, vào cho các phương tiện đi lại của công nhân viên và các phương tiện vận chuyển ra vào, chuyên chở hàng hóa của cơ sở.
- Quy định tốc độ của các phương tiện, đặc biệt là các xe tải, xe container khi ra vào cơ sở.
- Phun nước dập bụi vào các thời điểm nắng nóng trong ngày.
- Thường xuyên vệ sinh, quét dọn đất cát trong đường nội bộ
- Trang bị khẩu trang cho công nhân viên.
- Quy định xe không chở quá tải trọng quy định.
- Bên ngoài khuôn viên trồng nhiều cây xanh góp phần giảm thiểu bụi, khí thải từ các phương tiện xe cơ giới.



Hình 3.8. Cây xanh trong khuôn viên

2.2. Biện pháp giảm thiểu bụi, hơi khí độc và thông gió từ khu nhà văn phòng, kho, xưởng

Quá trình hoạt động sản xuất không phát sinh khí thải công nghiệp.

Từ các hoạt động vẫn phát sinh bụi (bụi toàn phần, bụi hô hấp) và nhiệt (vi khí hậu) nhà xưởng, tuy có phát sinh nhưng không đáng kể. Chủ cơ sở áp dụng các biện pháp như sau:

Tại khu nhà văn phòng và kho, chủ cơ sở bố trí hệ thống thông gió, thoát khí tự nhiên để tạo độ thông thoáng cho nhân viên làm việc (riêng khu vực sản xuất bao bì

cấp 1 thì cần kín không có hệ thống thoát khí).

Biện pháp giảm thiểu bụi nhà xưởng: chủ cơ sở sử dụng biện pháp thiết kế thông thoáng, tản nhiệt và bố trí các thiết bị quạt hút, quạt gió công nghiệp với các thông số kỹ thuật được thể hiện tại Bảng 3.3. Khu nhà xưởng sản xuất có diện tích sàn 2.430,5 m², cao 9,3 m (tính từ cao độ sân hoàn thiện), vậy tương đương với lượng thể tích không khí là 22.603,65 m³ khí, thiết kế tạo độ thông thoáng, kết hợp với có bố trí quạt hút, quạt gió công nghiệp nên hàm lượng bụi có tác động không đáng kể.

Bảng 3.3: Đặc điểm kỹ thuật của thiết bị thông gió công nghiệp

STT	Hàng hoá	Điện áp (V)	Công suất (W)	Tốc độ (RPM)	Lượng gió (m ³ /min)	Số lượng (cái)
1	Quạt gián tiếp DF 90	380	450	1400	26.000	18
2	Quạt trực tiếp IDF 90	380	450	960	26.000	26
3	Vòm che mưa tole kẽm và lưới chắn côn trùng	-	-	-	-	26



Hình 3.9. Nhà xưởng được thiết kế thoáng khí

Hàng năm, cơ sở đều quan trắc, lập hồ sơ đo kiểm môi trường lao động (đây cũng là theo yêu cầu của khách hàng, cũng vừa tạo môi trường làm việc đảm bảo sức khỏe nhân viên, phù hợp với các quy định pháp luật). Cơ sở hợp đồng với Công ty CP đào tạo an toàn và môi trường Việt Nam quan trắc môi trường lao động¹.

Kết quả của Vi khí hậu, bụi, hơi khí độc qua các năm 2022, 2023 như sau:

+ Vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, bức xạ nhiệt): 04/04 mẫu quan trắc tại 04 vị trí quan trắc² đều trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2016/BYT – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

¹ Quan trắc môi trường lao động hàng năm: (1) Vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, bức xạ nhiệt); (2) Yếu tố vật lý (Ánh sáng, Tiếng ồn); (3) Bụi các loại (toàn phần và hô hấp); (4) Hơi khí độc (NO, NO₂, SO₂).

² 04 vị trí quan trắc: (1) khu vực thành phẩm; (2) khu vực máy in; (3) khu vực bán thành phẩm; (4) khu vực văn phòng

+ Ánh sáng: 04/04 mẫu quan trắc tại 04 vị trí quan trắc³ đều trong giới hạn QCVN 26:2016/BYT – mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

+ Bụi: 04/04 mẫu quan trắc tại 04 vị trí quan trắc⁴ bụi toàn phần, bụi loại 4 đều nằm trong giới hạn tiếp xúc cho phép theo QCVN 02:2019/BYT đối với bụi của nơi làm việc áp dụng đối với thời lượng tiếp xúc 48 giờ làm việc/tuần, tuần làm việc 6 ngày.

+ Hơi khí độc: 4/4 mẫu quan trắc tại 04 vị trí quan trắc⁵ đều đạt so với QCVN 03:2019/BYT – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của yếu tố hoá học nơi làm việc.

Nhận xét: kết quả đều đạt chuẩn theo quy định thể hiện các biện pháp thông thoáng này đã được chủ cơ sở áp dụng hiệu quả trong thời gian qua.

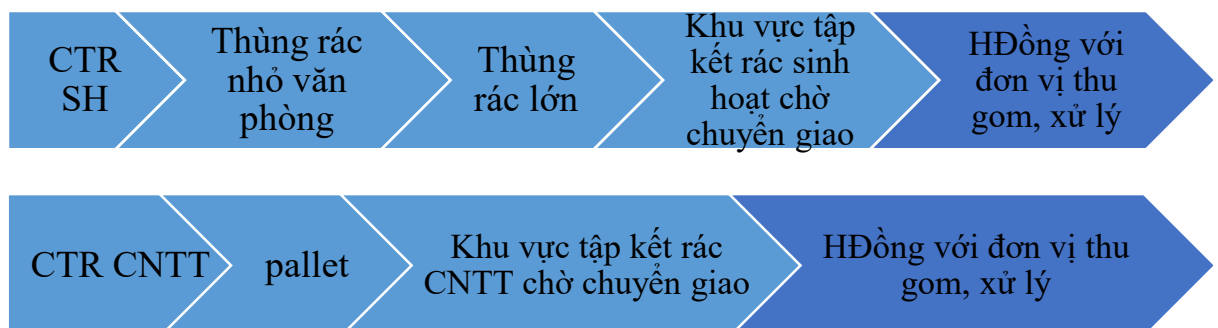
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

* Rác thải sinh hoạt:

Khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở khoảng trung bình khoảng **135 - 226,5 m³/năm** (từ khối lượng Công ty theo dõi trong năm 2023 và 2024). Chủ cơ sở bố trí các thùng chứa rác (thể tích 50L) theo các lối đi nội bộ để thu gom rác thải, tại khu văn phòng thì bố trí thùng rác nhỏ văn phòng, toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt này được thu gom tập kết về thùng rác 660L (số lượng 01 cái). Hợp đồng với Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Hậu Giang thu gom xử lý mỗi ngày.

* **Rác thải công nghiệp thông thường** gồm giấy, phế liệu, hồ sơ thì thu gom vào khu vực chứa rác thải thông thường, chờ hợp đồng với các đơn vị thu mua phế liệu, khoảng **88.880 - 97.640 kg/năm**. Hợp đồng thu mua phế liệu với Công ty TNHH MTV Thương mại Đầu tư Thiên Trí, thời gian chuyển giao theo thoả thuận và khối lượng của phế liệu.

- Sơ đồ thu gom CTR sinh hoạt và CTR công nghiệp thông thường:



Hình 3.10: Sơ đồ thu gom chất thải rắn thông thường

³ 04 vị trí quan trắc: (1) khu vực thành phẩm; (2) khu vực máy in; (3) khu vực bán thành phẩm; (4) khu vực văn phòng

⁴ 04 vị trí quan trắc: (1) khu vực thành phẩm; (2) khu vực máy in; (3) khu vực bán thành phẩm; (4) khu vực văn phòng

⁵ 04 vị trí quan trắc: (1) khu vực đầu xưởng; (2) khu vực cuối xưởng; (3) khu vực sửa chữa; (4) khu vực sơn sửa



Hình 3.11. Khu vực tập kết rác thải sinh hoạt và công nghiệp thông thường

Công ty theo dõi, giám sát chặt chẽ khối lượng rác thải, tổng hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường cuối năm. Bảng thống kê chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường thể hiện cụ thể tại Bảng 3.4.

Bảng 3.4: Thống kê chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường

STT	Theo dõi khối lượng	Khối lượng		Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTR
		2024	2023	
A	Rác thải sinh hoạt (ĐVT: m ³)	226,5	135	
1	Tháng 01/2024	15,5	8	Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Hậu Giang (hợp đồng số 35/2024/HĐ.XL.CT ngày 01/01/2024 giữa Công ty
2	Tháng 02/2024	23	7	
3	Tháng 3/2024	24	8,5	
4	Tháng 4/2024	17,5	15	
5	Tháng 5/2024	12	13	

6	Tháng 6/2024	24	11,5	TNHH Bao bì Đông Âu và Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Hậu Giang)
7	Tháng 7/2024	21	15	
8	Tháng 8/2024	27	11,5	
9	Tháng 9/2024	16	12	
10	Tháng 10/2024	19,5	10,5	
11	Tháng 11/2024	11,5	11,5	
12	Tháng 12/2024	11,5	11,5	
B	Rác thải công nghiệp thông thường (ĐVT: kg)	97.640	88.880	
1	Tháng 01/2024	11.070	5.830	Công ty TNHH MTV Thương mại Đầu tư Thiên Trí (hợp đồng số 085/HĐNT.DA.2023 ngày 01/07/2023 giữa Công ty TNHH Bao bì Đông Âu và Công ty TNHH MTV Thương mại Đầu tư Thiên Trí)
2	Tháng 02/2024	17.920	5.890	
3	Tháng 3/2024	3.970	6.630	
4	Tháng 4/2024	7.320	6.220	
5	Tháng 5/2024	5.120	11.570	
6	Tháng 6/2024	-	-	
7	Tháng 7/2024	5.990	9.450	
8	Tháng 8/2024	9.240	8.990	
9	Tháng 9/2024	8.370	7.850	
10	Tháng 10/2024	10.180	8.610	
11	Tháng 11/2024	9.190	9.470	
12	Tháng 12/2024	9.270	8.370	

(Nguồn: theo dõi của Công ty)

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

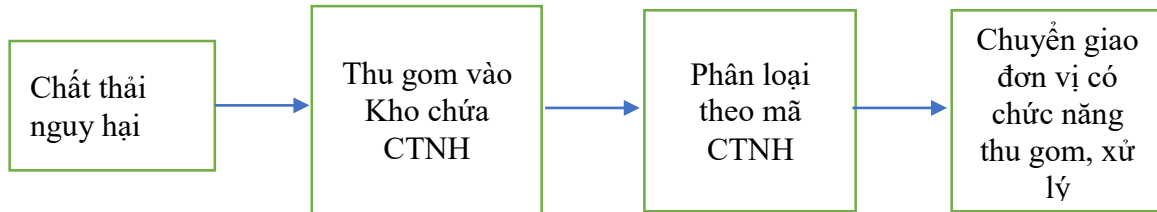
Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở khoảng trung bình khoảng 2.030 - 3.250 kg/năm, thống kê trong năm 2023, 2024. Các CTNH trong quá trình hoạt động của cơ sở gồm:

Bảng 3.5. Chất thải nguy hại trong năm 2023, 2024 (kg)

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)		Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
			2024	2023		
1	Mực in thải	08 02 01	140	485	TĐ	Công ty TNHH SX-TM-DV Môi trường Việt Xanh Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại số 1-2-3-4-5-6.033.VX cấp ngày 18/11/2021 của Công ty TNHH
2	Hộp mực in thải	08 02 04	660	200	TĐ	
3	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	-	0	PT, HR	
4	Bao bì mềm thải	18 01 01	1.100	315	TĐ	
5	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	400	1.030	TĐ	
6	Pin, acquy chì thải	19 06 01	-	0	SR, PD, TC	

						SX-TM-DV Môi trường Việt Xanh
	Tổng số lượng		3.250	2.030		

- Sơ đồ thu gom chất thải nguy hại:



Hình 3.12. Sơ đồ thu gom chất thải nguy hại



- Tần suất thu gom: thực tế thu gom khoảng 2-3 tháng/lần, khoảng 3-4 lần/năm

- CTNH được thu gom phân loại riêng tại Kho chứa CTNH, diện tích khoảng 09m².

- Kho chứa chất thải nguy hại được xây dựng riêng biệt, không chứa chung với chất thải thông thường. Kho kín, thùng chứa có dán nhãn. Bên ngoài cửa kho có dán nhãn cảnh báo CTNH theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Hình 3.13. Kho chứa rác thải nguy hại

5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn chủ yếu phát sinh chủ yếu từ khu vực nhà xưởng. Hằng năm, cơ sở đều quan trắc, lập hồ sơ đo kiểm môi trường lao động. Cơ sở hợp đồng với Công ty CP đào tạo an toàn và môi trường Việt Nam quan trắc tiếng ồn trong xưởng⁶. Kết quả quan trắc tiếng ồn qua các năm 2022, 2023: 04/04 mẫu quan trắc tại 04 vị trí quan

⁶ Quan trắc môi trường lao động hàng năm: (1) **Vi khí hậu** (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, bức xạ nhiệt); (2) **Yếu tố vật lý** (Ánh sáng, Tiếng ồn); (3) **Bụi các loại** (toàn phần và hô hấp); (4) **Hơi khí độc** (NO, NO₂, SO₂).

trắc⁷ đều trong giới hạn cho phép của QCVN 24:2016/BYT – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc. Vay tiếng ồn phát sinh không đáng kể.

Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: Chủ cơ sở bố trí máy móc ở vị trí thiết kế phù hợp, toàn bộ máy móc được bố trí vào các layer phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, thiết bị máy móc được đặt trên bệ đúc có móng chắc chắn, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật để tránh rung theo mặt nền. Có kiểm tra, thay thế các đệm cao su trên thiết bị nếu có dấu hiệu hư hỏng. Ngoài ra còn có chế độ bảo trì định kỳ như bôi trơn, sửa chữa hoặc thay thế thiết bị hư hỏng.

Tại bãi xe nhập – xuất hàng hoá, chủ cơ sở quy định thời gian xe ra vào bãi; giãn cách thời gian các xe tập trung đến xuất, nhập hàng phù hợp, kiểm tra; bảo dưỡng xe thường xuyên; bê tông hoá bãi tập kết xe.

Một số biện pháp chung: trang bị khẩu trang, nút bịt tai chống ồn cho nhân viên; quy định thời gian làm việc hợp lý, phù hợp với các công đoạn dây chuyền; trồng cây xanh bao quanh dự án.



Hình 3.14: Máy móc được bố trí khu vực độc lập

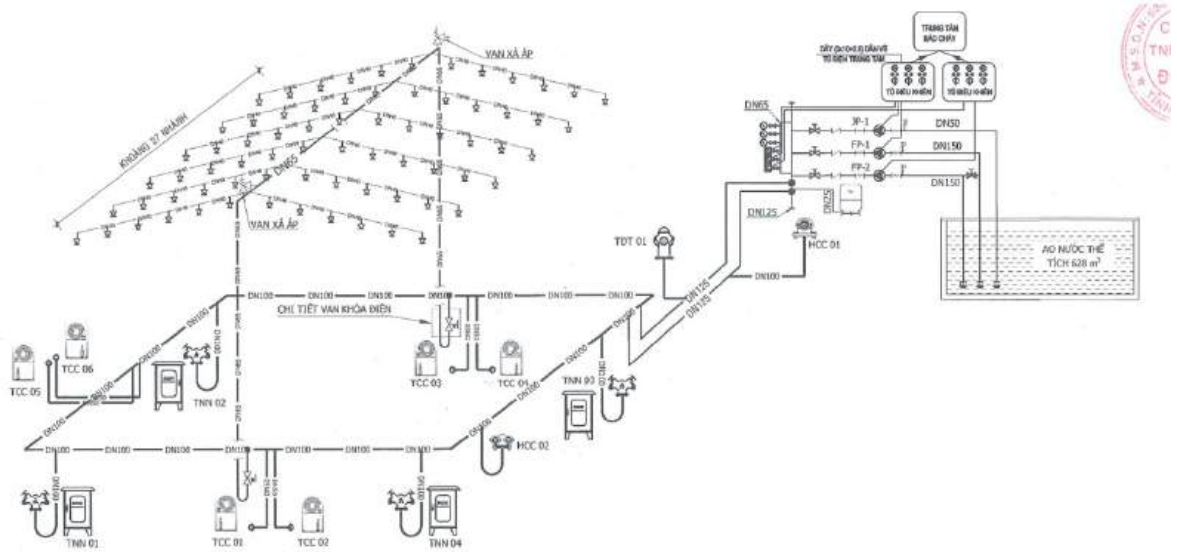


Hình 3.15. Cây xanh ngoài hàng rào dự án

⁷ 04 vị trí quan trắc: (1) khu vực thành phẩm; (2) khu vực máy in; (3) khu vực bán thành phẩm; (4) khu vực văn phòng

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ.



Hình 3.16. Mặt bằng hệ thống cấp nước chữa cháy

* Thông tin hệ thống PCCC và hệ thống kỹ thuật khác có liên quan

- Hệ thống báo cháy tự động: Trung tâm báo cháy liên thông thường 8 kênh, 07 cặp đầu báo cháy Beam cho công trình.

- Hệ thống cấp nước gồm hệ thống chữa cháy ngoài nhà; hệ thống chữa cháy bên trong; hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler và hệ thống bơm cấp nước chữa cháy gồm 02 bơm động cơ điện có cùng thông số kỹ thuật $Q = 75 \text{ l/s}$, $H = 80 \text{ m.c.n}$, bơm bù áp có thông số kỹ thuật $Q = 5 \text{ m}^3/\text{h}$, $H = 85 \text{ m.c.n}$, 01 bể nước chữa cháy khối tích 612 m^3 . Thiết kế hệ thống đường ống cấp nước và 04 trụ cấp nước chữa cháy ngoài nhà loại 02 họng DN65, 01 họng chờ tiếp nước loại 02 ngã DN65, 01 họng chờ tiếp nước loại 01 ngã DN65, 06 họng chữa cháy vách tường; Hệ thống chữa cháy Sprinkler gồm 334 đầu phun và khoảng cách giữa các đầu phun theo phương đứng và phương ngang tối đa 3 m.

- Hệ thống đèn chiếu sáng và đèn chỉ dẫn thoát nạn cho công trình, bố trí trên các cửa ra vào, hành lang, đường thoát nạn, lối rẽ trên đường thoát nạn để chiếu sáng, chỉ dẫn lối đi và dễ quan sát.

- Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu cho các hạng mục của công trình.

Chủ cơ sở được Công an tỉnh Hậu Giang cấp 02 Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy, chứng nhận công trình Nhà xưởng sản xuất bao bì Đông Âu đã được thẩm duyệt.

(Đính kèm Giấy chứng nhận Thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 04/TD-PCCC ngày 08/01/2018 và số 40/TD/PCCC ngày 19/5/2023 của Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy – Công an tỉnh Hậu Giang tại phụ lục).

b. Biện pháp đảm bảo an toàn lao động

+ Tuân thủ triệt để các điều khoản về vệ sinh an toàn lao động đối với công nhân.

+ Thiết lập bảng nội quy về an toàn lao động cho từng khâu như nhập, xuất, trữ, đồng thời phối hợp với cơ quan chuyên môn tổ chức huấn luyện về kỹ thuật an toàn lao động cho công nhân.

+ Xây dựng các nội quy an toàn lao động. Trang bị các thiết bị cấp cứu tại chỗ, tủ thuốc với bảng chỉ dẫn sử dụng...

+ Trang bị bảo hộ lao động trang bị cho công nhân bao gồm: Giày/ủng bảo hộ lao động (chủng loại: da cao cấp, đế nhựa PU, đặc điểm chống axit, chống trơn, tĩnh điện, nhiệt); Găng tay (Cao su tổng hợp, đặc điểm cao su độ bền, dẻo, cách điện trung thế); Kính bảo hộ lao động (Polycarbon trong suốt, chống bụi và tia UV 3M-2720); Quần áo bảo hộ lao động và khẩu trang hoạt tính. Chủ cơ sở quan tâm cấp thay mới khi trang bị bảo hộ hư hỏng.



Hình 3.17: Công nhân được trang bị bảo hộ lao động

c. Biện pháp phòng ngừa nguy cơ, xử lý rò rỉ từ hoá chất

- Phân công người chuyên quản lý, đòi hỏi nhân viên vận hành và bảo dưỡng phải được đào tạo kỹ thuật và giáo dục công nghệ an toàn, hiểu được cấu tạo cơ bản của thiết bị, nắm vững các quy trình vận hành, vận hành theo đúng quy trình.

- Kiểm tra, bảo dưỡng kho chứa thường. Tất cả các vật dụng bảo hộ lao động, bảo hộ an toàn và các dụng cụ đặc biệt phải được đặt ở những nơi dễ lấy và dễ lấy. Mặt nạ phòng độc phải được kiểm tra thường xuyên để đảm bảo chúng ở trạng thái tốt và hiệu quả.

- Kiểm tra chất lượng nghiêm ngặt được thực hiện trước khi bất kỳ hàng hóa nào được đưa vào kho. Hàng hóa thuộc nhiều loại khác nhau và nhiệt độ bảo quản khác nhau phải được phân loại và bảo quản trong kho có nhiệt độ thích hợp theo yêu cầu, xử lý cẩn thận.

- Thường xuyên vệ sinh bên trong và bên ngoài kho chứa, tránh va chạm và làm trầy xước các vật cứng trên dụng cụ chứa làm giảm khả năng lưu trữ. Thực hiện nghiêm các phương pháp phòng cháy chữa cháy.

- Khi xảy ra sự cố, kiểm soát nguồn rò rỉ để ngăn chặn việc tiếp tục giải phóng hóa chất. Sau khi sự cố được kiểm soát, chứa chất rò rỉ ở một khu vực giới hạn, ngăn ngừa sự lan rộng của hóa chất, giảm diện tích bị ảnh hưởng và giảm thiểu tác động đến môi trường, có thể sử dụng các tấm chắn tràn, chất hấp thụ hoặc các rào cản khác. Sau khi ngăn chặn sự cố tràn hóa chất, cần dọn dẹp và xử lý. Các quá trình này phải được thực hiện cẩn thận, sử dụng thiết bị bảo hộ thích hợp và tuân thủ các hướng dẫn quy định về hoá chất nguy hại, loại bỏ các vật liệu bị ô nhiễm, khử trùng khu vực tràn dầu và xử lý chất thải một cách an toàn, các chất thải này xử lý như chất thải nguy hại.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)

Cơ sở không có công trình bảo vệ môi trường khác

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có)

Không có nội dung thay đổi của cơ sở so với Kế hoạch bảo vệ môi trường tại GXN số 79/XN-UBND ngày 29/12/2017, đến thời điểm này không thay đổi quy mô, công suất. Cụ thể như sau:

Về quy mô của nhà máy theo chủ trương đầu tư và Giấy CNĐKĐT: Tại Công văn số 2107/UBND-KT ngày 24/11/2017 của UBND tỉnh Hậu Giang đã thể hiện công suất của nhà máy là 37.000.000 trang in, trên diện tích là 01 ha (Giai đoạn 1: công suất 25.900.000 trang in/năm; Giai đoạn 2: công suất 11.100.000 trang in/năm).

Về quy mô trong KHBVMT và dự án đầu tư: Sau khi được chấp thuận chủ trương, chủ cơ sở thực hiện thủ tục Kế hoạch bảo vệ môi trường (thực hiện theo quy định của Luật BVMT năm 2013 ở thời điểm đó). Hồ sơ gồm: Kế hoạch BVMT và quyền dự án đầu tư. Tại dự án đầu tư đính kèm hồ sơ thể hiện công suất của nhà máy là 37.000.000 trang in, trên diện tích là 01 ha. KHBVMT được UBND huyện Châu Thành A xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường tại GXN số 79/XN-UBND ngày 29/12/2017.

Về quy mô thực tế: Triển khai trên diện tích 01 ha. Trong đó 0,5ha được giao ở giai đoạn 1 thì máy móc thiết bị đã được bố trí đầy đủ tại nhà xưởng sản xuất chính.

Ở 0,5ha được giao cho giai đoạn 2 chủ cơ sở chỉ bố trí xưởng, kho chứa hàng, các công trình hạ tầng dùng chung, không bố trí thêm máy móc thiết bị. Nội dung nghiệm thu được thể hiện tại Công văn số 320/BQL-QHXS ngày 01/4/2019 của Ban Quản lý các KCN tỉnh.

Về công suất thực tế: Chi tiết công suất sản xuất thực tế của nhà máy qua các năm, cụ thể:

+ Khối lượng sản phẩm của năm 2024: 109.567.787 sản phẩm (toa/hộp/nhãn), tương đương 13.695.973 trang in

+ Khối lượng sản phẩm của năm 2023: 91.824.824 sản phẩm (toa/hộp/nhãn), tương đương 11.478.103 trang in

+ Khối lượng sản phẩm của năm 2022: 91.382.137 sản phẩm (toa/hộp/nhãn), tương đương 11.422.767 trang in.

+ Khối lượng sản phẩm của năm 2021: 84.497.550 sản phẩm (toa/hộp/nhãn), tương đương 10.562.193 trang in

Qua theo dõi 4 năm liên tiếp, từ 2021 đến 2024 thì công suất hoạt động lớn nhất của nhà máy cao nhất là 109.567.787 sản phẩm, tương đương.... trang in, chỉ chiếm khoảng ...% công suất so với chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và kế hoạch bảo vệ môi trường. Nhà máy không hoạt động vượt so với quy mô, công suất đã được cơ quan nhà nước chấp thuận, xác nhận tại thủ tục về đầu tư, môi trường.

* Giải thích việc chia 2 giai đoạn (thể hiện tại mục 1 Công văn số 2107/UBND-KT ngày 24/11/2017) “tháng 11/2027 nhận bàn giao phần diện tích đất 0,5 ha. Tháng 7/2018 nhận bàn giao diện tích đất 0,5 ha”. ý nghĩa của việc chia 2 giai đoạn vì quá trình giao đất cho Công ty cần thời gian để giải phóng mặt bằng, nên mỗi giai đoạn giao lần lượt để 0,5ha, giải phóng mặt bằng đến đâu thì giao đất đến đó.

Trên cơ sở đã trình bày, chủ cơ sở đề nghị phần diện tích cấp GPMT là 01 ha, công suất là 37.000.000 trang in, tương ứng với các hạng mục công trình nhà xưởng, đường ống thu gom nước mưa, nước thải, bể tự hoại đã triển khai so với thực tế.

9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường quy định tại điểm c khoản 4 Điều 30 Nghị định này)

Đây là lần xin cấp phép giấy phép môi trường đầu tiên.

10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)

Cơ sở không thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải:
- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của công nhân khoảng 12 m³/ngày.đêm
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 12 m³/ngày.đêm
- Dòng nước thải: số lượng 01 dòng, thu gom vào hố ga tập trung trong hàng rào của cơ sở, đầu nối vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: đạt Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT, cụ thể:

TT	Thông số	ĐVT	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT		
1	pH	-	5,5 - 9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ và quan trắc tự động liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.	
2	BOD ₅ 20°C	mg/L	50		
3	SS	mg/L	100		
4	N-NH ₄ ⁺	mg/L	10		
5	Tổng P	mg/L	6		
6	Coliforms	mg/L	5.000		

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
- + Phương thức: thu gom vào hệ thống thu gom nước thải chung của cơ sở, đầu nối vào hố ga trên Đường số 4 KCN, từ đó đầu nối vào với Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1.
- + Vị trí đầu nối vào cống thu gom nước thải của Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN, tại hố ga có tọa độ theo hệ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°: (Y = 1100468.32, X = 579503.07).
- + Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom nước thải vào Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Không đề nghị cấp phép đối với khí thải do phát sinh không đáng kể

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Không đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn và độ rung do phát sinh không đáng kể

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý CTNH

Chủ cơ sở không thực hiện dịch vụ xử lý CTNH

5. Nội dung đề nghị cấp phép đối với cơ sở có nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất

Chủ cơ sở không nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

1.1. Chương trình quan trắc

Công ty thực hiện chương trình quan trắc nước thải định kỳ 1 lần/năm, vào tháng 12 hằng năm.

- Số lượng mẫu và các chỉ tiêu phân tích: 01 mẫu, 06 chỉ tiêu (BOD, pH, TSS, N-NH₄⁺, Tổng P, Coliform)

- Vị trí quan trắc: Tại hố ga đầu nổi KCN

- Quy chuẩn so sánh: cột B, QCVN 40:2011/BTNMT

1.2. Chương trình quan trắc đã thực hiện trong 02 năm liên kế

Thống kê kết quả của chương trình quan trắc đã thực hiện trong 02 năm liên kế năm 2022, năm 2023 như sau:

Thời gian lấy mẫu:

Thời gian	Phiếu kết quả thử nghiệm (số, ngày)
12/2022	Phiếu kết quả thử nghiệm mã số 118/KQTN/2022/64 ngày 26/12/2022 của Công ty TNHH Môi trường và An toàn lao động Sao Việt
12/2023	Phiếu kết quả thử nghiệm ngày 27/12/2023 của Công ty CP Tư vấn Môi trường Sài Gòn

Bảng 5.1. Kết quả nước thải

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả		QCVN 40:2011 (Cột B)
			12/2022	12/2023	
1	pH	-	6,37	6,66	5,5 - 9
2	BOD ₅ 20°C	mg/l	23	21	50
3	SS	mg/l	26,7	20	100
4	N-NH ₄ ⁺	mg/l	3,15	2,08	10

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả		QCVN 40:2011 (Cột B)
			12/2022	12/2023	
5	Tổng P	mg/l	3,5	2,06	6
6	Coliforms	mg/l	21 x 10 ²	2,8 x 10 ³	5.000

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

2.1. Chương trình quan trắc

Do đặc trưng loại hình của cơ sở không phát sinh khí thải sản xuất nên chủ cơ sở Chủ cơ sở phối hợp với đơn vị tư vấn là Công ty CP đào tạo an toàn và môi trường Việt Nam quan trắc môi trường lao động vào tháng 12 hằng năm.

- Số lượng mẫu và các chỉ tiêu phân tích: gồm: **(1) Vi khí hậu** (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, bức xạ nhiệt); **(2) Yếu tố vật lý** (Ánh sáng, Tiếng ồn); **(3) Bụi các loại** (toàn phần và hô hấp); **(4) Hơi khí độc** (NO, NO₂, SO₂).

- Vị trí quan trắc:

+ Đối với Vi khí hậu, Yếu tố vật lý, Bụi các loại: 04 vị trí quan trắc: (1) khu vực thành phẩm; (2) khu vực máy in; (3) khu vực bán thành phẩm; (4) khu vực văn phòng

+ Đối với Hơi khí độc: 04 vị trí quan trắc: (1) khu vực đầu xưởng; (2) khu vực cuối xưởng; (3) khu vực sửa chữa; (4) khu vực sơn sửa

- Thời gian quan trắc

Năm 2022: ngày 10/12/2022, nhiệt độ ngoài trời khoảng 30,9°C vào 14h00

Năm 2023: ngày 13/12/2023, nhiệt độ ngoài trời khoảng 31,2°C vào 14h00

Thời điểm lấy mẫu, các khâu sản xuất của Công ty đang hoạt động bình thường

2.2. Chương trình quan trắc đã thực hiện trong 02 năm liền kề

Thống kê kết quả của chương trình quan trắc đã thực hiện trong 02 năm liền kề năm 2022, năm 2023 như sau:

* Kết quả:

Trong phạm vi báo cáo này, Chủ đầu tư chỉ thống kê kết quả của tiếng ồn, bụi, hơi khí độc. Kết quả đo kiểm môi trường lao động đối với tiếng ồn, bụi, hơi khí độc qua các năm 2022, 2023 như sau:

+ Vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, bức xạ nhiệt): 04/04 mẫu quan trắc tại 04 vị trí quan trắc đều trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2016/BYT – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

+ Ánh sáng: 04/04 mẫu quan trắc tại 04 vị trí quan trắc đều trong giới hạn QCVN 26:2016/BYT – mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

+ Bụi: 04/04 mẫu quan trắc tại 04 vị trí quan trắc bụi toàn phần, bụi loại 4 đều nằm trong giới hạn tiếp xúc cho phép theo QCVN 02:2019/BYT đối với bụi của nơi làm việc áp dụng đối với thời lượng tiếp xúc 48 giờ làm việc/tuần, tuần làm việc 6 ngày.

+ Tiếng ồn: 04/04 mẫu quan trắc tại 04 vị trí quan trắc đều trong giới hạn cho phép của QCVN 24:2016/BYT – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

+ Hơi khí độc: 4/4 mẫu quan trắc tại 04 vị trí quan trắc đều đạt so với QCVN 03:2019/BYT – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của yếu tố hoá học nơi làm việc.

Nhận xét: chất lượng môi trường lao động trong giai đoạn hoạt động của cơ sở đảm bảo an toàn vệ sinh lao động theo quy định.

3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo (Chỉ áp dụng đối với cơ sở không phải thực hiện quan trắc chất thải theo quy định):

Không quan trắc trong quá trình lập báo cáo do cơ sở đã thực hiện quan trắc chất thải định kỳ theo quy định.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Cơ sở đã hoàn thành việc xây dựng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của cơ sở, đã đi vào vận hành từ năm 2019. Các công trình hiện tại không có thay đổi so với bản đăng ký kế hoạch BVMT được xác nhận nên không tiến hành vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ và quan trắc tự động liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Tuy nhiên theo yêu cầu của khách hàng, cũng vừa tạo môi trường làm việc đảm bảo sức khỏe nhân viên, phù hợp với các quy định pháp luật, Cơ sở dự kiến sẽ quan trắc môi trường lao động, cụ thể

- Số lượng mẫu và các chỉ tiêu phân tích: gồm: **(1) Vi khí hậu** (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, bức xạ nhiệt); **(2) Yếu tố vật lý** (Ánh sáng, Tiếng ồn); **(3) Bụi các loại** (toàn phần và hô hấp); **(4) Hơi khí độc** (NO, NO₂, SO₂).

- Vị trí quan trắc:

+ Đối với Vi khí hậu, Yếu tố vật lý, Bụi các loại: 04 vị trí quan trắc: (1) khu vực thành phẩm; (2) khu vực máy in; (3) khu vực bán thành phẩm; (4) khu vực văn phòng

+ Đối với Hơi khí độc: 04 vị trí quan trắc: (1) khu vực đầu xưởng; (2) khu vực cuối xưởng; (3) khu vực sửa chữa; (4) khu vực sơn sửa

- Thời gian quan trắc môi trường lao động vào tháng 12 hằng năm.

* Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, thông thường, chất thải nguy hại

Chủ cơ sở giám sát tổng lượng chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh, thể hiện qua sổ theo dõi hoặc thể hiện qua hợp đồng, biên lai với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

Tần suất giám sát (dự kiến):

+ 1 ngày/lần đối với rác thải sinh hoạt (khi Công ty công trình đô thị đến vị trí tập kết thu gom rác thải sinh hoạt).

+ Trung bình 3-6 tháng/lần đối với rác thải là chất thải rắn là phế liệu (tùy theo thực tế).

+ 1 năm/lần đối với rác thải nguy hại.

Vị trí giám sát: tại khu vực tập kết chất thải rắn thông thường và tại kho chứa CTNH của cơ sở. Tần suất báo cáo: tổng hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường cuối năm.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục đối với chất thải.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Dự kiến khoảng 50 - 100 triệu đồng hằng năm, thông qua hình thức hợp đồng với đơn vị thu – phân tích mẫu và thực hiện báo cáo gửi UBND huyện Châu Thành A.

Chương VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong các năm 2022, 2023, 2024 đến nay (trước thời điểm lập báo cáo), không có đoàn kiểm tra, thanh tra của cơ quan có thẩm quyền về bảo vệ môi trường đối với cơ sở.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định khác.

Các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong suốt quá trình triển khai thực hiện cho đến khi kết thúc dự án.

Kiểm soát chặt chẽ việc thu gom và tiêu thoát nước mưa.

Kiểm soát thu gom nước thải phát sinh, đấu nối nước thải vào Trạm Xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

Kiểm soát chặt chẽ bụi, tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện vận chuyển ra vào khu vực của cơ sở.

Thực hiện công tác thu gom và quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp, sinh hoạt và chất thải rắn nguy hại phát sinh trong dự án theo quy định.

Thực hiện chương trình giám sát môi trường đã nêu trong báo cáo để theo dõi, và báo cáo kịp thời

Thực hiện công tác vệ sinh môi trường và an toàn lao động.

Trong quá trình hoạt động nếu có phát sinh sự cố, đơn vị sẽ tiến hành xử lý ngay và thông báo kết quả với chính quyền địa phương và cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường sau khi dự án kết thúc vận hành.

Công ty xin cam kết thực hiện nghiêm chỉnh những nội dung đã nêu trên.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
- Giấy xác nhận KH bảo vệ môi trường
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở.
- Hồ sơ đo kiểm môi trường lao động
- Văn bản thoả thuận đấu nối hạ tầng
- Hợp đồng đấu nối nước thải với Công ty hạ tầng
- Quyết định giao đất; Giấy CNQSDĐ và tài sản gắn trên đất
- Các thủ tục của dự án hạ tầng KCN Tân Phú Thạnh: QĐ phê duyệt ĐTM của KCN; Giấy xác nhận hoàn thành Các công trình bảo vệ môi trường của KCN; giấy phép xả thải của KCN
- Giấy phép xây dựng
- Giấy chứng nhận Thẩm duyệt thiết kế về PCCC.
- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường (bản vẽ hoàn công hệ thống nước mưa, nước thải)
- Các hoá đơn giá trị gia tăng nộp phí nước thải cho Công ty hạ tầng (nước thải của dự án đấu nối với Hệ thống XLNT tập trung của Công ty hạ tầng).
- Các hợp đồng xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại.

PHỤ LỤC
CHỦ TRƯỞNG VÀ CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2107 /UBND-KT

Hậu Giang, ngày 24 tháng 11 năm 2017

V/v chủ trương đầu tư dự án: Nhà máy
sản xuất bao bì Đông Âu Hậu Giang
tại Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh -
giai đoạn 1



Kính gửi:

- Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;
- Giám đốc Công ty TNHH Thương mại
và Sản xuất Đông Âu.

Xét Tờ trình số 49/TTr.BQL ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh về việc xin chủ trương đầu tư cho Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Đông Âu tại Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, huyện Châu Thành A, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất chủ trương cho Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Đông Âu đầu tư dự án “Nhà máy sản xuất bao bì Đông Âu Hậu Giang tại Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, huyện Châu Thành A”, cụ thể như sau:

- Quy mô:
 - + Diện tích đất sử dụng: khoảng 01ha.
 - + Công suất: 37.000.000 trang in/năm, chia thành 02 giai đoạn:
 - . Giai đoạn 1: công suất 25.900.000 trang in/năm.
 - . Giai đoạn 2: công suất 11.100.000 trang in/năm.
 - Tổng vốn đầu tư: 65 tỷ đồng, từ nguồn vốn của Nhà đầu tư.
 - Hình thức: Nhà nước cho thuê đất.
 - Thời hạn thực hiện dự án: 50 năm.
 - Tiến độ thực hiện dự án:
 - + Giai đoạn 1:
 - . Tháng 11/2017: nhận bàn giao phần diện tích đất khoảng: 5.000m².
 - . Tháng 3/2018: khởi công xây dựng.
 - . Tháng 6/2018: nhà máy bắt đầu hoạt động.
 - + Giai đoạn 2:
 - . Tháng 7/2018: nhận bàn giao phần diện tích đất còn lại khoảng: 5.000 m².

2. Đề nghị Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Đông Âu có trách nhiệm:

- Thực hiện ký quỹ đầu tư dự án theo quy định của Luật Đầu tư; ứng tiền thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.

- Khi được giao đất sử dụng đúng mục đích và thực hiện đầu tư hạ tầng kỹ thuật theo đúng quy hoạch được duyệt. Thực hiện nghĩa vụ tài chính và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định, thực hiện đúng Quy chế Quản lý của Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1.

3. Giao Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh hướng dẫn Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Đông Âu triển khai thực hiện theo đúng quy định./. nd

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Sở: KHĐT, TC, XD, TNMT;
- Cục Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, KT.THH



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Nguyễn Văn Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1050 /UBND-KT

Hậu Giang, ngày 06 tháng 6 năm 2018

V/v điều chỉnh một số nội dung tại
Công văn số 2107/UBND-KT ngày 24
tháng 11 năm 2017 của Chủ tịch
UBND tỉnh Hậu Giang

Kính gửi:

- Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;
- Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Đông Âu;
- Giám đốc Công ty TNHH Bao bì Đông Âu.

Xét Tờ trình số 466/TTr.BQL-QHXS ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh về việc xin điều chỉnh chủ trương tên chủ đầu tư dự án Nhà máy sản xuất bao bì Đông Âu Hậu Giang tại Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất chủ trương điều chỉnh một số nội dung tại Công văn số 2107/UBND-KT ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang như sau:

- Điều chỉnh tên Chủ đầu tư từ “Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Đông Âu” thành “Công ty TNHH Bao bì Đông Âu”.

- Điều chỉnh từ “Thực hiện ký quỹ đầu tư dự án theo quy định của Luật Đầu tư; ứng tiền thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định” thành “ứng tiền thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định”.

2. Giao Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh hướng dẫn Công ty TNHH Bao bì Đông Âu triển khai thực hiện theo đúng quy định./. nd

Nơi nhận: *Đ*

- Như trên;
- Sờ: KHĐT, TC, XD, TNMT;
- Cục Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, KT.THH

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tuấn
★ Nguyễn Văn Tuấn

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG
NGHIỆP TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 2236826677

Chứng nhận lần đầu: Ngày 26 tháng 01 năm 2018

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 05 : Ngày 25 tháng 9 năm 2023

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 366/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang;

Căn cứ Công văn số 2107/UBND-KT ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc thống nhất chủ trương cho Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Đông Âu đầu tư dự án “Nhà máy sản xuất bao bì Đông Âu Hậu Giang” tại Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, huyện Châu Thành A;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2236826677 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 26 tháng 01 năm 2018, cấp thay đổi lần 04 ngày 02 tháng 12 năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo của Công ty TNHH Bao bì Đông Âu nộp ngày 20/9/2023;

Xét Tờ trình số 66/TTr.QLĐTQH&XD ngày 20/9/2023 của Phòng Quản lý Đầu tư, Quy hoạch và Xây dựng;

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẬU GIANG

Chứng nhận

Dự án đầu tư **NHÀ MÁY SẢN XUẤT BAO BÌ ĐÔNG ÂU**; mã số dự án 2236826677, do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu



ngày 26 tháng 01 năm 2018, cấp thay đổi lần 04 ngày 02 tháng 12 năm 2021; được đăng ký điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư đồng thời là Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH BAO BÌ ĐÔNG ÂU.**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6300294545.

Ngày cấp: lần đầu ngày 06/12/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 16/9/2019; Cơ quan cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang.

Mã số thuế: 6300294545.

Địa chỉ trụ sở: Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.

Điện thoại: 02936 279797.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức:

Họ tên: Huỳnh Thị Thu Hà

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/11/1965

Quốc tịch: Việt Nam

Căn cước công dân số: 092165005906

Ngày cấp: 09/08/2021

Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 374D, Lê Bình, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện tại: Số 374D, Lê Bình, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT BAO BÌ ĐÔNG ÂU HẬU GIANG

2. Mục tiêu, qui mô dự án: công suất 37.000.000 trang in/năm.

+ Giai đoạn 1: công suất 25.900.000 trang in/năm.

+ Giai đoạn 2: công suất 11.100.000 trang in/năm.

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
01	Sản xuất bao bì	1811	

3. Địa điểm thực hiện dự án: Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.

4. Diện tích: khoảng 01 ha.

5. Tổng vốn đầu tư của dự án: 65.000.000.000 VNĐ (Sáu mươi lăm tỷ đồng Việt Nam).

Trong đó vốn góp để thực hiện dự án là: 45.000.000.000 VNĐ (Bốn mươi lăm tỷ đồng Việt Nam), chiếm tỷ lệ 69% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ (tỷ đồng)	Tương đương USD			
1	Huỳnh Thị Thu Hà	27		60	Tiền mặt	Theo quy định
2	Phan Thị Hương	15,75		35	Tiền mặt	Theo quy định
3	Lê Huỳnh Diễm Phương	2,25		5	Tiền mặt	Theo quy định
Tổng		45		100		

- Vốn huy động: 20.000.000.000 (hai mươi tỷ) đồng.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu.

7. Tiến độ thực hiện dự án:

- Giai đoạn 1:

+ Khởi công xây dựng: tháng 03/2018.

+ Nhà máy bắt đầu hoạt động: tháng 05/2018.

- Giai đoạn 2:

+ Khởi công xây dựng: tháng 08/2023.

+ Hoàn thiện các xưởng phụ trợ phục vụ sản xuất: hoàn thành tháng 12/2023.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật 32/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014; Luật số 61/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: theo Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 và các văn bản khác có liên quan.

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: theo quy định của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung ngày 09 tháng 9 năm 2016; Nghị định số 123/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung ngày 14 tháng 11 năm 2017; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung ngày 19 tháng 10 năm 2020 quy định về tiền thuê đất, thuế mặt nước.

Điều 3: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2236826677 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 26 tháng 01 năm 2018, cấp thay đổi lần 04 ngày 02 tháng 12 năm 2021.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; 01 bản cấp cho Công ty TNHH Bao bì Đông Âu, 01 bản lưu tại Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, ĐTQH&XD

TRƯỞNG BAN



Trần Ngọc Hùng

PHỤ LỤC
GIẤY XÁC NHẬN VÀ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Số: 29 /XN-UBND

Châu Thành A, ngày 29 tháng 12 năm 2017

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành A xác nhận Công ty TNHH bao bì Đông Âu do ông Đinh Việt Chung, chức vụ: giám đốc Công ty TNHH bao bì Đông Âu, đại diện theo pháp luật đã đăng ký Kế hoạch Bảo vệ môi trường của dự án nhà máy sản xuất bao bì Đông Âu Hậu Giang tại Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành A vào ngày 29 tháng 12 năm 2017.

Địa chỉ thực hiện dự án: Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, ấp Phú Lợi, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Công ty TNHH bao bì Đông Âu do ông Đinh Việt Chung, chức vụ: giám đốc Công ty TNHH bao bì Đông Âu, đại diện theo pháp luật có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản Kế hoạch Bảo vệ môi trường đã đăng ký.
2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo Kế hoạch Bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

Kế hoạch Bảo vệ môi trường của dự án nhà máy sản xuất bao bì Đông Âu Hậu Giang kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Công ty TNHH bao bì Đông Âu để thực hiện và được lưu tại cơ quan nhà nước để kiểm tra, giám sát.

Nơi nhận:

- Chủ cơ sở;
- Lưu: Phòng TN-MT huyện Châu Thành A.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Quốc Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hậu Giang, ngày 11... tháng 12... năm 2017

Kính gửi: Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành A

Gửi đến Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành A kế hoạch bảo vệ môi trường để đăng ký với các nội dung sau đây:

I. Thông tin chung

1.1. Tên dự án, cơ sở (gọi chung là dự án): NHÀ MÁY SẢN XUẤT BAO BÌ ĐÔNG ÂU HẬU GIANG.

1.2. Tên chủ dự án: CÔNG TY TNHH BAO BÌ ĐÔNG ÂU

1.3. Địa chỉ liên hệ: KCN Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

1.4. Người đại diện theo pháp luật

- Họ và tên: Ông Đinh Việt Chung
- Sinh ngày: 12/01/1966 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- CMND số: 012973898, cấp ngày: 01/06/2007, cơ quan cấp: CA TP Hà Nội
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 526A-31 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.
- Chỗ ở hiện tại: Số 526A-31 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

1.5. Phương tiện liên lạc với chủ dự án:

Điện thoại: 0912283536

II. Thông tin cơ bản về hoạt động sản xuất, kinh doanh

2.1. Địa điểm thực hiện dự án:

Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2.3. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; sản phẩm và số lượng

Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, kinh doanh bao bì nhựa, nhôm, giấy; In xuất bản phẩm.



2.4. Diện tích mặt bằng cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (m²)

Diện tích mặt bằng khoảng: 10.000 m² tại Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (Đính kèm sơ đồ thể hiện vị trí dự án)

2.5. Nhu cầu nguyên liệu, vật liệu sử dụng trong quá trình sản xuất

a. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu

STT	TÊN NGUYÊN LIỆU	ĐVT	SỐ LƯỢNG /NĂM	GHI CHÚ
1	Giấy in	Ram	20,400	Dây chuyền in bao bì
2	Giấy ép kim	Cuộn	22,000	Dây chuyền in bao bì
3	Màng Bopp + Mpet	Kg	8,100	Dây chuyền in bao bì
4	Decal	Met	200,000	Dây chuyền in bao bì
5	Cao su	Tấm	150	Dây chuyền in bao bì
6	Chường	Xô	7	Dây chuyền in bao bì
7	Đệm nún hút	Cái	15	Dây chuyền in bao bì
8	Gum Arabic	Kg	6.2	Dây chuyền in bao bì
9	Gòn	Bọc	300	Dây chuyền in bao bì
10	Băng keo opp	Cuộn	150	Dây chuyền in bao bì
11	Keo sữa	Kg	30	Dây chuyền in bao bì
12	Keo phá màng GRIFIX 5930	Kg	250	Dây chuyền in bao bì
13	Keo tráng màng AS 420	Kg	800	Dây chuyền in bao bì
14	Lót dao	Cây	50	Dây chuyền in bao bì
15	Ním hút đồng tiền	Cái	100	Dây chuyền in bao bì
16	Keo PVA	Kg	20	Dây chuyền in bao bì
17	Dây thun XK	Kg	150	Dây chuyền in bao bì

18	Vải vụn lau máy	Kg	400	Dây chuyền in bao bì
19	Kẽm in offset	Tầm	5,600	Dây chuyền in bao bì
20	Bọc nilong	Kg	600	Dây chuyền in bao bì
21	Dây nilong	Bó	400	Dây chuyền in bao bì
22	Kẽm đóng sách	Kg	50	Dây chuyền in bao bì

b. Nhu cầu sử dụng hóa chất

STT	TÊN HÓA CHẤT	ĐVT	SỐ LƯỢNG /NĂM	GHI CHÚ
1	Mực in offset	Kg	2,970	Dây chuyền in bao bì
2	Dầu UV	Kg	1,500	Dây chuyền in bao bì
3	Acid Oxatic	Kg	30	Dây chuyền in bao bì
4	Bông đá	Cái	100	Dây chuyền in bao bì
5	Bột K4 phun in offset	Kg	70	Dây chuyền in bao bì
6	Hàng the	Kg	2	Dây chuyền in bao bì
7	Dung dịch Acedin D	Lít	500	Dây chuyền in bao bì
8	Nước máng Combisol	Lít	50.0	Dây chuyền in bao bì
9	Dung dịch phục hồi su	Lít	10	Dây chuyền in bao bì
10	Dung dịch rửa lô	Lít	5	Dây chuyền in bao bì
11	Dung dịch rửa lô Uniwash PR 2088	Lít	500	Dây chuyền in bao bì
12	Dung dịch lưu giữ bản kẽm	Lít	5	Dây chuyền in bao bì
13	Sữa lau bảng kẽm	Lít	200	Dây chuyền in bao bì
14	Thuốc tím	Kg	5	Dây chuyền in bao bì
15	Thuốc tẩy	Kg	3	Dây chuyền in bao bì

C. C. C.

16	Thuốc tẩy bảng HCE 09	Lít	10	Dây chuyền in bao bì
17	Cồn dùng ngoài	Lít	3,900	Dây chuyền in bao bì
18	Talc	Kg	2	Dây chuyền in bao bì
19	Nhớt	Lít	50	Dây chuyền in bao bì
20	Xăng 92	Lít	500	Dây chuyền in bao bì
21	PAC	Kg	100	Dây chuyền in bao bì
22	Polymer	Kg	10	Dây chuyền in bao bì

2.6. Nhiên liệu sử dụng trong quá trình sản xuất (dầu, than, củi, gas, điện...)

Nhu cầu về điện: 30.000 kw/tháng.

Nhu cầu về nước: 2,2 m³/ngày đêm.

Dự án sử dụng hệ thống điện, nước trong Khu công nghiệp.

III. Kế hoạch bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

Yếu tố gây tác động	Tình trạng		Biện pháp giảm thiểu	Tình trạng	
	Có	Không		Có	Không
Khí thải từ các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công	x		Sử dụng phương tiện, máy móc thi công đã qua kiểm định	x	
			Sử dụng loại nhiên liệu ít gây ô nhiễm	x	
			Định kỳ bảo dưỡng phương tiện, thiết bị	x	
			Biện pháp khác: Không chở quá trọng tải quy định của phương tiện vận tải; Không sử dụng nhiều máy móc và thiết bị vào cùng một thời điểm thi công.	x	
Bụi	x		Cách ly, phun nước để giảm bụi	x	

Cea

Yếu tố gây tác động	Tình trạng		Biện pháp giảm thiểu	Tình trạng	
	Có	Không		Có	Không
			Biện pháp khác: <i>Dùng bạt che phương tiện vận cát, đá</i>	x	
Nước thải sinh hoạt	x		Thu gom, tự xử lý trước khi thải ra môi trường (chỉ rõ nguồn tiếp nhận nước thải): <i>Sử dụng nhà vệ sinh lưu động</i>	x	
			Thu gom, thuê đơn vị có chức năng để xử lý		x
			Đổ thẳng ra hệ thống thoát nước thải khu vực		x
			Biện pháp khác:...		x
Nước thải xây dựng		x	Thu gom, xử lý trước khi thải ra môi trường (chỉ rõ nguồn tiếp nhận nước thải)		
			Đổ thẳng ra hệ thống thoát nước thải khu vực		
			Biện pháp khác: ...		
Chất thải rắn xây dựng	x		Thu gom để tái chế hoặc tái sử dụng: <i>gạch vụn, vật liệu rơi vãi được sử dụng san nền</i>	x	
			Tự đổ thải tại các địa điểm quy định của địa phương (chỉ rõ địa điểm)		x
			Thuê đơn vị có chức năng để xử lý		x
			Biện pháp khác: <i>vỏ bao xi măng, phế liệu... bán cho cơ sở thu mua phế liệu</i>	x	
Chất thải rắn	x		Tự đổ thải tại các địa điểm quy định		x

C. C. C.

Yếu tố gây tác động	Tình trạng		Biện pháp giảm thiểu	Tình trạng	
	Có	Không		Có	Không
sinh hoạt			của địa phương (chỉ rõ địa điểm)		
			Thuê đơn vị có chức năng để xử lý: <i>thu gom vào thùng chứa rác và hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển đến nơi quy định</i>	x	
			Biện pháp khác:...		x
Chất thải nguy hại		x	Thuê đơn vị có chức năng để xử lý:		
			Biện pháp khác:...		
Tiếng ồn	x		Định kỳ bảo dưỡng thiết bị	x	
			Bố trí thời gian thi công phù hợp	x	
			Biện pháp khác:...		x
Rung	x		Định kỳ bảo dưỡng thiết bị	x	
			Bố trí thời gian thi công phù hợp	x	
			Biện pháp khác		x
Nước mưa chảy tràn	x		Có hệ thống rãnh thu nước, hố ga thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra môi trường		x
			Biện pháp khác: <i>không tập trung vật tư xây dựng để gần các tuyến thoát nước mưa để tránh nước mưa cuốn các mảnh vụn của vật liệu vào đường thoát nước</i>	x	

CC02

IV. Kế hoạch bảo vệ môi trường trong giai đoạn hoạt động

Yếu tố gây tác động	Tình trạng		Biện pháp giảm thiểu	Tình trạng	
	Có	Không		Có	Không
Bụi và khí thải	x		Lắp đặt hệ thống xử lý bụi và khí thải với ống khói		x
			Lắp đặt quạt thông gió với bộ lọc không khí ở cuối đường ống	x	
			Biện pháp khác: Lắp đặt các hệ thống hút bụi, xử lý mùi tại các khu vực phát sinh	x	
Nước thải sinh hoạt	x		Thu gom và tái sử dụng		x
			Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi thải vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN	x	
			Biện pháp khác: ...		x
Nước thải sản xuất	x		Thu gom và tái sử dụng		x
			Xử lý nước thải cục bộ và thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung		x
			Xử lý nước thải đáp ứng quy chuẩn quy định và thải ra môi trường (chỉ rõ nguồn tiếp nhận và quy chuẩn đạt được sau xử lý)		x
			Biện pháp khác: Nước thải sản xuất chủ yếu phát sinh từ các công đoạn rửa bản in, vệ sinh nhà xưởng, máy móc, mực in, dung môi bị tràn đổ. Lượng nước thải từ sản xuất không nhiều, khoảng 1 – 2 m ³ /ngày, tuy nhiên nồng độ các chất gây ô nhiễm trong nước thải ngành in đặc trưng gồm: độ màu, dung môi hữu cơ. Chủ đầu tư xây dựng hệ thống thu gom nước thải (bao gồm nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại và nước thải sản xuất), dẫn nối vào cống thoát nước chung của khu công nghiệp để vào	x	

C. Ch

Yếu tố gây tác động	Tình trạng		Biện pháp giảm thiểu	Tình trạng	
	Có	Không		Có	Không
			<i>Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Tân Phú Thạnh. Chất lượng nước thải theo các quy chuẩn Việt Nam hiện hành và theo thỏa thuận với chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp.</i>		
Nước thải từ hệ thống làm mát	x		Thu gom và tái sử dụng		
			Giải nhiệt và thải ra môi trường	x	
			Biện pháp khác: ...		
Chất thải rắn	x		Thu gom để tái chế hoặc tái sử dụng: Đối với giấy vụn, bao bì hỏng, bìa kẽm thải bỏ, giấy thùng carton hỏng, màng nhôm vụn..., được thu gom vào khu vực riêng và bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu.	x	
			Tự xử lý		x
			Thuê đơn vị có chức năng để xử lý: đối với văn phòng phẩm đã qua sử dụng, bao nylon, giấy..., được chứa trong các thùng nắp kín, hợp đồng với đơn vị thu gom rác tại địa phương thu gom, xử lý theo quy định.	x	
			Biện pháp khác: ...		x
Chất thải nguy hại	x		Thuê đơn vị có chức năng để xử lý: thu gom, phân loại và bố trí kho chứa chất thải nguy hại, thuê đơn vị có chức năng xử lý	x	
			Biện pháp khác: ...		x
Mùi		x	Lắp đặt quạt thông gió	x	
			Biện pháp khác: ...		x
Tiếng ồn	x		Định kỳ bảo dưỡng thiết bị	x	
			Cách âm để giảm tiếng ồn	x	
			Biện pháp khác: quản lý tốt quy trình	x	

Coch

Yếu tố gây tác động	Tình trạng		Biện pháp giảm thiểu	Tình trạng	
	Có	Không		Có	Không
			bốc dỡ hàng hóa, tránh gây ồn ào, làm mất trật tự		
Nhiệt dư	x		Lắp đặt quạt thông gió	x	
			Biện pháp khác: ...		
Nước mưa chảy tràn	x		Có hệ thống rãnh thu nước, hố ga thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra môi trường	x	
			Biện pháp khác: định kỳ vệ sinh, nạo vét các hệ thống thoát nước mưa để giảm bớt chất bẩn bám trong ống thoát.		x

V. Cam kết

5.1. Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

5.2. Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các kế hoạch bảo vệ môi trường được nêu trên đây.

5.3. Chúng tôi đảm bảo độ trung thực của các thông tin và nội dung điền trong kế hoạch bảo vệ môi trường này./.

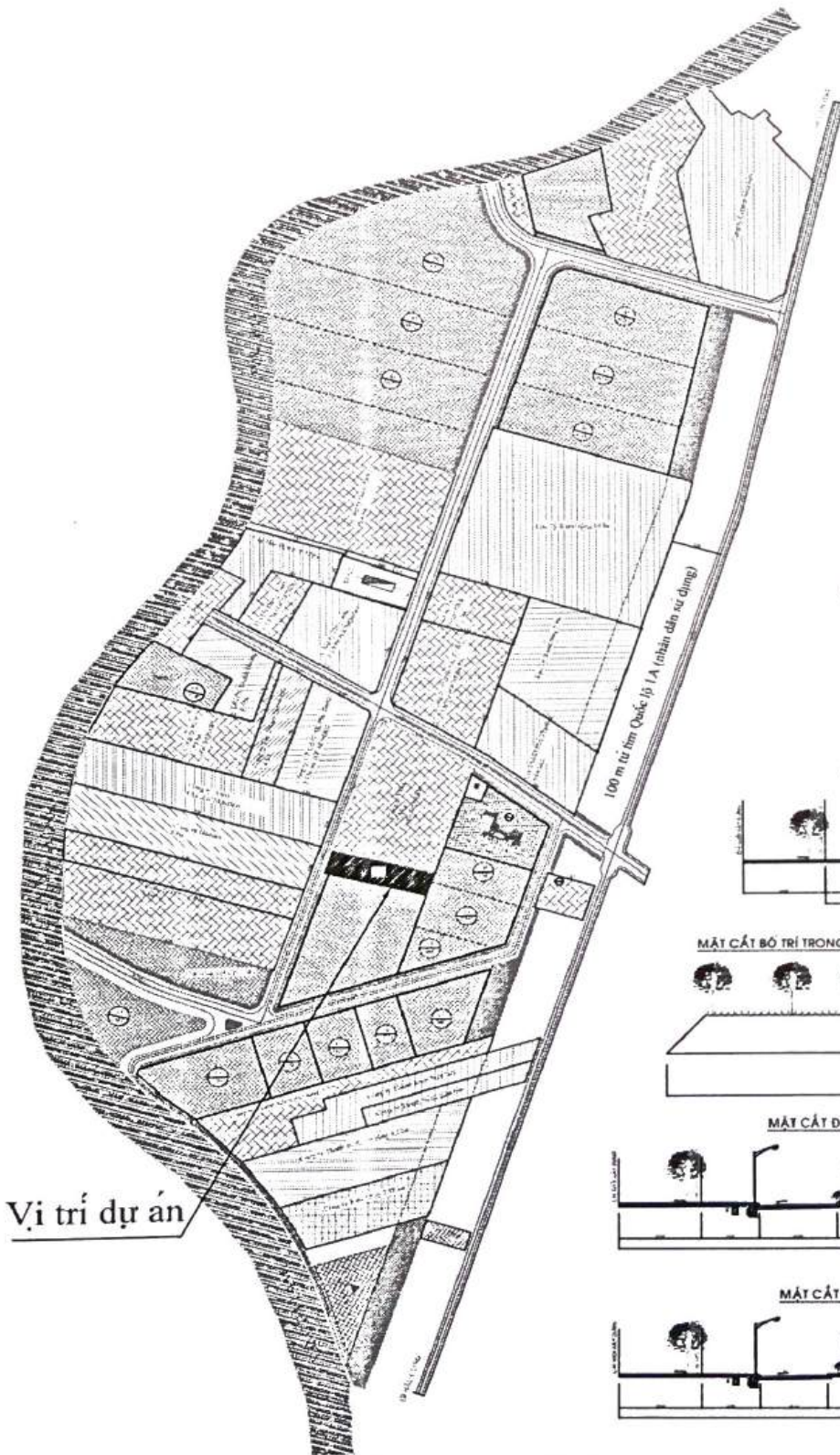
GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



Nguyễn Chung

TỈNH HAU GIANG
 QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG - TỶ LỆ 1/2000
 KHU CÔNG NGHIỆP TÂN PHÚ THÀNH - GIAI ĐOẠN I - HUYỆN CHÂU THÀNH A - TỈNH HAU GIANG
 BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG GIAO THÔNG



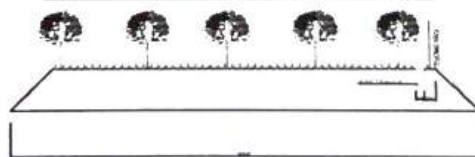
MẶT CẮT ĐƯỜNG SỐ 7



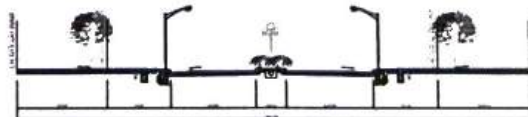
MẶT CẮT ĐƯỜNG SỐ 4, 8



MẶT CẮT BỐ TRÍ TRONG PHẠM VI CÂY XANH CÁCH LY



MẶT CẮT ĐƯỜNG SỐ 1, 2, 6



MẶT CẮT ĐƯỜNG SỐ 3



PHỤ LỤC
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
HỒ SƠ ĐO KIỂM MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Số: 118/KQTN/2022/64

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

26/12/2022

1 Địa điểm lấy mẫu

: CÔNG TY TNHH BAO BÌ ĐÔNG ÂU

2 Địa chỉ

: Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

3 Ngày lấy mẫu

: 19/12/2022

Thời gian thử nghiệm: 19/12 – 14/12/2022

4 Người lấy

: Trần Văn Quận, Bùi Trọng Nhân

5 Điều kiện lấy mẫu

: Trời nắng, gió nhẹ

6 Loại mẫu

: Nước thải

7 Ký hiệu và mô tả mẫu

: NT01: Nước thải tại hồ ga đầu nối KCN

8 Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu

: TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.

TCVN 5999: 1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải

TCVN 6663-3: 2008 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.

9 Kết quả đo đạc, phân tích :

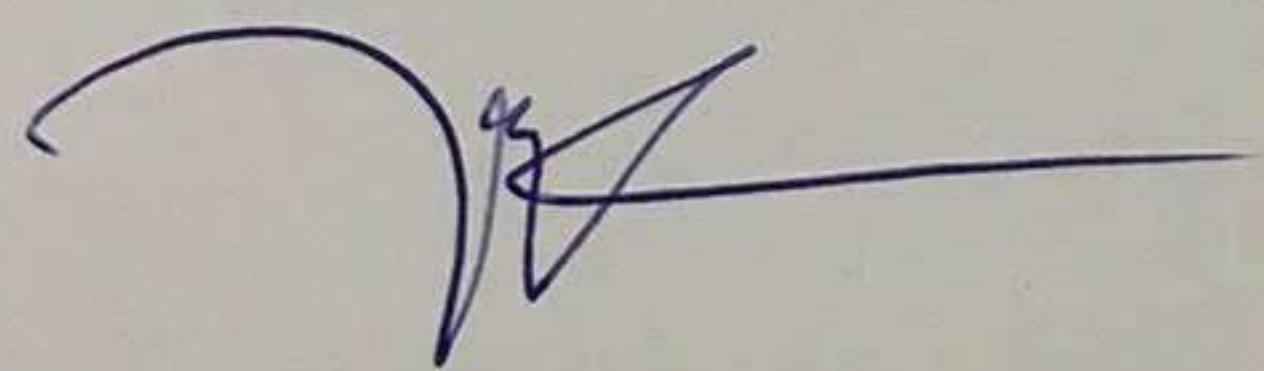
Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NT01		
1.	pH	-	6,66	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	20	100	TCVN 6625:2000
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	21	50	TCVN 6001-1:2008
4.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	2,08	10	TCVN 6179 – 1:1996
5.	Tổng phosphor (tính theo P)	mg/L	2,06	6	SMEWW 4500-P. B&D:2017
6.	Tổng Coliform	MPN /100mL	21x10 ²	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.

Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

PHÒNG THỬ NGHIỆM



TRẦN THỊ THÙY NHUNG



GIÁM ĐỐC

TNHH

MÔI TRƯỜNG VÀ

AN TOÀN LAO ĐỘNG

SAO VIỆT

NGUYỄN THỊ HUYỀN



CÔNG TY CP TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN

PHÒNG THÍ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Đc: 45/1 Bùi Quang Là, P.12, Q. Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh

ĐT: (84.28).38 956 011 Hotline:0917 340 641

Website: moitruongsaigon.com.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY TNHH BAO BÌ ĐÔNG ÂU
- Địa chỉ : Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu : 20/12/2023
- Loại mẫu : Nước thải
- Ký hiệu mẫu và mô tả mẫu : NT01: nước thải hồ ga đầu nối KCN
- Kết quả đo đạc, phân tích :

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NT01		
1.	pH	-	6,37	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2.	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/L	26,7	100	TCVN 6625:2000
3.	Nhu cầu oxy hóa (BOD ₅)	mg/L	23	50	TCVN 6001-1:2008
4.	Amoni (NH ₄ ⁺ .N)	mg/L	3,15	10	TCVN 6179 – 1:1996
5.	Tổng phosphor (tính theo P)	mg/L	3,5	6	SMEWW 4500-NO ₂ .B:2012
6.	Tổng Coliform	MPN/100mL	21x10 ²	5.000	TCVN 6187-2:2009

Ghi chú : Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- QCVN40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2023

Trưởng phòng thí nghiệm

ThS. Lương Thị Bích Phượng

Giám đốc



KS. Trần Thị Thảo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ ĐO KIỂM MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

(Quan trắc theo yêu cầu của khách hàng)

TẠI: CÔNG TY TNHH BAO BÌ ĐÔNG ÂU

*Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, Xã Tân
Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang*

NĂM 2022

I. CÁC YẾU TỐ VI KHÍ HẬU

Mùa tại thời điểm đo đạc: Mùa nắng.

1. Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió

QCVN 26:2016/BYT		Loại lao động	Nhiệt độ (°C)		Độ ẩm (%)		Tốc độ gió (m/s)	
Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc		Nhẹ	20 - 34		40 - 80		0,1 - 1,5	
		Trung bình	18 - 32		40 - 80		0,2 - 1,5	
		Nặng	16 - 30		40 - 80		0,3 - 1,5	
STT	Vị trí quan trắc	Loại lao động	Mẫu đạt	Mẫu không đạt	Mẫu đạt	Mẫu không đạt	Mẫu đạt	Mẫu không đạt
*	Ngoài trời lúc 14 giờ 00' ngày 10/12/2022		30,9		69,8		0,5	
1	Khu vực thành phẩm	Trung bình	30,8		67,1		0,8	
2	Khu vực máy in	Trung bình	30,3		63,1		0,5	
3	Khu vực bán thành phẩm	Trung bình	30,2		63,3		0,6	
4	Khu vực văn phòng	Trung bình	29,1		65,7		0,5	
Số mẫu quan trắc			4	00	4	00	4	00

Tổng hợp kết quả quan trắc:

- Tổng số mẫu nhiệt độ: 4 mẫu.
Tổng số mẫu nhiệt độ vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu.
- Tổng số mẫu độ ẩm: 4 mẫu.
Tổng số mẫu độ ẩm vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu.
- Tổng số mẫu tốc độ gió: 4 mẫu.
Tổng số mẫu tốc độ gió vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu.

2. Bức xạ nhiệt

Tên hóa chất		Cường độ bức xạ nhiệt theo diện tích tiếp xúc (W/m ²)	
QCVN 26:2006/BYT		Tiếp xúc trên 50% diện tích cơ thể người	
Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc		≤ 35	
STT	Vị trí quan trắc	Mẫu đạt	Mẫu không đạt
1	Khu vực thành phẩm	2,89	
2	Khu vực máy in	3,11	
3	Khu vực bán thành phẩm	3,07	
4	Khu vực văn phòng	4,01	
Số mẫu quan trắc		04	00

Tổng hợp kết quả quan trắc:

- Tổng số mẫu bức xạ nhiệt: 04 mẫu.
Tổng số mẫu bức xạ nhiệt vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu.

II. CÁC YẾU TỐ VẬT LÝ**1. Ánh sáng (Lux)**

STT	Vị trí quan trắc	Ánh sáng (Lux)		QCVN 22:2016/BYT Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc
		Mẫu đạt	Mẫu không đạt	
1	Khu vực thành phẩm	655		≥ 300
2	Khu vực máy in	654		≥ 300
3	Khu vực bán thành phẩm	877		≥ 300
4	Khu vực văn phòng	788		≥ 300
Số mẫu quan trắc		04	00	

Tổng hợp kết quả quan trắc:

- Tổng số mẫu ánh sáng: 04 mẫu
- Tổng số mẫu ánh sáng không đạt giới hạn cho phép: 00 mẫu.

2. Tiếng ồn (dBA)

❖ Độ ồn chung

STT	Vị trí quan trắc	Tiếng ồn (dBA)		QCVN 24:2016/BYT mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
		Mẫu đạt	Mẫu không đạt	
1	Khu vực thành phẩm	65,8		≤ 85
2	Khu vực máy in	69,8		
3	Khu vực bán thành phẩm	70,4		
4	Khu vực văn phòng	64,5		
Số mẫu quan trắc		04	00	

Tổng hợp kết quả quan trắc:

- Tổng số mẫu độ ồn chung: 04 mẫu
- Tổng số mẫu tiếng ồn chung không đạt giới hạn cho phép: 00 mẫu

III. BỤI CÁC LOẠI

<i>QCVN 02: 2019/BYT: Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc</i>		Nồng độ bụi toàn phần $\leq 8 \text{ (mg/m}^3\text{)}$	
		<i>Lấy theo thời điểm</i>	
STT	Vị trí quan trắc	Mẫu đạt	Mẫu không đạt
1	Khu vực thành phẩm	0,24	
2	Khu vực máy in	0,35	
3	Khu vực bán thành phẩm	0,33	
4	Khu vực văn phòng	0,21	
Số mẫu quan trắc		04	00

Tổng hợp kết quả quan trắc:

- Tổng số mẫu bụi toàn phần: 04 mẫu.

Tổng số mẫu bụi toàn phần vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu.

IV. HƠI KHÍ ĐỘC

Tên hóa chất		Sulfua đioxit (SO ₂)		Nitơ đioxit (NO ₂)		Carbon monoxide (NO)	
<i>QCVN 03: 2019/BYT: Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc</i>		$\leq 5 \text{ mg/m}^3$		$\leq 5 \text{ mg/m}^3$		$\leq 20 \text{ mg/m}^3$	
STT	Vị trí quan trắc	Mẫu đạt	Mẫu không đạt	Mẫu đạt	Mẫu không đạt	Mẫu đạt	Mẫu không đạt
1	Khu vực thành phẩm	0,058		0,055		6,45	
2	Khu vực máy in	0,062		0,056		6,85	
3	Khu vực bán thành phẩm	0,063		0,053		6,89	
4	Khu vực văn phòng	0,057		0,054		6,15	
Số mẫu quan trắc		04	00	04	00	04	00

Tổng hợp kết quả quan trắc:

- Tổng số mẫu Sulphua đioxit: 04 mẫu.

Tổng số mẫu Sulphua đioxit vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu.

- Tổng số mẫu Nito đioxit: 04 mẫu.

Tổng số mẫu Nito đioxit vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu

- Tổng số mẫu Cacbon monoxit: 04 mẫu.

Tổng số mẫu Cacbon monoxit vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu

V. ĐÁNH GIÁ TƯ THẾ LAO ĐỘNG. (PHƯƠNG PHÁP OWAS-KHÔNG TÍNH ĐẾN TRỌNG LƯỢNG VẬT CẦM)

1.1. Hệ thống phân loại tư thế lao động OWAS

a. Bảng phân loại tư thế.

	1	2	3	4	5	6
Tư thế lưng	Thẳng đứng	Cúi	Đứng thẳng và vắn	Vừa cúi vừa vắn		
Vị trí hai tay	Hai tay ở dưới bả vai	Một tay ở trên mức bả vai, còn tay kia ở dưới mức bả vai	Cả hai tay đều trên mức bả vai			
Vị trí của hai chân	Trọng lượng cơ thể dồn lên hai chân đứng thẳng	Trọng lượng cơ thể dồn lên hai chân đứng thẳng	Trọng lượng cơ thể dồn lên hai chân khụy	Trọng lượng cơ thể dồn lên một chân khụy	Trọng lượng cơ thể dồn lên một chân quỳ	Đi lại

b. Bảng phân loại tư thế lao động theo 4 nhóm dựa trên đánh giá chung mức độ căng thẳng tư thế.

1	2	3	4
111	114	124	125
112	115	134	213
113	123	136	215
			225
			234
			314
			235

c. Mức độ cấp bách phải thực hiện các biện pháp điều chỉnh đối với các nhóm tư thế hay loại tư thế.

Nhóm hoặc loại tư thế	Mức độ căng thẳng	Mức độ cấp bách
1	Các tư thế như vậy không có hại	Không cần biện pháp đặc biệt nào
2	Công việc có các tư thế gây căng thẳng đáng kể	Cần một biện pháp điều chỉnh trong tương lai gần
3	Công việc có các tư thế gây căng thẳng đáng kể	Một giải pháp điều chỉnh được thực hiện càng sớm càng tốt
4	Công việc có các tư thế có hại rõ ràng	Cần có ngay biện pháp điều chỉnh

1.2. Kết quả đánh giá tư thế lao động theo OWAS

TT	Vị trí lao động	Tư thế lưng	Tư thế hai tay	Tư thế hai chân	Phân loại theo OWAS
1.	Khu vực thành phẩm	Thẳng đứng	Hai tay ở dưới bả vai	Đi lại	116 – Nhóm 1
2.	Khu vực máy in	Thẳng đứng	Hai tay ở dưới bả vai	Đi lại	116 – Nhóm 1
3.	Khu vực bán thành phẩm	Thẳng đứng	Hai tay ở dưới bả vai	Đi lại	111 – Nhóm 1

TỔNG HỢP KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

TT	Yếu tố quan trắc	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt
<i>Yếu tố vi khí hậu</i>				
1	Nhiệt độ	4	4	00
2	Độ ẩm	4	4	00
3	Tốc độ gió	4	4	00
4	Bức xạ nhiệt	4	4	00
<i>Yếu tố vật lý</i>				
5	Ánh sáng	4	4	00
6	Tiếng ồn chung	4	4	00
7	Độ rung	4	4	00
<i>Bụi</i>				
8	Bụi toàn phần	4	4	00
<i>Yếu tố hóa học – Hơi khí</i>				
8	CO	4	4	00
9	CO2	4	4	00
10	SO2	4	4	00
<i>Các yếu tố tâm sinh lý và ergonomics</i>				
11	Đánh giá vị trí lao động		04	
Tổng cộng		44	44	00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ ĐO KIỂM MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

(Quan trắc theo yêu cầu của khách hàng)

TẠI: CÔNG TY TNHH BAO BÌ ĐÔNG ÂU

*Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, Xã Tân
Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang*

NĂM 2023

CÔNG TY CP ĐÀO TẠO AN TOÀN
VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Số: /MTLĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 20 tháng 12 năm 20223

Thi hành Bộ luật An toàn, Vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 10/07/2015; Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định an toàn vệ sinh lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

CÔNG TY CP ĐÀO TẠO AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 419/26 đường Bùi Thị Xuân, khu phố Tân Thắng, Phường Tân Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (0274) 654 4545 Hotline: 0979 339 099

Do ông: **LÊ KHẮC CHÂU** Chức vụ: Giám đốc

Đã tiến hành quan trắc môi trường lao động tại :

Tại: CÔNG TY TNHH BAO BÌ ĐÔNG ÂU

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang

Ngày quan trắc:

I. CÁC YẾU TỐ VI KHÍ HẬU

Mùa tại thời điểm đo đạc : Mùa nắng.

1. Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió

QCVN 26:2016/BYT Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc		NHIỆT ĐỘ (°C)		ĐỘ ẨM (%)		TỐC ĐỘ GIÓ (m/s)	
Loại 2: Trung bình		18-32		40-80		0,2-1,5	
TT	Vị trí quan trắc	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt
*	<i>Ngoài trời lúc 14 giờ 0 phút ngày 13 tháng 12 năm 2023</i>						
1	Khu vực thành phẩm	31,2		65,6		0,7	
2	Khu vực máy in	31,4		64,5		0,4	

3	Khu vực bán thành phẩm	31,5		65,2		0,5	
4	Khu vực văn phòng	31,1		65,3		0,3	
Tổng số		04	00	04	0	04	00

Tổng hợp kết quả quan trắc:

- Tổng số mẫu nhiệt độ: 04 mẫu
Tổng số mẫu vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu
- Tổng số mẫu độ ẩm: 04 mẫu
Tổng số mẫu độ ẩm vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu
- Tổng số mẫu tốc độ gió: 04 mẫu
Tổng số mẫu tốc độ gió vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu

1. Bức xạ nhiệt

Tên hóa chất		Cường độ bức xạ nhiệt theo diện tích tiếp xúc (W/m^2)	
QCVN 26:2006/BYT Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc		Tiếp xúc trên 50% diện tích cơ thể người ≤ 35	
STT	Vị trí quan trắc	Mẫu đạt	Mẫu không đạt
1	Khu vực thành phẩm	24,7	
2	Khu vực máy in	22,5	
3	Khu vực bán thành phẩm	14,9	
4	Khu vực văn phòng	10,7	
Số mẫu quan trắc		04	00

Tổng hợp kết quả quan trắc:

- Tổng số mẫu bức xạ nhiệt: 04 mẫu
Tổng số mẫu bức xạ nhiệt vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu

II. CÁC YẾU TỐ VẬT LÝ**1. Ánh sáng (Lux)**

STT	Vị trí quan trắc	Ánh sáng (Lux)		QCVN 26:2016/BYT Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc
		Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	
1	Khu vực thành phẩm	404		≥ 300
2	Khu vực máy in	420		≥ 300
3	Khu vực bán thành phẩm	390		≥ 300
4	Khu vực văn phòng	480		≥ 300
Tổng số		04	00	

Tổng hợp kết quả quan trắc:

- Tổng số mẫu ánh sáng: 04 mẫu
- Tổng số mẫu ánh sáng không đạt giới hạn cho phép: 00 mẫu

2. Tiếng ồn (dBA)**Tiếng ồn chung**

STT	Vị trí quan trắc	Tiếng ồn (dBA)		QCVN 24:2016/BYT Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc
		Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	
1	Khu vực thành phẩm	65,8		≤85
2	Khu vực máy in	69,8		≤85
3	Khu vực bán thành phẩm	70,4		≤85
4	Khu vực văn phòng	64,5		≤85
Tổng số		04	00	

Tổng hợp kết quả quan trắc:

- Tổng số mẫu độ ồn chung: 04 mẫu
- Tổng số mẫu độ ồn chung không đạt giới hạn cho phép: 00 mẫu

III. BỤI CÁC LOẠI

QCVN 02:2019/BYT giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc áp dụng đối với thời lượng tiếp xúc 48 giờ làm việc/1 tuần làm việc 6 ngày.

QCVN 02:2019/BYT: Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc		Nồng độ bụi toàn phần Bụi loại 4 ≤ 8 (mg/m ³) Lấy theo thời điểm	
STT	Vị trí quan trắc	Mẫu đạt	Mẫu không đạt
1	Khu vực thành phẩm	0,25	
2	Khu vực máy in	0,36	
3	Khu vực bán thành phẩm	0,33	
4	Khu vực văn phòng	0,60	
Số mẫu quan trắc		04	00

Tổng hợp kết quả quan trắc:

- Tổng số mẫu bụi toàn phần: 04 mẫu.
- Tổng số mẫu bụi hô hấp vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu

IV. HƠI KHÍ ĐỘC

Tên hóa chất		Sunfua dioxit (SO ₂)		Nitơ dioxit (NO ₂)		Carbon monoxide (NO)	
QCVN 03:2019/BYT: Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc		≤5 mg/m ³		≤5 mg/m ³		≤20 mg/m ³	
TT	Vị trí quan trắc	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt
1	Khu vực đầu xưởng	0,057		0,056		6,50	
2	Khu vực cuối xưởng	0,062		0,060		6,55	
3	Khu vực sửa chữa	0,060		0,058		6,70	
4	Khu vực sơn sửa	0,058		0,089		6,15	
Số mẫu quan trắc		04	00	04	00	04	00

Tổng hợp kết quả quan trắc:

- Tổng số mẫu Sunfua dioxit: 04 mẫu.
- Tổng số mẫu Sunfua dioxit vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu
- Tổng số mẫu Nitơ dioxit: 04 mẫu.
- Tổng số mẫu Nitơ dioxit vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu
- Tổng số mẫu Carbon monoxide: 04 mẫu.
- Tổng số mẫu Carbon monoxide vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu

V. ĐÁNH GIÁ TƯ THẾ LAO ĐỘNG. (PHƯƠNG PHÁP OWAS-KHÔNG TÍNH ĐẾN TRỌNG LƯỢNG VẬT CẦM)**1.1 Hệ thống phân loại tư thế lao động OWAS****a. Bảng phân loại tư thế.**

	1	2	3	4	5	6
Tư thế lưng	Thẳng đứng	Cúi	Đứng thẳng và vặn	Vừa cúi vừa vặn		
Vị trí hai tay	Hai tay ở dưới bả vai	Một tay ở trên mức bả vai, còn tay kia ở dưới mức bả vai	Cả hai tay đều trên mức bả vai			
Vị trí của hai chân	Trọng lượng cơ thể dồn lên hai chân đứng thẳng	Trọng lượng cơ thể dồn lên hai chân đứng thẳng	Trọng lượng cơ thể dồn lên hai chân khuỵu	Trọng lượng cơ thể dồn lên một chân khuỵu	Trọng lượng cơ thể dồn lên một chân quỳ	Đi lại

b. Bảng phân loại tư thế lao động theo 4 nhóm dựa trên đánh giá chung mức độ căng thẳng tư thế.

1		2	3	4	
111	114	124	135	125	224
112	115	135	213	225	234
113	123	136	215	314	235

c. mức độ cấp bách phải thực hiện các biện pháp điều chỉnh đối với các nhóm tư thế hay các loại tư thế.

Nhóm hoặc loại tư thế	Mức độ căng thẳng	Mức độ cấp bách
1	Các tư thế như vậy không có hại	Không cần biện pháp đặc biệt nào.
2	Công việc có các tư thế gây căng thẳng không đáng kể	Cần một biện pháp điều chỉnh trong tương lai gần.
3	Công việc có các tư thế gây căng thẳng đáng kể	Một giải pháp điều chỉnh được thực hiện càng sớm càng tốt.
4	Công việc có các tư thế có hại rõ ràng	Cần có ngay biện pháp điều chỉnh.

1.2 Kết quả đánh giá tư thế lao động theo OWAS

TT	Vị trí lao động	Tư thế lưng	Tư thế hai tay	Tư thế hai chân	Phân loại theo OWAS
1	Khu vực thành phẩm	Thẳng đứng	Hai tay ở dưới bả vai	Đi lại	116 - nhóm 1
2	Khu vực máy in	Thẳng đứng	Hai tay ở dưới bả vai	Đi lại	116 - nhóm 1
3	Khu vực bán thành phẩm	Thẳng đứng	Hai tay ở dưới bả vai	Đi lại	111 - nhóm 1

TỔNG HỢP KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

TT	Yếu tố quan trắc	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt
	Yếu tố vi khí hậu			
1.	Nhiệt độ	04	04	00
2.	Độ ẩm	04	04	00
3.	Tốc độ gió	04	04	00
4.	Bức xạ nhiệt	04	04	00
	Yếu tố vật lý			
5.	Ánh sáng	04	04	00
6.	Tiếng ồn chung	04	04	00
	Bụi			
7.	Bụi toàn phần	04	04	00

	Yếu tố hóa học – Hơi khí độc			
8.	CO	04	04	00
9.	CO ₂	04	04	00
10.	SO ₂	04	04	00
	Các yếu tố tâm sinh lý và ergonomics			
11.	Đánh giá vị trí lao động		04	
	Tổng cộng	44	44	00

KHUYẾN NGHỊ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

1. Biện pháp kỹ thuật:

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị: máy điều hòa không khí, quạt thông gió đảm bảo luôn hoạt động tốt; trang bị thêm hệ thống thông gió, quạt công nghiệp khi cần thiết.
- Cung cấp đầy đủ nước uống cho người lao động nhằm tăng cường sự giải nhiệt cơ thể; trồng cây xanh, tạo mảng xanh trong khu vực lao động.
- Tiến hành vệ sinh lau chùi bóng đèn, thông thoáng không gian chiếu sáng: không để vật cản khuất bóng.
- Tại các vị trí thiếu sáng: bổ sung thêm bóng đèn; thay thế những bóng hỏng, cũ; thay đổi loại bóng đèn đang sử dụng bằng đèn Led, đèn cao áp.
- Kiểm tra sự ổn định của máy móc, bôi trơn động cơ, bao bọc chống ồn.
- Bảo đảm máy, thiết bị, vật tư được sử dụng, vận hành, bảo trì, bảo quản tại nơi làm việc theo quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, vệ sinh lao động.
- Tăng cường công việc tự do đặc kiểm tra tại các vị trí thường xuyên có người lao động làm việc để phát hiện và có biện pháp hạn chế kịp thời.

2. Giải pháp về biện pháp tổ chức lao động:

- Giữ vững, cải thiện điều kiện nơi làm việc thông thoáng, hợp vệ sinh.
- Bố trí người phụ trách thường xuyên vệ sinh nhà xưởng gọn gàng sạch sẽ.
- Thông tin, tuyên truyền, giáo dục: về an toàn, vệ sinh lao động, các yếu tố nguy hiểm, có hại và các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc cho người lao động.
- Cung cấp thông tin về các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động về máy móc, sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn cho người lao động trong quá trình lao động.
- Duy trì hoạt động và tăng cường tổ chức huấn luyện về an toàn lao động cho cán bộ nhân viên làm công tác an toàn lao động theo quy định.
- Người sử dụng lao động tổ chức huấn luyện cho người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động; cấp thẻ an toàn trước khi bố trí làm công việc này.
- Rà soát đánh giá nâng cấp các nội quy, tiêu chuẩn làm việc an toàn trong từng công đoạn sản xuất trong nhà máy.
- Phân ca kíp làm việc hợp lý đối với những khu vực có nguy cơ gây hại.
- Gắn biển cảnh báo, hạn chế số lượng lao động vào khu vực có nguy cơ nguy hại.
- Thực hiện đo kiểm môi trường lao động định kỳ.

3. Giải pháp về giám sát y tế và sức khỏe:

- Khám tuyển đầu vào.
- Khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước.

4. Giải pháp về phương tiện bảo hộ lao động cá nhân:

- Trang bị đầy đủ nút tai chống ồn cho người lao động tại vị trí có tiếng ồn cao.
- Trang bị khẩu trang mặt nạ chống bụi đối với những khu vực có nồng độ bụi cao.
- Trang bị đồ bảo hộ lao động cho người lao động.
- Cung cấp kiến thức về tác hại của những nguy hại mà người lao động có thể gặp phải khi lao động, nâng cao nhận thức về bệnh nghề nghiệp cho người lao động.
- Giám sát, nhắc nhở việc người lao động sử dụng thiết bị bảo hộ.

5. Các giải pháp khác:

- Triển khai biện pháp cải thiện điều kiện lao động, giảm thiểu yếu tố có hại và phòng chống bệnh nghề nghiệp.
- Bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động theo quy định của pháp luật về lao động.
- Người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại được người sử dụng lao động bồi dưỡng bằng hiện vật.

Việc bồi dưỡng bằng hiện vật theo nguyên tắc sau đây:

- Giúp tăng cường sức đề kháng và thải độc của cơ thể.
- Bảo đảm thuận tiện, an toàn, vệ sinh thực phẩm.
- Thực hiện trong ca, ngày làm việc, trừ trường hợp đặc biệt do tổ chức lao động không thể tổ chức bồi dưỡng tập trung tại chỗ.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn



Vương Văn Đức

Lãnh đạo tổ chức quan trắc MTLĐ



LÊ KHÁC CHÂU

PHỤ LỤC
VĂN BẢN THỎA THUẬN ĐẦU NỐI
HỢP ĐỒNG ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI

BAN QUẢN LÝ CÁC KCN
TỈNH HẬU GIANG
CTY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 42 /PTHT
V/v thống nhất cho Công ty
TNHH Bao bì Đông Âu đấu nối
hạ tầng vào Đường số 4 KCN Tân
Phú Thạnh - giai đoạn 1.

Hậu Giang, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Kính gửi: Công ty TNHH Bao Bì Đông Âu.

Căn cứ Công văn số 24/BQL-QHXD ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang V/v thỏa thuận xây dựng hàng rào, đấu nối giao thông và thi công ép cọc dự án Nhà máy sản xuất Bao bì Đông Âu Hậu Giang;

Căn cứ Công văn số 02/CV.2018 ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Công ty TNHH Bao bì Đông Âu V/v xin phê duyệt thiết kế đấu nối nước mưa, nước thải và đấu nối giao thông vào hạ tầng KCN Tân Phú Thạnh-giai đoạn 1;

Qua xem xét hồ sơ thiết kế bản vẽ đấu nối giao thông, nước mưa, nước thải vào hạ tầng đường số 4 KCN Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1 do Quý doanh nghiệp gửi kèm Công văn số 02/CV.2018. Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Hậu Giang có ý kiến như sau:

1. Thống nhất cho Công ty TNHH Bao bì Đông Âu đấu nối giao thông 01(một) đường nội bộ của dự án vào Đường số 4 KCN Tân Phú Thạnh theo đúng bản vẽ thiết kế đã được phê duyệt

+ Quy cách điểm đấu nối: ngang 8 mét, dài 7 mét. Gia cố trụ bê tông cốt thép dọc hai bên cống thoát nước mưa, nước thải nhằm đảm bảo không bị sụp lún trong quá trình sử dụng.

+ Lắp đặt ống thép chờ Ø200mm, chiều dài 10m ngang điểm đấu nối giao thông nhằm lắp đặt đường ống cấp nước sạch cho các doanh nghiệp.

2. Thống nhất cho Công ty TNHH Bao bì Đông Âu đấu nối hệ thống nước mưa, nước thải vào hệ thống thu gom chung của Đường số 4 KCN Tân Phú Thạnh- giai đoạn 1, tại các vị trí sau:

- Hệ thống thoát nước mưa tại hố ga T4-11 (Cao độ đỉnh +2,35m, cao độ đáy +0,73m) và hố ga T4-12 (Cao độ đỉnh +2,35m, cao độ đáy +0,73m)

- Hệ thống thoát nước thải theo đúng vị trí trong bản vẽ thiết kế. Trước khi xả thải phải ký hợp đồng dịch vụ thoát nước với Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Hậu Giang.

- Trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom chung, Quý công ty phải xây dựng hố ga ngoài hàng rào riêng như bản vẽ thiết kế.

3. Khi triển khai thi công phải đảm bảo hạ tầng chung trong Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh không bị ảnh hưởng do việc thi công công trình, nếu có hư hỏng xảy ra đề nghị Quý công ty khắc phục sửa chữa trả lại hiện trạng ban đầu. Trong quá trình thi công phải vệ sinh sau mỗi ngày làm việc nhằm đảm bảo mỹ quan xanh sạch trong Khu công nghiệp.

4. Khi triển khai thi công đề nghị quý Công ty thông báo cho Công ty phát triển hạ tầng biết để phối hợp thực hiện.

Đề nghị Công ty TNHH Bao Bì Đông Âu thực hiện đúng các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cty;
- Lưu VT; KTHT.

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Toàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

Số: 02/2018

Hộ thoát nước: CÔNG TY TNHH BAO BÌ ĐÔNG ÂU

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Mã số khách hàng

0	0	2	2	0	1	8
---	---	---	---	---	---	---

Giữa

Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Hậu Giang

Và

Công ty TNHH Bao bì Đông Âu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

Số: 02/2018

Hộ thoát nước: CÔNG TY TNHH BAO BÌ ĐÔNG ÂU

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Mã số khách hàng

0	0	2	2	0	1	8
---	---	---	---	---	---	---

Giữa

Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Hậu Giang

Và

Công ty TNHH Bao bì Đông Âu

PHẦN I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 18/06/2014;

Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 21/06/2012;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 23/06/2014;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 11, thông qua ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều của Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT (QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

Căn cứ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;

Căn cứ Thông tư 02/2015/TT-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;

Căn cứ Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc quy định giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải của Trạm Xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1;

Căn cứ Quyết định số 01/2006/QĐ-UBND ngày 05/01/2006 của UBND tỉnh Hậu Giang V/v thành lập Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Hậu Giang;

Căn cứ Giấy phép xả thải số 21/GP-UBND của UBND tỉnh Hậu Giang cấp ngày 01 tháng 8 năm 2016,

Hôm nay ngày 18 tháng 12 năm 2018 hai bên thống nhất các nội dung và điều khoản trong hợp đồng như sau:

PHẦN II. CÁC CHỦ THỂ HỢP ĐỒNG

Bên A (bên cung cấp dịch vụ thoát nước):

CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP HẬU GIANG

Đại diện: Ông **Phạm Minh Toàn**, Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ Nam Sông Hậu, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Điện thoại: 02936 296 999

MST: 6300018922

Bên B (bên sử dụng dịch vụ thoát nước):

CÔNG TY TNHH BAO BÌ ĐÔNG ÂU

Đại diện: Bà **Huỳnh Thị Thu Hà**, Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: KCN Tân Phú Thạnh, GD 1, Xã Tân Phú Thạnh, Châu Thành A, Hậu Giang.

Điện thoại: 0918222901

Fax:

MST: 6300294545

PHẦN III. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Sau khi cùng bàn bạc thảo luận, Bên A và Bên B cùng thống nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là dịch vụ thoát nước) với các nội dung cơ bản như sau:

Điều 1. Nội dung công việc

1. Bên A nhận cung cấp dịch vụ thoát nước bao gồm nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt do Bên B thải ra trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2. Bên A tiếp nhận nước thải của Bên B đã được xử lý cục bộ đạt loại B theo QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1.

3. Bên A tiếp tục xử lý nước thải của Bên B từ loại B-QCVN 40:2011/BTNMT sang loại A - QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thải ra nguồn tiếp nhận (sông Ba Láng).

Điều 2. Điểm đầu nối và quy cách đầu nối

1. Vị trí đầu nối: tại vị trí hố ga nước thải của doanh nghiệp đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của đường số 4, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, tại hố ga thu gom nước thải ngoài hàng rào của doanh nghiệp.

2. Quy cách đầu nối: Trước khi đầu nối xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp thì doanh nghiệp phải xây dựng 1 hố ga ngoài hàng rào doanh nghiệp cách hố ga thu gom chung khoảng 2,5 m.

Điều 3. Xác định khối lượng nước thải

Lưu lượng nước thải được tính bằng 80% khối lượng nước sạch tiêu thụ (quy định tại Điều 39 Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014). Bên A sẽ ghi nhận vào cuối tháng lưu lượng sử dụng nước sạch sử dụng của doanh nghiệp (tại đồng hồ sử dụng nước của Công ty công trình đô thị) để xác định khối lượng nước thải tính phí trong tháng đó.

Điều 4. Yêu cầu về chất lượng nước thải

1. Bên B xử lý nước thải cục bộ tại nhà máy đạt loại B - QCVN 40:2011/BTNMT và đăng ký xả thải vào hệ thống thu gom nước thải do Bên A quản lý (trường hợp QCVN 40:2011/BTNMT bị thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn mới, thời điểm áp dụng kể từ ngày quy chuẩn mới có hiệu lực thi hành).

2. Chất lượng nước thải do Bên B xả ra sẽ được Bên A xác định dựa trên mẫu nước thải của Bên B. Bên A có quyền chỉ định số lần lấy mẫu và thời điểm kiểm tra bất kỳ để xác định chất lượng nước thải của Bên B để thu giá dịch vụ thoát nước. Công tác lấy mẫu được chứng kiến và xác nhận giữa Bên A và Bên B, chi phí lấy và phân tích mẫu được quy định như sau:

a. Nếu kết quả phân tích mẫu nước thải của Bên B đạt theo thỏa thuận Hợp đồng đã ký thì Bên A sẽ chi trả phí phân tích.

b. Nếu kết quả phân tích mẫu nước thải của Bên B không đạt theo thỏa thuận Hợp đồng đã ký thì Bên B sẽ chi trả phí phân tích.

c. Nếu Bên B yêu cầu lấy mẫu vì lý do nào đó thì Bên B chịu chi phí lấy và phân tích mẫu đó.

3. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải của Bên B gặp sự cố, nước thải xả vào hệ thống thu gom của Bên A vượt khả năng tiếp nhận của bên A có thông số ô nhiễm COD > 700 mg/l, Bên B phải thông báo cho Bên A trong thời gian sớm nhất (tối đa không quá 01 giờ kể từ khi xảy ra sự cố) và có văn bản giải trình (tối đa không quá 24 giờ kể từ khi xảy ra sự cố).

4. Khi phát hiện chất lạ hoặc hàm lượng một chất vượt chuẩn tới ngưỡng gây hại có trong nước thải của Bên B gây nguy hại cho hệ thống xử lý nước thải của Bên A, Bên A sẽ thông báo cho Bên B, đồng thời sẽ tạm ngưng tiếp nhận để Bên B khắc phục.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu Bên B thanh toán đầy đủ và đúng hạn chi phí xử lý nước thải theo hợp đồng đã ký kết. Ngừng tiếp nhận nước thải của Bên B nếu Bên A không nhận được khoản thanh toán sau 02 kỳ giấy báo liên tiếp và Bên A sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến lượng nước thải của Bên B;

- Kiểm tra việc xả nước thải của Bên B, lấy mẫu phân tích vào thời điểm bất kỳ. Trường hợp Bên A yêu cầu kiểm tra và lấy mẫu nước thải của Bên B

nhưng Bên B không bố trí được người chứng kiến thì Bên A ngừng tiếp nhận nước thải của Bên B và sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến lượng nước thải của Bên B;

- Ngừng cung cấp dịch vụ thoát nước theo quy định tại Điều 28 của Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ;

- Ngừng tiếp nhận nước thải, nước mưa của Bên B nếu phát hiện có nước thải của Bên B thải vào hệ thống thoát nước mưa của Bên A;

- Được áp dụng các mức giá dịch vụ thoát nước Khoản 1, Điều 7 tại hợp đồng này.

- Không chịu bất cứ trách nhiệm và bồi thường nào đối với những thiệt hại mà nguồn nước thải của Bên B không đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Bên A;

- Yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại trong trường hợp nước thải của Bên B chứa chất lạ và chất vượt chuẩn tới ngưỡng nguy hại gây nguy hiểm cho hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung;

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Tuân thủ các quy trình, quy phạm về vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải của khu công nghiệp;

- Xử lý sự cố, khôi phục việc thoát nước thải;

- Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; chịu trách nhiệm nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đến cơ quan có thẩm quyền thay cho Bên B;

- Cung cấp thông tin thỏa thuận đầu nối cho các đối tượng có nhu cầu;

- Bảo đảm duy trì ổn định dịch vụ thoát nước;

- Tiếp nhận và giải quyết các đơn yêu cầu về dịch vụ thoát nước của doanh nghiệp;

- Khi tạm ngưng sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, Bên A sẽ có văn bản thông báo cho Bên B, đồng thời Bên A sẽ có biện pháp thoát nước tạm thời để hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động thoát nước của Bên B.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

Bên B có các quyền sau đây:

- Được cung cấp dịch vụ xử lý nước thải theo quy định của pháp luật;

- Yêu cầu Bên A kịp thời khắc phục khi có sự cố xảy ra;

- Được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin về hoạt động hệ thống thu gom và xử lý nước thải của khu công nghiệp;

- Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước của Bên A hoặc các bên có liên quan;

- Thực hiện các cam kết ghi trong Hợp đồng này và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

- Thực hiện biện pháp xử lý cục bộ nước thải của Bên B theo Điều 4 của Hợp đồng và quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về môi trường vào từng thời điểm, trước khi thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp;

- Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đúng chủng loại theo đề nghị của bên A (nếu có);

- Bố trí người phối hợp với Bên A khi Bên A yêu cầu kiểm tra việc xả thải hoặc lấy mẫu nước thải của Bên B để phân tích;

- Thanh toán phí xử lý nước thải đầy đủ, đúng thời hạn theo Điều 8 của Hợp đồng;

- Thông báo cho Bên A khi thấy các hiện tượng bất thường có thể gây sự cố đối với hệ thống thoát nước khu công nghiệp;

- Đầu nối hệ thống thoát nước của Bên B vào hệ thống thoát nước thải chung đúng các quy định của thoả thuận đầu nối;

- Chịu trách nhiệm và bồi thường khi gây thiệt hại cho các Bên liên quan theo quy định của pháp luật;

- Không được xả các chất không phải là nước thải và chất độc hại gây nguy hại đối với hệ thống nước thải tập trung của Bên A. Tách riêng triệt để hệ thống thoát nước thải và nước mưa nội bộ;

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Giá dịch vụ thoát nước

1. Giá dịch vụ thoát nước

Giá dịch vụ thoát nước trong tháng sẽ được lấy theo mẫu nước thải (trước khi xả vào hệ thống thu gom) có thông số COD, Tổng Nitơ, tổng photpho, chất rắn lơ lửng cao nhất phân tích trong tháng đó, giá dịch vụ thoát nước được tính như sau:

a. Trường hợp 1: Nước thải của Bên B đạt loại B theo QCVN 40:2011/BTNMT, giá dịch vụ thoát nước được tính như sau:

Loại B: $75 \text{ mg/l} < \text{COD} \leq 150 \text{ mg/l}$, $50 \text{ mg/l} < \text{chất rắn lơ lửng} \leq 100 \text{ mg/l}$, $20 \text{ mg/l} < \text{tổng Nitơ} \leq 40 \text{ mg/l}$, $4 \text{ mg/l} < \text{tổng photpho} \leq 6 \text{ mg/l}$, đơn giá **6.825 đồng/m³** (chưa gồm thuế VAT)

Trường hợp 01 trong các chỉ tiêu (tổng Nitơ, tổng photpho, chất rắn lơ lửng) vượt chuẩn loại B (trừ thông số ô nhiễm COD) so với tiêu chuẩn xả thải

mà bên B đã đăng ký. Tùy từng loại thông số vượt chuẩn, bên A sẽ xem xét đưa ra mức giá phù hợp, nhưng mức giá tối thiểu thì áp dụng giá ở mức giá bậc 1 (hệ số $k=1,5$) quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này) là **10.238 đồng/m³** (chưa gồm thuế VAT).

b. Trường hợp 2: Nước thải của Bên B vượt loại B theo QCVN 40:2011/BTNMT, giá dịch vụ thoát nước được tính theo hệ số “k” tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư 02/2015/TT-BXD ngày 02/4/2015 của Bộ Xây dựng như sau:

- Mức 1: $150 \text{ mg/l} < \text{COD} \leq 200 \text{ mg/l}$, đơn giá **10.238 đồng/m³** (hệ số $k=1,5$).
- Mức 2: $201 \text{ mg/l} < \text{COD} \leq 300 \text{ mg/l}$, đơn giá: **13.650 đồng/m³** (hệ số $k=2$).
- Mức 3: $301 \text{ mg/l} < \text{COD} \leq 400 \text{ mg/l}$, đơn giá: **17.063 đồng/m³** (hệ số $k=2,5$).
- Mức 4: $401 \text{ mg/l} < \text{COD} \leq 600 \text{ mg/l}$, đơn giá: **24.888 đồng/m³** (hệ số $k=3,5$).
- Mức 5: $\text{COD} > 600 \text{ mg/l}$, đơn giá: **30.713 đồng/m³** (hệ số $k=4,5$), nhưng không tiếp nhận nước thải có thông số ô nhiễm COD $> 700 \text{ mg/l}$.

c. Trong trường hợp Bên B xả thải có từ một thông số ô nhiễm trở lên (trừ thông số ô nhiễm COD) vượt so với tiêu chuẩn xả thải mà Bên B đã đăng ký. Tùy từng loại nước thải và thông số vượt chuẩn, Bên A sẽ xem xét đưa ra mức giá mới phù hợp (mức giá tối thiểu bằng mức giá bậc 1 của đơn giá áp dụng cho nước thải không đạt chuẩn như Điểm b Khoản 1 Điều này là **10.238 đồng/m³**).

- Định kỳ hoặc đột xuất Bên A sẽ chủ động lấy mẫu nước thải ít nhất một lần một tháng có sự chứng kiến của Bên B, mẫu nước thải được gửi phân tích tại nơi có uy tín, kết quả phân tích sẽ dùng để tính giá dịch vụ thoát nước cho Bên B, chi phí kiểm nghiệm thực hiện theo Khoản 2 Điều 4.

2. Giá dịch vụ thoát nước thay đổi khi có quyết định điều chỉnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khi đó, Bên A sẽ gửi thông báo cho Bên B, hai bên sẽ thỏa thuận ký phục lục hợp đồng hoặc hợp đồng mới và áp dụng giá thu dịch vụ thoát nước mới căn cứ theo quyết định điều chỉnh.

Điều 8. Phương thức và thời hạn thanh toán

Phương thức thanh toán: bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

Thông tin chuyển khoản: Đơn vị thụ hưởng Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang.

Thời hạn thanh toán: hàng tháng Bên A sẽ gửi giấy báo giá thu dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải cho Bên B và Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho Bên A trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được giấy báo của Bên A. Nếu Bên B không thanh toán đúng thời hạn, Bên A sẽ tính lãi trên số tiền chậm thanh toán nhân với lãi suất quá hạn cho vay ngắn hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố tại thời điểm thanh toán. Nhưng thời gian trễ hạn tối đa không quá hai (02) tháng. Quá thời hạn này, việc thanh

toán trễ hạn được xem là vi phạm hợp đồng và Bên A sẽ ngừng tiếp nhận nước thải của Bên B.

Bên A sẽ xuất hóa đơn cho Bên B trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ ngày Bên B thanh toán theo giấy báo của Bên A.

Điều 9: Sửa đổi hợp đồng

1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu bên nào có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng thì phải báo cho bên kia biết trước ít nhất 3 ngày làm việc về những nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

2. Giá dịch vụ thoát nước thay đổi hoặc QCVN 40:2011/BTNMT bị thay thế ảnh hưởng đến cách tính giá dịch vụ thoát nước đã ký trong Hợp đồng này.

3. Việc sửa đổi hoặc bổ sung hợp đồng được tiến hành bằng việc ký kết phụ lục hợp đồng hoặc giao kết hợp đồng mới.

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

- Khi bên B không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm trong hợp đồng này;
- Hai bên đồng ý chấm dứt hợp đồng;
- Bên B bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư;
- Khi chấm dứt hợp đồng, Bên B vẫn phải trả đầy đủ cho Bên A các khoản chi phí chưa thanh toán và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước về các vấn đề liên quan đến lượng nước thải phát sinh do hoạt động của Bên B tại khu công nghiệp;

- Khi quyết định chấm dứt hợp đồng cung cấp dịch vụ thoát nước, Bên A thông báo bằng văn bản cho Bên B (hoặc ngược lại) trước 15 ngày;

- Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

Điều 11. Giải quyết tranh chấp và vi phạm hợp đồng

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận tại Hợp đồng.

1. Hợp đồng được coi là bị vi phạm (vi phạm hợp đồng) khi có một trong các sự kiện sau đây xảy ra:

- Bên B vi phạm bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng này;
- Nguồn nước thải do Bên B thải ra vượt quá tiêu chuẩn nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Bên A quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này;

- Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ biện pháp xử lý nước thải cục bộ như thỏa thuận;

- Bên B không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, không đúng hạn phí dịch vụ thoát nước như đã quy định tại Điều 8 của Hợp đồng này;

- Bên B thanh toán không đầy đủ phí dịch vụ cộng với tiền lãi quá hạn được quy định tại Điều 8 của hợp đồng này.

2. Các hành vi vi phạm bên B không được thực hiện:

- Vi phạm các quy định về bảo vệ hệ thống thu gom và xử lý nước thải.
- Cản trở việc kiểm tra hoạt động của hệ thống thu gom và xử lý nước thải;

- Pha loãng nước thải để đạt các quy chuẩn chất lượng nước thải hoặc chuyển tải lượng ô nhiễm sang môi trường khác như đất và không khí;

- Không được xả nước thải hoặc nước chảy tràn không đảm bảo chất lượng vào hệ thống thu gom nước mưa của khu công nghiệp và nguồn tiếp nhận khác (như sông, kênh, rạch....);

- Đầu nối tùy tiện hoặc không đúng thỏa thuận với hệ thống thoát nước thải của khu công nghiệp;

- Cung cấp thông tin không trung thực làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác trong hoạt động thoát nước thải;

- Các hành vi khác vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và thoát nước thải khu công nghiệp.

3. Tùy theo trường hợp vi phạm hợp đồng và mức độ vi phạm mà Bên A có quyền áp dụng một hoặc đồng thời tất cả các biện pháp sau đối với Bên B:

- Bên B phải bồi thường thiệt hại, chi phí và tiền phạt mà Bên A phải chịu do hành vi vi phạm các quy định về xử lý và xả nước thải do Bên B gây nên;

- Trường hợp Bên B có các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động thoát nước gây nên thiệt hại đến lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân thì Bên B phải bồi thường thiệt hại;

- Khi Bên B vi phạm các quy định về thoát nước có gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, Bên A tiến hành lập biên bản và yêu cầu Bên B phải khắc phục ngay. Nếu Bên B không chấp hành, Bên A có quyền ngừng cung cấp dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải, Bên B tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật;

- Dịch vụ thoát nước sẽ được khôi phục sau khi Bên B khắc phục hoàn toàn hậu quả do hành vi vi phạm gây ra, hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định;

Điều 12. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 13. Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ những điều khoản đã ghi trong hợp đồng;

- Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc hai bên chủ động thông báo cho nhau và cùng bàn bạc đi đến thống nhất. Nếu Bên A và Bên B

không tự giải quyết các vướng mắc thì mọi sự tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án giải quyết.

Điều 14. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản./.

BÊN A

(Ký tên, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]

Phạm Minh Toàn

BÊN B

(Ký tên, đóng dấu)



[Handwritten signature]
Huỳnh Thị Thu Hà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Số: 04/2021/PLHD

V/v Điều chỉnh một số nội dung tại Hợp đồng Dịch vụ thoát nước số 02/2018
ngày 18 tháng 12 năm 2018 giữa Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp
Hậu Giang và Công ty TNHH Bao bì Đông Âu

I. CĂN CỨ ĐỂ KÝ PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG:

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ thoát nước số 02/2018 ngày 18 tháng 12 năm 2018 giữa Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Hậu Giang và Công ty TNHH Bao bì Đông Âu;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ xây dựng về Hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước thay thế Thông tư 02/2015/TT-BXD ngày 02/4/2015 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước.

Hôm nay, ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại Văn phòng Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp Hậu Giang, chúng tôi gồm các Bên sau đây:

II. CÁC BÊN KÝ KẾT PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG:

1. Bên A (Bên cung cấp dịch vụ thoát nước):

- Tên đơn vị: **Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Hậu Giang.**
- Đại diện: Ông **Ngô Tấn Quốc** Chức vụ: **Giám đốc**
- Địa chỉ: Km số 10, QL Nam Sông Hậu, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Mã số thuế: 6300018922

- Điện thoại: 0293.6.296999

Fax:

2. Bên B (Bên sử dụng dịch vụ thoát nước):

- Tên đơn vị: **Công ty TNHH Bao bì Đông Âu**
- Đại diện: Bà **Huỳnh Thị Thu Hà** Chức vụ : **Giám đốc**
- Địa chỉ: KCN Tân Phú Thạnh – Giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Mã số thuế: 6300294545

- Điện thoại: 0918 222 901

Fax:

HAI BÊN THỎA THUẬN THÔNG NHẤT KÝ KẾT PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG VỚI CÁC ĐIỀU KHOẢN NHƯ SAU:

Điều 1. Điều chỉnh thông tin Bên A theo Hợp đồng Dịch vụ thoát nước số 02/2018 ký ngày 18 tháng 12 năm 2018 thành:

Bên A (Bên cung cấp dịch vụ thoát nước):

- Tên đơn vị: Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Hậu Giang.
- Đại diện: Ông Ngô Tấn Quốc Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Km số 10, QL Nam Sông Hậu, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.
- Mã số thuế: 6300018922
- Điện thoại: 0293.6.296999
- Số tài khoản: 011100.66666666. Tại: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ.

Fax:

Điều 2. Điều chỉnh Khoản 2 Điều 4 Hợp đồng số 02/2018 ngày 18/12/2018 thành:

Chất lượng nước thải do Bên B đăng ký được Bên A xác định dựa trên mẫu nước thải của Bên B. Bên A có quyền chỉ định số lần lấy mẫu, thời điểm kiểm tra và thông số bất kỳ để xác định chất lượng nước thải của Bên B để thu giá dịch vụ thoát nước. Công tác lấy mẫu được chứng kiến và xác nhận giữa Bên A và Bên B, mỗi lần lấy 2 mẫu niêm phong, 1 mẫu gởi đi 1 mẫu giữ lại làm đối chứng cho đến khi có kết quả phân tích, chi phí lấy và phân tích mẫu được quy định như sau:

- a. Nếu kết quả phân tích mẫu nước thải của Bên B đạt theo thỏa thuận Hợp đồng đã ký thì Bên A sẽ chi trả phí phân tích.
- b. Nếu kết quả phân tích mẫu nước thải của Bên B không đạt theo thỏa thuận Hợp đồng đã ký thì Bên B sẽ chi trả phí phân tích.
- c. Nếu Bên B yêu cầu lấy mẫu vì lý do nào đó thì Bên B chịu chi phí lấy và phân tích mẫu đó.

Điều 3. Điều chỉnh Khoản 1 Điều 7 Hợp đồng số 02/2018 ngày 18/12/2018 thành:

1. Giá dịch vụ thoát nước:

Giá dịch vụ thoát nước trong tháng sẽ được xác định theo kết quả phân tích mẫu nước thải của Bên B trước khi xả vào hệ thống thu gom của Bên A của lần phân tích có kết quả cao nhất, gần thời điểm tính giá dịch vụ thoát nước trong tháng nhất mà Bên B đăng ký tại Khoản 1 Điều 4 để xác định giá dịch vụ thoát nước:

- a. Kết quả phân tích các thông số trong nước thải của Bên B đạt loại B theo QCVN 40:2011/BTNMT, giá dịch vụ thoát nước là **6.825 đồng/m³** (chưa gồm thuế VAT).

b. Kết quả phân tích thông số COD trong nước thải của Bên B vượt loại B theo QCVN 40:2011/BTNMT, Bên A sẽ thông báo cho Bên B để khắc phục, đồng thời xác định giá dịch vụ thoát nước (chưa gồm thuế VAT) theo hệ số "k" tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ xây dựng như sau:

- Mức 1: $151 \text{ mg/l} \leq \text{COD} \leq 200 \text{ mg/l}$, đơn giá: **10.238 đồng/m³** (hệ số $k=1,5$).
- Mức 2: $201 \text{ mg/l} \leq \text{COD} \leq 300 \text{ mg/l}$, đơn giá: **13.650 đồng/m³** (hệ số $k=2$).
- Mức 3: $301 \text{ mg/l} \leq \text{COD} \leq 400 \text{ mg/l}$, đơn giá: **17.063 đồng/m³** (hệ số $k=2,5$).
- Mức 4: $401 \text{ mg/l} \leq \text{COD} \leq 600 \text{ mg/l}$, đơn giá: **24.888 đồng/m³** (hệ số $k=3,5$).
- Mức 5: $\text{COD} > 600 \text{ mg/l}$, đơn giá: **31.713 đồng/m³** (hệ số $k=4,5$), nhưng không tiếp nhận nước thải có thông số ô nhiễm COD > 700 mg/l.

c. Trong trường hợp kết quả phân tích mẫu nước thải của Bên B xả thải có từ một thông số ô nhiễm trở lên (trừ thông số ô nhiễm COD) vượt so với tiêu chuẩn xả thải mà Bên B đã đăng ký tại Khoản 1 Điều 4 Bên A sẽ thông báo cho Bên B để khắc phục, đồng thời xác định giá dịch vụ thoát nước đối với mỗi thông số vượt chuẩn (lấy theo thông số vượt cao nhất) như sau:

- Mỗi thông số vượt tiêu chuẩn xả thải dưới 10%, đơn giá (chưa gồm thuế VAT): **10.238 đồng/m³**.
- Mỗi thông số vượt tiêu chuẩn xả thải từ 10% trở lên, đơn giá (chưa gồm thuế VAT): **10.238 đồng/m³ + (10.238 đồng/m³ x số % vượt tiêu chuẩn xả thải)**.

Trường hợp Bên A đã thông báo cho Bên B khắc phục nước thải vượt tiêu chuẩn xả thải mà Bên B đã đăng ký nhưng Bên B không thực hiện, Bên A sẽ ngưng tiếp nhận nước thải của Bên B cho đến khi Bên B khắc phục xong và có thông báo cho Bên A. Bên A sẽ không tiếp nhận nước thải có từ một thông số ô nhiễm trở lên (trừ thông số ô nhiễm COD) vượt quá 100%.

d. Nếu nước thải của Bên B vượt tiêu chuẩn xả thải mà Bên B đăng ký gây ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống xử lý nước thải của Bên A, Bên A sẽ có quyền yêu cầu Bên B khắc phục sự cố.

e. Bên A sẽ chủ động lấy mẫu nước thải vào thời điểm bất kỳ có sự chứng kiến của Bên B, mẫu nước thải được gửi phân tích tại nơi có uy tín, kết quả phân tích sẽ dùng để tính giá dịch vụ thoát nước cho Bên B, chi phí kiểm nghiệm thực hiện theo Khoản 2 Điều 4.

Điều 4. Điều chỉnh thông tin chuyển khoản tại Điều 8 Hợp đồng số 02/2018 ngày 18/12/2018 thành:

- Thông tin chuyển khoản: Đơn vị thụ hưởng Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Hậu Giang, chuyển khoản qua số tài khoản được Công ty Phát triển hạ tầng ghi trong Thông báo nộp tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải.

Điều 5. Điều khoản chung:

- Phụ lục này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng dịch vụ thoát nước số 02/2018 ngày 18 tháng 12 năm 2018 được ký kết giữa hai bên.
 - Phụ lục hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến Hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ bảo mật tài liệu.
 - Trong quá trình thực hiện nếu cần thay đổi, điều chỉnh các nội dung ghi trong Hợp đồng thì các Bên có trách nhiệm phối hợp thực hiện.
- Phụ lục hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản và có hiệu lực kể từ ngày ký./.



Ngô Tấn Quốc



Nguyễn Thị Thu Hà

PHỤ LỤC
QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐẤT
GIẤY CNQSDĐ VÀ TÀI SẢN GẮN TRÊN ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH BAO BÌ ĐÔNG ÂU

GCNĐKDN số 6300294545, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 12 năm 2017,
đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Phòng Đăng ký kinh
doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang

Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh-giai đoạn 1, xã Tân Phú
Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

DB 770203

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 752, tờ bản đồ số: 35
b) Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh-giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang
c) Diện tích: 5096,6m², (bằng chữ: năm nghìn không trăm chín mươi sáu phẩy sáu mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp
e) Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 12/4/2069
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

Thực hiện theo Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh Hậu Giang

Được miễn tiền thuê đất 11 năm kể từ ngày 23/9/2020 đến ngày 23/9/2031 theo Quyết định số 1225/QĐ-CT ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Cục Thuế tỉnh Hậu Giang.

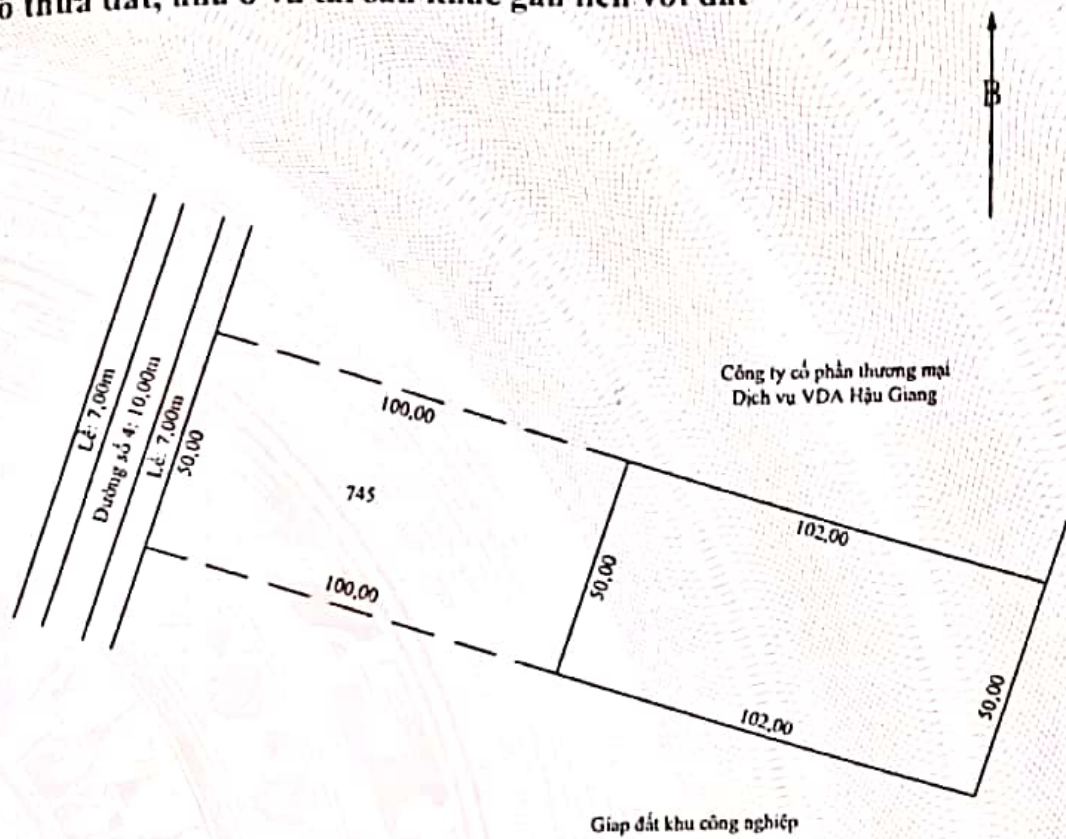
Hậu Giang, ngày 25 tháng 5 năm 2021
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
TUQ. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Lê Quốc Việt

Số vào sổ cấp GCN: CT21787

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



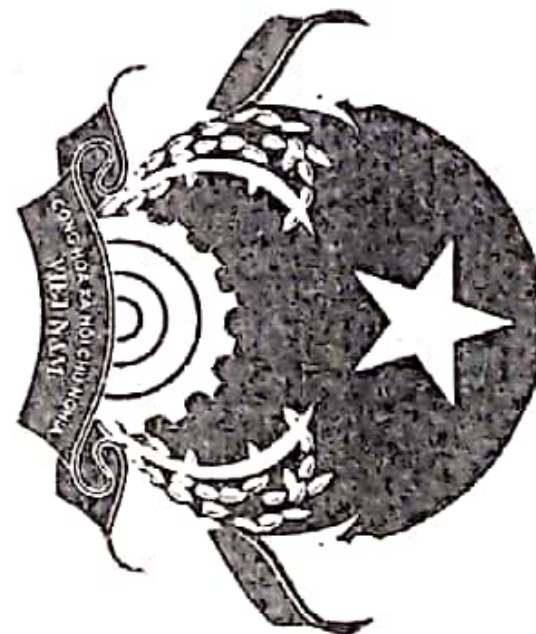
933136321021787

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

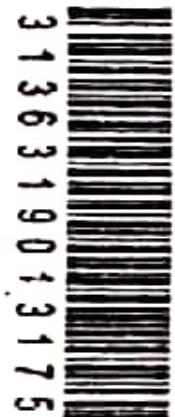


GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
CÔNG TY TNHH BAO BÌ ĐÔNG ÂU
GCNDBKDN số 6300294545, cấp ngày 20 tháng 4 năm 2018
của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang.
Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Tân Phú Thành - giai đoạn I,
xã Tân Phú Thành, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



3 1 3 6 3 1 9 0 1 3 1 7 5

CQ 281693

III. Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

745	Thừa đất số:	35
	, tờ bản đồ số:	

- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- đ) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp
- e) Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 28/6/2068
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà máy sản xuất bao bì Đông Âu Hậu Giang

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

Giang

Được miễn tiền thuê đất 11 năm (kể từ ngày 28/6/2018 đến ngày 27/6/2029), theo Quyết định số 983/OD-CT ngày 29/8/2018 của Cục Thuế tỉnh Hậu Giang

Thửa đất được cấp theo số liệu bản đồ địa chính chính quy

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI PHÒNG

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ NHÂN SỰ

HỘI TRƯỞNG

CỘNG HÒA X. H. C. VIỆT NAM

TỈNH HƯNG GIANG

Nguyễn Hoàng Anh

Số vào sổ cấp GCN: CT13175

CHỦNG THỰC BẢN SƠ ĐỒ CÔNG BẢN CHÍNH

21-06-2019

Số: 09248 Q.1/TPEC-SCT/BSS

CÔNG CHỨNG YÊN

**VĂN PHÒNG
CÔNG CHỨNG
TÂY NAM**

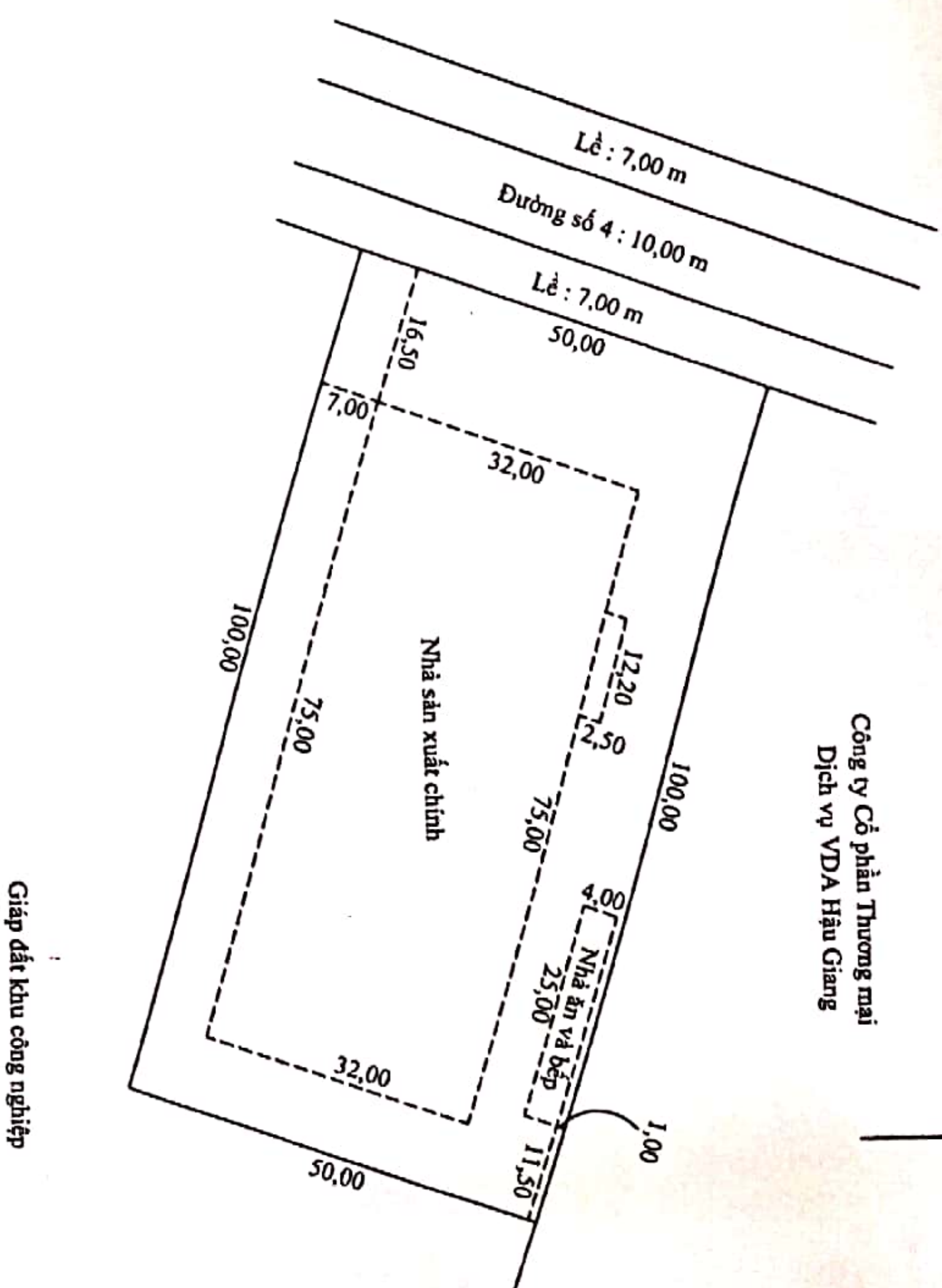
H. C. H. D.

S. Đ. K. H. D.

Đ. C. A. I. R. A. N. G. - T. P. C. Á. N. H.

Trần Mộng Hùng

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền



PHỤ LỤC

CÁC THỦ TỤC CỦA DỰ ÁN HẠ TẦNG KCN TÂN PHÚ THẠNH

QĐ phê duyệt ĐTM của KCN; Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường của KCN; giấy phép xả thải của KCN

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2009/TT-BTNMT ngày 19 tháng 3 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước;

Căn cứ Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2009 của UBND tỉnh V/v phê duyệt đầu tư dự án xây dựng công trình: Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, huyện Châu Thành A;

Căn cứ Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2016 của UBND tỉnh V/v điều chỉnh Khoản 12 Điều 1 Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang;

Căn cứ Công văn số 1314/UBND-KTN ngày 24 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh V/v chấp thuận thay đổi một số nội dung báo cáo ĐTM của dự án “Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp tập trung Tân Phú Thạnh - giai đoạn 2 và điều chỉnh giai đoạn 1, huyện Châu Thành A”;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty Phát triển hạ tầng Khu Công nghiệp Hậu Giang ngày 14 tháng 7 năm 2016 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 323/TTr-STNMT ngày 25 tháng 7 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Phát triển hạ tầng Khu Công nghiệp Hậu Giang, địa chỉ: Km10, Quốc lộ Nam Sông Hậu, xã Đông Phú, huyện Châu Thành A được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: sông Ba Láng đoạn chảy qua Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang..

2. Vị trí xả nước thải:

- Trạm xử lý nước thải tập trung, Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰): $X(m) = 1101215$ $Y(m) = 579363$

3. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

4. Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày đêm.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2500 m³/ngày đêm; 104 m³/giờ.

6. Chất lượng nước thải:

Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số $K_q = 1,0$; $K_f = 1,0$. Cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn
1	pH	-	6 - 9
2	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	50
3	COD	mg/l	75
4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30
5	Tổng Nitơ	mg/l	20
6	Tổng Phospho (tính theo P)	mg/l	4
7	Coliform	MPN/100ml	3.000

7. Thời hạn của giấy phép là năm (05) năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty Phát triển hạ tầng Khu Công nghiệp Hậu Giang:

1. Chấp hành quy định của pháp luật về tài nguyên nước và quy định trong Giấy phép.

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận:

2.1. Quan trắc nước thải:

a) Quan trắc liên tục tự động nước thải tại vị trí nước thải đầu ra sau bể khử trùng từ Trạm xử lý nước thải tập trung với các thông số quan trắc là pH, COD, DO, TSS và lưu lượng nước thải.

b) Quan trắc định kỳ chất lượng nước thải theo tần suất 3 tháng/lần tại vị trí nước thải đầu vào (tại bể gom) và nước thải đầu ra sau bể khử trùng của Trạm xử lý nước thải tập trung với các thông số quan trắc được quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này.

2.2. Quan trắc nguồn nước tiếp nhận:

a) Vị trí quan trắc: hai (02) vị trí trên sông Ba Láng, cách vị trí xả nước thải 50m về phía thượng lưu và hạ lưu.

b) Thông số quan trắc: pH, COD, BOD₅ (20⁰C), TSS, Nitrat (NO₃⁻ tính theo N), Phosphat (PO₄³⁻ tính theo P), Coliform.

c) Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột A₂).

d) Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.

3. Định kỳ 6 tháng và năm (trước ngày 15/6 và 15/12 hàng năm), tổng hợp báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước.

Điều 3. Công ty Phát triển hạ tầng Khu Công nghiệp Hậu Giang được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty Phát triển hạ tầng Khu Công nghiệp Hậu Giang còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định.

Nơi nhận:

- Công ty Phát triển hạ tầng KCN HG;
- Cục Quản lý TNN;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Châu Thành A;
- Cục Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, KT.HH

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Cảnh Tuyên

GIẤY XÁC NHẬN

**HOÀN THÀNH MỘT SỐ HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH,
BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

của Dự án “Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang”

**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẬU GIANG
XÁC NHẬN:**

I. Thông tin chung về dự án/cơ sở:

Tên chủ dự án: Công ty phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hậu Giang

Địa chỉ văn phòng: Km 10, Quốc lộ Nam Sông Hậu, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Địa điểm hoạt động: xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

Điện thoại: 07113 949 949

Fax: 07113 949 727

Tài khoản số: 3712.2.1031133.00000 tại Kho bạc nhà nước huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Quyết định thành lập số: 01/2006/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2006 của UBND tỉnh Hậu Giang.

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 529/QĐ-UBND ngày 27 tháng 03 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang

Công văn chấp thuận thay đổi một số nội dung so với báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1314/UBND-KTN ngày 24/8/2016 và Công văn điều chỉnh nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1598/UBND-KTN ngày 03/10/2016 của UBND tỉnh Hậu Giang.

II. Nội dung xác nhận:

Xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án “Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang”, bao gồm các hạng mục: hệ thống thu gom nước mưa, nước thải dọc hai bên tuyến đường số 3 (chiều dài 952m); một phần hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải dọc hai bên Đường số 4 (chiều dài 467m), Đường số 6 (chiều dài 420m); Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 2.500m³/ngày.đêm và công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất

thại nguy hại (tại Phụ lục kèm theo).

III. Trách nhiệm của chủ dự án:

- Tiếp tục thực hiện hoàn thành các hạng mục công trình còn lại của dự án (bao gồm: hệ thống thoát nước mưa, nước thải trên các trục đường số 1, số 2, số 7, số 8, số 8A và 01 phần đường số 4, số 6; hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 2 công suất 2500m³/ngày.đêm) đảm bảo tiến độ và xử lý triệt để chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động; đồng thời thực hiện lập hồ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của toàn bộ dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét xác nhận;

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1 của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức thực hiện:

Giấy xác nhận này là căn cứ để chủ dự án đưa dự án vào hoạt động chính thức; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở. / *LM*

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- UBND tỉnh (để b/c);
- BQL các KCN tỉnh;
- UBND huyện Châu Thành;
- Lưu: VP, CCBVMT. QT *7/4*



PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số: 13 /GXN-STNMT ngày 13 tháng 13 năm 2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang)

Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã hoàn thành của dự án “Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang” bao gồm: hệ thống thu gom nước mưa, nước thải dọc hai bên tuyến đường số 3 (chiều dài 952m); một phần hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải dọc hai bên Đường số 4 (chiều dài 467m), Đường số 6 (chiều dài 420m); Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 2.500m³/ngày.đêm và công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, cụ thể như sau:

1. Công trình, biện pháp xử lý nước mưa, nước thải:

a. Mạng lưới thu gom nước mưa, nước thải và thoát nước:

- Hệ thống thu gom nước mưa: bao gồm các cống được xây dựng bằng BTCT Ø 600, Ø 800, Ø 1000 và Ø 1200 có nắp đậy ở phía trên (có hố ga để lắng cặn) được bố trí dọc theo tuyến đường số 3, một phần đường số 4, số 6 dẫn đến Sông Ba Láng.

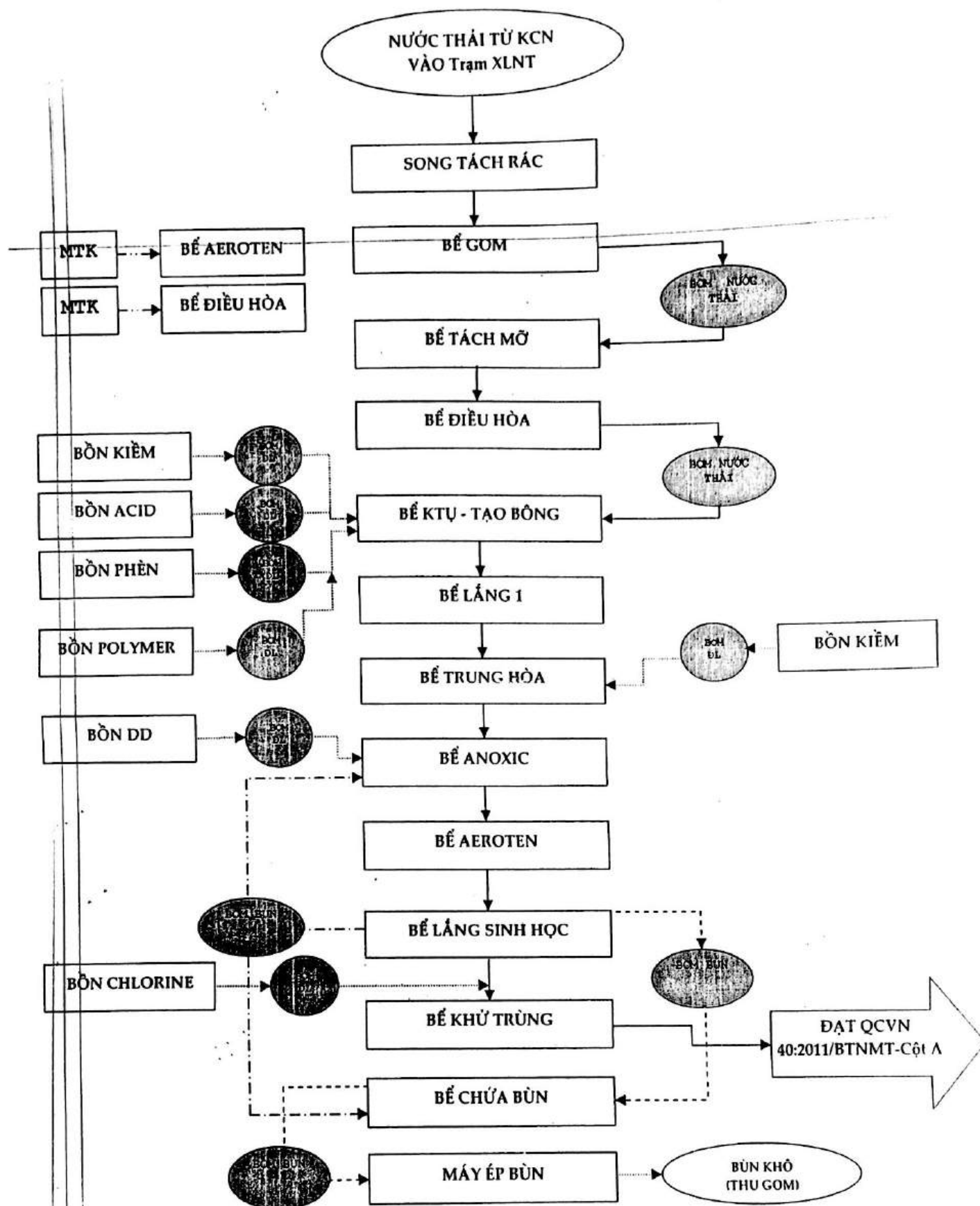
- Hệ thống thoát nước thải: bao gồm các cống được xây dựng bằng BTCT Ø300, Ø400 và Ø600 bố trí dọc theo tuyến đường số 3, một phần đường số 4, số 6 đến Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 2500m³/ngày đêm và dẫn ra Sông Ba Láng.

b. Công trình, biện pháp xử lý nước thải

Xây dựng Trạm xử lý nước thải tập trung với công suất xử lý theo thiết kế là 2.500m³/ngày.đêm và đạt Cột A ($K_q = 1$, $K_r = 1$), QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thải ra Sông Ba Láng.

Quy trình xử lý nước thải được thể hiện theo sơ đồ sau:





Sơ đồ quy trình xử lý nước thải của Kk.1 công nghiệp

2. Công trình xử lý bụi, khí thải: không

3. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

a. Chất thải rắn thông thường:

Tại Trạm xử lý nước thải tập trung và các tuyến đường trong Khu công nghiệp: Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và hợp đồng với Chi nhánh cấp thoát nước – Công tình đô thị Châu Thành A đến thu gom và xử lý; Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom, quản lý theo quy định (thực hiện phân tích thành phần nguy hại theo QCVN 50:2013/BTNMT để xác định biện pháp xử lý theo quy định).

b. Chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại tại Trạm xử lý nước thải tập trung: được thu gom lưu giữ tạm thời tại kho chứa chất thải nguy hại tại trạm xử lý nước thải và hợp đồng với tổ chức, cá nhân có chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định. Kho lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 6m², được xây dựng với kết cấu cột bê tông cốt thép, vách xây gạch, mái lợp tole, nền láng xi măng, bên trong kho có bố trí các thùng nhựa riêng biệt để chứa từng loại chất thải nguy hại phát sinh. Kho có dán biển cảnh báo về chất thải nguy hại theo quy định.

4. Công trình xử lý ô nhiễm tiếng ồn và độ rung:

- Trồng cây xanh hai bên vỉa hè của các tuyến đường và bên trong khu vực trạm xử lý nước thải.

5. Quản lý chất thải tại các dự án/cơ sở trong Khu công nghiệp

Chủ dự án/cơ sở hoạt động trong Khu công nghiệp có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận theo quy định.

6. Công trình bảo vệ môi trường khác tại trạm xử lý nước thải tập trung:

- Phòng cháy chữa cháy: trang bị các bình chữa cháy tại chỗ, loại bình BC MFZ8 (8kg) tại các vị trí bên ngoài kho lưu giữ CTNH và bên trong nhà điều hành (mỗi vị trí 02 bình), có dán các biển về nội quy phòng cháy và chữa cháy, tiêu lệnh chữa cháy.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất: Hóa chất lưu trữ có nhãn mác rõ ràng, đầy đủ các thông tin: tên hóa chất, nồng độ, ngày nhập có nhãn hiệu đặc biệt và đánh dấu nguy hiểm; không xếp chồng các thiết bị lưu chứa lên nhau hoặc xếp cao quá 2m; quá trình nhập kho sẽ kiểm tra kỹ các bao bì chứa.

6. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận:

Hồ sơ sau đây được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này:

Bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với dòng chữ sau trên bìa: “Kèm theo Giấy xác nhận số 13 /GXN-STNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 13 tháng 12 năm 2016”.

7. Yêu cầu khác:

Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 529 /QĐ-UBND

Vị Thanh, ngày 17 tháng 3 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm Công nghiệp tập trung Tân Phú Thạnh giai đoạn 2 và điều chỉnh giai đoạn 1, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ V/v quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Tờ trình số 108/TTr-STNMT ngày 19 tháng 3 năm 2007 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay, phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm Công nghiệp tập trung Tân Phú Thạnh giai đoạn 2 và điều chỉnh giai đoạn 1, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (đính kèm báo cáo).

Điều 2. Giao Sở Công nghiệp (Chủ dự án) có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

2. Chủ dự án phải tuân thủ thực hiện các tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường tương ứng theo đúng tinh thần Quyết định số 35/2002/QĐ-BKHCMNT ngày 25 tháng 6 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

3. Phải đảm bảo việc phân khu hợp lý các loại hình công nghiệp đầu tư vào Cụm công nghiệp, đảm bảo tính tối ưu về mặt tương tác lẫn nhau giữa các loại hình sản xuất. Chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất phải được xử lý triệt để đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Chủ dự án cần phải bố trí địa điểm và các phương tiện cần thiết cho việc trung chuyển và lưu trữ tạm thời chất

thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại với điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh và an toàn cho môi trường.

4. Thiết kế, xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp đảm bảo nước thải sau xử lý đạt Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 5945-2005 nguồn loại A, $K_1=0,9$, $K_2=0,9$) trước khi thải ra sông Ba Láng.

5. Thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường khu vực thực hiện dự án theo đúng các chỉ tiêu và tần suất nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt. Kết quả giám sát phải được cập nhật và cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, theo dõi theo định kỳ (2 lần/năm).

6. Mọi thay đổi so với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt đều phải thông báo bằng văn bản và chỉ được thực hiện sau khi có sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm Công nghiệp tập trung Tân Phú Thạnh giai đoạn 2 và điều chỉnh giai đoạn 1, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh.

Điều 5. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Điều 2 của Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, các Giám đốc Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công nghiệp, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hậu Giang, Chủ tịch UBND huyện Châu Thành A, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Lưu: VT, NCTH (1) HT

E/QD/DA/TC/Cum CN TPT-GD2



Trần Thành Lập

PHỤ LỤC
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG VÀ NGHIỆM THU
THẨM ĐỊNH VỀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Hậu Giang, ngày 18 tháng 4 năm 2018

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: 02/GPXD
(Sử dụng cấp cho dự án)

1. Cấp cho: Công ty TNHH Bao bì Đông Âu.

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, Xã: Tân Phú Thạnh, huyện: Châu Thành A, tỉnh: Hậu Giang.

2. Được phép xây dựng công trình thuộc dự án: “Nhà máy sản xuất bao bì Đông Âu Hậu Giang”.

- Tổng số công trình: 05 công trình.

- **Công trình số 01: Nhà sản xuất chính.**

+ Gồm các nội dung sau đây:

- Diện tích xây dựng: 2430,5m².
- Tổng diện tích sàn: 2430,5m².
- Chiều cao công trình: 9,3m so với cao độ nền, số tầng: 01 tầng.
- Cốt nền xây dựng công trình: +0,45m (so với mặt sân).
- Loại công trình: công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III.

- **Công trình số 02: Nhà ăn và Bếp.**

+ Gồm các nội dung sau đây:

- Diện tích xây dựng: 100m².
- Tổng diện tích sàn: 100m².
- Chiều cao công trình: 4,85m so với cao độ nền, số tầng: 01 tầng.
- Cốt nền xây dựng công trình: +0,15m (so với mặt sân).
- Loại công trình: công trình dân dụng.
- Cấp công trình: Cấp IV.

- **Công trình số 03: Nhà xe 2 bánh.**

+ Gồm các nội dung sau đây:

- Diện tích xây dựng: 80m².

- Tổng diện tích sàn: 80m².
- Chiều cao công trình: 3,8m so với cao độ nền, số tầng: 01 tầng.
- Cốt nền xây dựng công trình: +0,15m (so với mặt sân).
- Loại công trình: công trình dân dụng.
- Cấp công trình: Cấp IV.

- Công trình số 04: Nhà vệ sinh.

+ Gồm các nội dung sau đây:

- Diện tích xây dựng: 27,2m².
- Tổng diện tích sàn: 27,2m².
- Chiều cao công trình: 3,95m so với cao độ nền, số tầng: 01 tầng.
- Cốt nền xây dựng công trình: +0,15m (so với mặt sân).
- Loại công trình: công trình dân dụng.
- Cấp công trình: Cấp IV.

- Công trình số 05: Nhà bảo vệ.

+ Gồm các nội dung sau đây:

- Diện tích xây dựng: 12m².
- Tổng diện tích sàn: 12m².
- Chiều cao công trình: 3,85m so với cao độ nền, số tầng: 01 tầng.
- Cốt nền xây dựng công trình: +0,15m (so với mặt sân).
- Loại công trình: công trình dân dụng.
- Cấp công trình: Cấp IV.

- Công trình trên do: Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Xây dựng & Môi trường 579 thiết kế.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Công văn số 2107/UBND-KT ngày 24/11/2017 của UBND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án: Nhà máy sản xuất bao bì Đông Âu Hậu Giang tại Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công: không có.

5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận: *Handwritten signature*

- Chủ đầu tư;
- Lưu: VT, QLQH.

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Ngọc Điện

Hậu Giang, ngày 30 tháng 6 năm 2023

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 04/GPXD

(Sử dụng cấp cho dự án)

1. Cấp cho: Công ty TNHH Bao bì Đông Âu.

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: nhà máy sản xuất Bao bì Đông Âu Hậu Giang (giai đoạn 2).

- Tổng số công trình: 05 công trình

Do: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Tấn Lộc lập.

- Chủ nhiệm, chủ trì thiết kế: ông Tôn Thanh Thắng, ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Châu Nam Sơn.

- Chủ trì thẩm tra thiết kế: ông Hồ Quyết Thắng.

+ Vị trí xây dựng (ghi rõ lô đất, địa chỉ): thửa đất số 752, tờ bản đồ số 35 tại xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

+ Mật độ xây dựng và hệ số sử dụng đất: theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng KCN Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1 được UBND tỉnh Hậu Giang phê duyệt tại Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 30/12/2019.

+ Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng KCN Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1 được UBND tỉnh Hậu Giang phê duyệt tại Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 30/12/2019.

- **Công trình số 1:** Nhà xưởng sản xuất, kho bao bì. Công trình công nghiệp, cấp III.

+ Cốt nền xây dựng công trình: 0,45 m so với nền sân hoàn thiện.

+ Diện tích xây dựng tầng 1: 2.535 m².

+ Tổng diện tích sàn: 2.535 m².

+ Chiều cao: 8,85 m so với nền tầng trệt.

+ Số tầng: 01 tầng.

- **Công trình số 2:** Nhà xe, khu phụ trợ. Công trình dân dụng, cấp IV.



+ Cốt nền xây dựng công trình: 0,15 m so với nền sân hoàn thiện.

+ Diện tích xây dựng tầng 1: 144 m².

+ Tổng diện tích sàn: 144 m².

+ Chiều cao: 3,65 m so với nền tầng trệt.

+ Số tầng: 01 tầng.

- **Công trình số 3:** Kho rác thải nguy hại, nhà rác. Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

+ Cốt nền xây dựng công trình: 0,15 m so với nền sân hoàn thiện.

+ Diện tích xây dựng tầng 1: 126 m².

+ Tổng diện tích sàn: 126 m².

+ Chiều cao: 4,7 m so với nền tầng trệt.

+ Số tầng: 01 tầng.

- **Công trình số 4:** Mái che nổi. Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

+ Cốt nền xây dựng công trình: ngang với nền sân hoàn thiện.

+ Diện tích xây dựng tầng 1: 302,25 m².

+ Tổng diện tích sàn: 302,25 m².

+ Chiều cao: 5,8 m so với nền sân hoàn thiện.

+ Số tầng: 01 tầng.

- **Công trình số 5:** hàng rào. Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

+ Chiều cao: 2,5 m so với nền công trình.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 770203 ngày 25/5/2021.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công: không.

5. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng. *ngoc*

TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;

- Lưu: VT, P.DTQH XD.



Trần Ngọc Hùng

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

..., ngày... tháng ...năm ...
TRƯỞNG BAN



Số: 04 /TD-PCCC

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ngày 08 / 01 / 2018 của: Công ty trách nhiệm hữu hạn bao bì Đông Âu

Người đại diện là Ông/Bà: Đinh Việt Chung Chức danh: Giám đốc

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

CHỨNG NHẬN:

NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT BAO BÌ ĐÔNG ÂU

Địa điểm xây dựng: KCN Tân Phú Thạnh-Gd1, Tân Phú Thạnh, Châu Thành A, Hậu Giang

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Bao bì Đông Âu

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Cty TNHH MTV TV TK An Thi; Cty TNHH TV TK & XD Kiến Việt

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Hạng sản xuất; Bậc chịu lửa;

- Lối thoát nạn; Khoảng cách an toàn PCCC;

- Hệ thống báo cháy tự động;

- Hệ thống chữa cháy bên trong;

- Hệ thống chống sét;

- Bình chữa cháy xách tay.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2. Phòng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐUNG VỚI BẢN CHỮA HẬU GIANG., ngày 15 tháng 01 năm 2018

Nơi nhận: Số chứng thực quyền số-SCT/BS
C66 - BCA (để báo cáo) 16 tháng 01 năm 2018

Chủ đầu tư: CÔNG CHỨNG VIỆN

Lưu: PC66(KT)



Đỗ Thị Hà

Đỗ Thị Hà

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

STT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
1.	Mặt bằng tổng thể	TT:32/32	
2.	Mặt bằng tầng trệt	KT : 03/10	
3.	Mặt đứng	KT: 06/10	
4.	Chi tiết cửa	KT: 11/10	
5.	Mặt bằng tổng thể cấp nước chữa cháy	CC-01 đến CC-02	
6.	Hệ thống báo cháy tự độngq	BC-01 đến BC-03	
7.	Hệ thống chiếu sáng sự cố	PT-02 đến PT – 04	
8.	Hệ thống chống sét	CS – 01 đến CS - 02	



Số: /TD - PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số..... ngày ..19...tháng..5...năm...2023... của: ..

..Công ty.TNHH bao bì Đông Âu.....

Người đại diện theo pháp luật là: ..Huỳnh.Thị.Thu.Hà.....Chức vụ: ..Giám.đốc.....

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ

CHỨNG NHẬN:

NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT, KHO BAO BÌ ĐÔNG ÂU

Địa điểm xây dựng/chế tạo/hoán cải: ..Khu.công.nghiệp.Tân.Phú.Thạnh,xã.Tân.Phú.Thạnh,huyện Châu Thành A,tỉnh Hậu Giang.....

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: ..Công ty.TNHH bao bì Đông Âu.....

Đơn vị tư vấn thiết kế: ..Công ty Cổ phần PCCC Gia Bảo Quyên.....

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Đường giao thông cho xe chữa cháy; Khoảng cách an toàn PCCC; Bậc chịu lửa; Hạng nguy hiểm cháy nổ;
- Bố trí công năng của công trình liên quan đến PCCC; Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;
- Lối, đường thoát nạn; phương án chống sét; Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống chữa cháy bằng nước; Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu.

Quy mô dự án/công trình/phương tiện và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2./.

Nơi nhận:

- Cục CS PCCC và CNCH;
- Chủ đầu tư;
- Lưu: PC.

Hậu Giang, ngày tháng năm

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

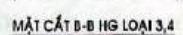
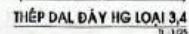
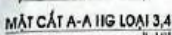
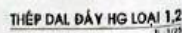
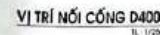
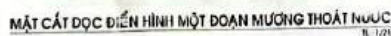
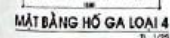
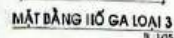
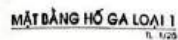
Thượng tá Lê Hùng Ân

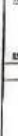
**QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN VÀ DANH MỤC
TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**
(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy
số 40 /TD-PCCC ngày 02/6/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH)

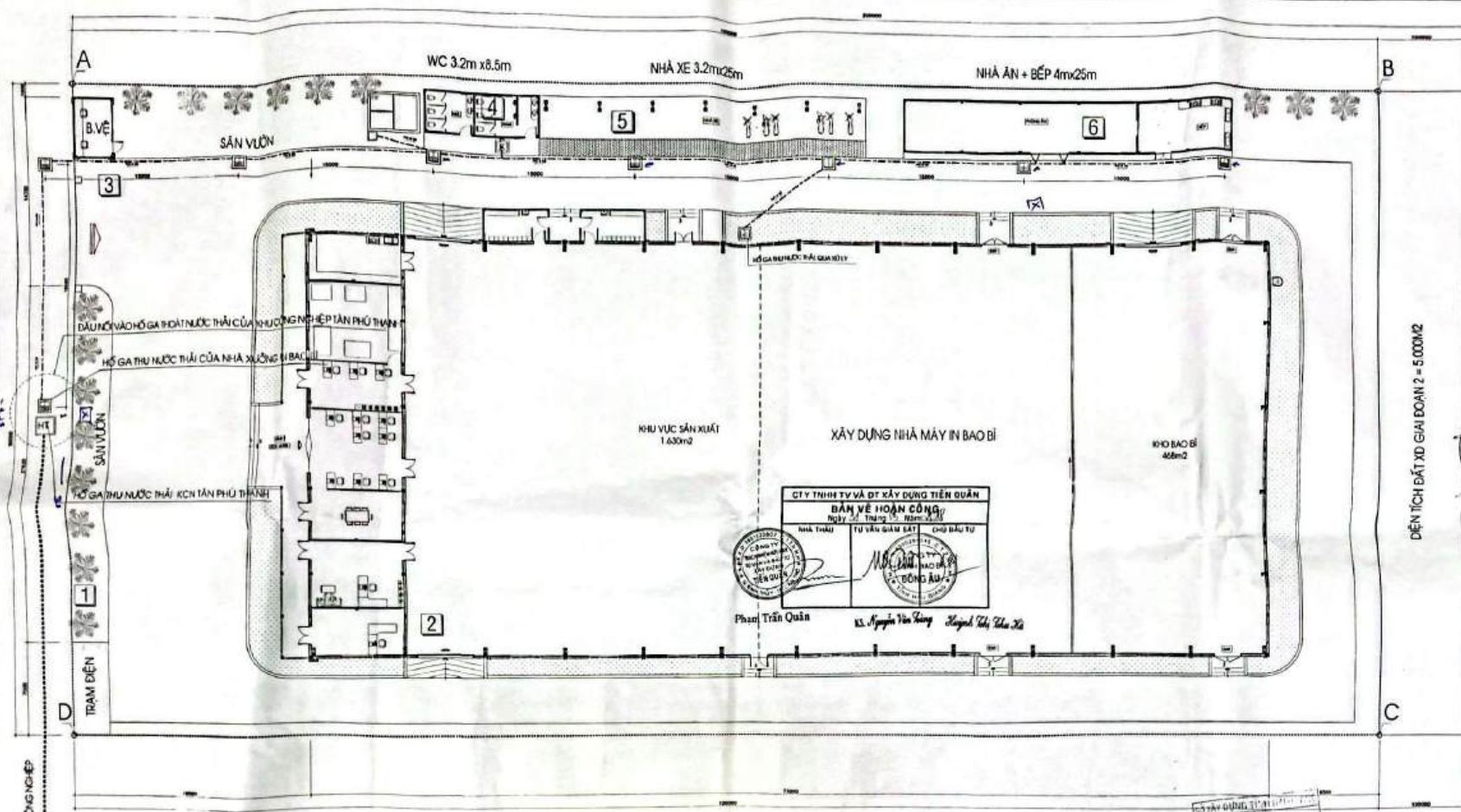
TT	Nội dung	Ghi chú
I	QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN	
	- Công trình Nhà xưởng sản xuất, kho bao bì Đông Âu có diện tích 2.535 m², quy mô 01 tầng, chiều cao PCCC: 6,48m; khối tích: 19.431 m³. - Nhà xe, khu phụ trợ có diện tích khoảng 200m², quy mô 01 tầng. - Nhà rác, kho rác thải có diện tích khoảng 126 m², quy mô 01 tầng. * Các hệ thống phòng cháy chữa cháy và hệ thống kỹ thuật khác có liên quan - Hệ thống báo cháy tự động: Trung tâm báo cháy loại thông thường loại 10 kênh, sử dụng 07 kênh, dự phòng 03 kênh, lắp đặt đầu báo cháy Beam cho toàn công trình. - Hệ thống cấp nước gồm hệ thống chữa cháy ngoài nhà; hệ thống chữa cháy bên trong; hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler và Cụm bơm cấp nước chữa cháy gồm 02 bơm động cơ Diesel có cùng thông số kỹ thuật Q = 90 l/s, H = 80m.c.n, bơm bù áp động cơ điện có thông số kỹ thuật Q = 5 m³/h, H = 85 m.c.n, 01 bể nước chữa cháy khối tích 628 m³. - Hệ thống đèn chiếu sáng và đèn chỉ dẫn thoát nạn cho công trình, bố trí trên các cửa ra vào, hành lang, đường thoát nạn, lối rẽ trên đường thoát nạn để chiếu sáng, chỉ dẫn lối đi và dễ quan sát. - Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu cho các hạng mục của công trình.	
II	DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ	
1	Bản vẽ kiến trúc: MBTT, KT-01; KT-02; KT-03; KT-04; KT-05; KC-01	
2	Chi tiết cửa thoát nạn: KT03	
3	Bản vẽ hệ thống báo cháy: BC-01; BC-02; BC-03; BC-05	
4	Bản vẽ hệ thống chữa cháy; trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu: CC-01; CC-02; CC-03; CC-04; CC-05	
5	Bản vẽ hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn: BC-02; BC-04; BC-05;	
6	Bản vẽ sơ đồ cấp điện cho hệ thống PCCC: CĐ-01; CĐ-02; CĐ-03	
7	Hệ thống chống sét: CS-01; CS-02	

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.

PHỤ LỤC
CÁC BẢN VẼ



chứng minh Lớn 1 Lớn 2 Lớn 3	
QUÊ CHỢ:	
CHỖ ĐĂNG KÝ  	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KỸ THUẬT XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG 579	
	
Địa chỉ văn phòng: 100/10 Nguyễn Văn Linh, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh Điện thoại: 0903 99 99 99	
GERM ĐỐC 	
PHẠM NHẬT NAM CHỦ NHIỆM 	
KTS. VÕ ĐỨC DUY CHỦ TIẾT 	
KTS. PHẠM VĂN PHÚC THIẾT KẾ NỀN 	
KTS. PHẠM VĂN PHÚC THIẾT KẾ 	
KTS. TRẦN VĂN TỰ LÂN THIẾT KẾ ĐẦU VÀO THE CÔNG TRÌNH CỎNG THÁI	
NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT ĐẠO H ĐÔNG AÙ	
HỌNG MỤC:	
TÊNNG THỂ	
ĐỊA ĐIỂM	
HẸN HẸ	
CHỈ TIẾT HỒ G THOÁT NƯỚC MƯA	



CHỈ DẪN
LƯỚI X
LƯỚI Y
LƯỚI Z
CHỈ CẠM



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC
XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG 979



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: KTS. NGUYỄN VĂN HƯNG



THÀNH VIÊN BAN KIỂM TRA

KTS. NGUYỄN VĂN HƯNG

KTS. NGUYỄN VĂN HƯNG

KTS. NGUYỄN VĂN HƯNG

KTS. NGUYỄN VĂN HƯNG

KTS. NGUYỄN VĂN HƯNG

KTS. NGUYỄN VĂN HƯNG

KTS. NGUYỄN VĂN HƯNG

KTS. NGUYỄN VĂN HƯNG

KTS. NGUYỄN VĂN HƯNG

KTS. NGUYỄN VĂN HƯNG

KTS. NGUYỄN VĂN HƯNG

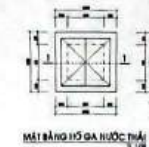
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI TỔNG THỂ

TL: 1/200

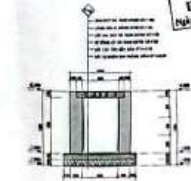
KÝ HIỆU	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH
1	GAO THÔNG + CÂY XANH
2	XUỐNG SẢN XUẤT BAO BÌ
3	NHÀ BẢO VỆ
4	NHÀ VỆ SINH CHUNG
5	NHÀ ĐỂ XE + BẾ NƯỚC PCCC
6	NHÀ ĂN + BẾP
	TỔNG CỘNG

GHI CHÚ:

- Ống thoát nước mưa bằng ống nhựa PVC có độ dốc tối thiểu 0,5%.
- Tại các vị trí giao cắt ống, ưu tiên tu sửa xuống.
- Ống cấp nước > ống thoát nước mưa > ống thoát nước thải.
- Cao độ lắp đặt phụ thuộc vào thực tế công trường.
- Khi thay đổi căn chỉnh xác với hệ thống được xác định tại hiện trường.
- Vị trí đầu nối chính xác với hệ thống được xác định tại hiện trường.
- Tất cả đường ống thoát nước mưa được gắn cầu chắn rác để tránh rác trôi xuống bể.
- Bể xả tại đầu ống.
- Ống thoát nước mưa tổng thể.
- Hướng nước chảy.
- Ống thoát nước thải (H).
- Đường cấp nước.



MẶT BẰNG HỐ GA THOÁT NƯỚC



MẶT CẮT HỐ

BAN QUẢN LÝ CÁC KINH CÁN
KIỂM TRA CÔNG TRÌNH
ĐÃ KIỂM TRA
Ngày 25/10/2023

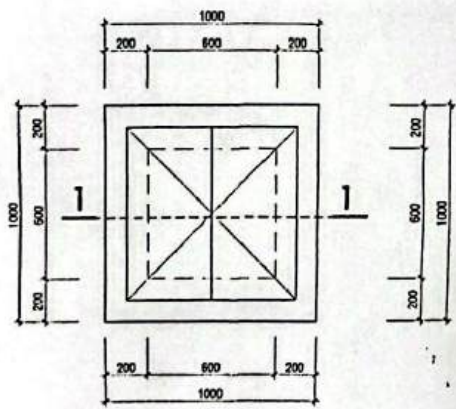
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI CỦA NHÀ CÔNG NGHIỆP

SỞ XÂY DỰNG TỈNH HẢI PHÒNG
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

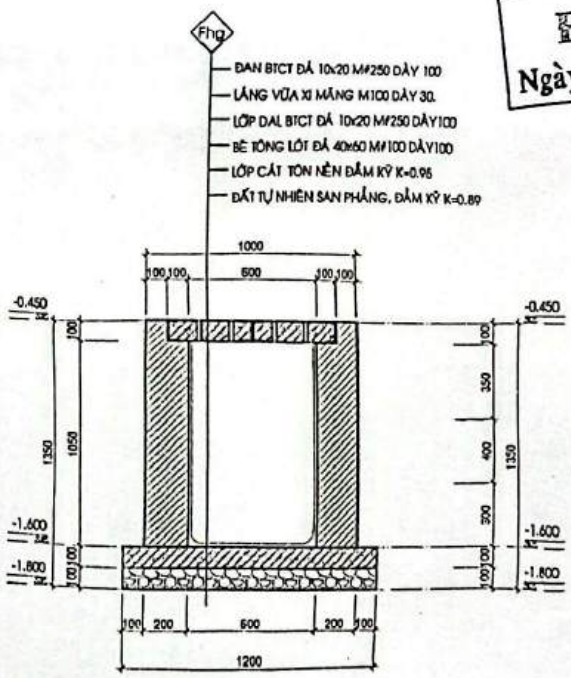
8500

100000

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG
NGHIỆP TỈNH HẢI PHÒNG
ĐÃ KIỂM TRA
Ngày 17 tháng 04 năm 2018



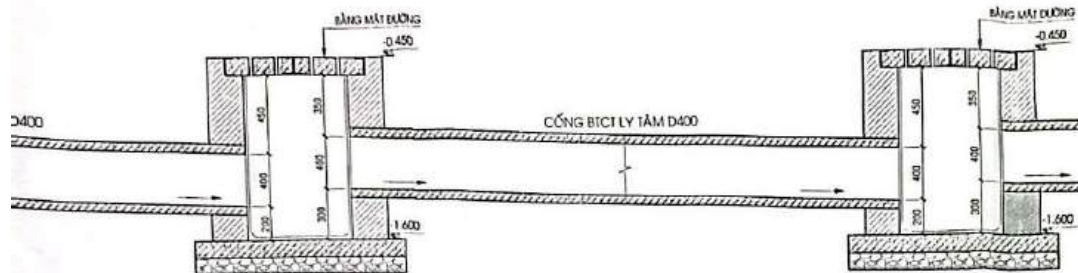
MẶT BẰNG HỒ GA NƯỚC THẢI
TL: 1/25



MẶT CẮT 1-1
TL: 1/25

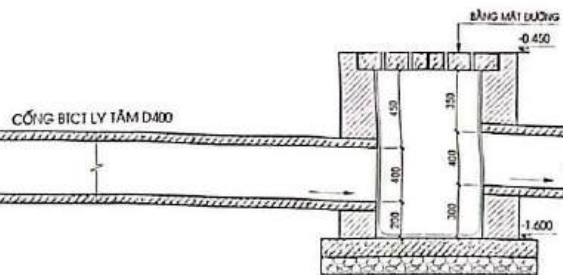
MẶT CẮT 2-2

TL: 1/25



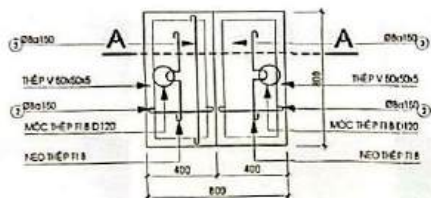
MẶT CẮT 3-3

TL: 1/25



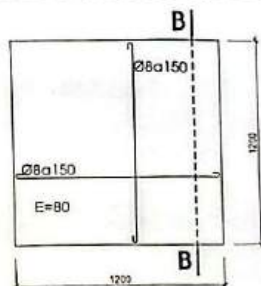
MẶT CẮT DỌC ĐIỂN HÌNH MỘT ĐOẠN MƯƠNG THOÁT NƯỚC

TL: 1/25



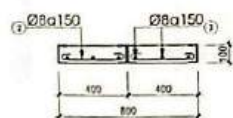
THÉP DAL NẮP HG LOẠI 1,2

TL: 1/25



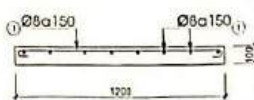
THÉP DAL ĐÁY HG LOẠI 1,2

TL: 1/25



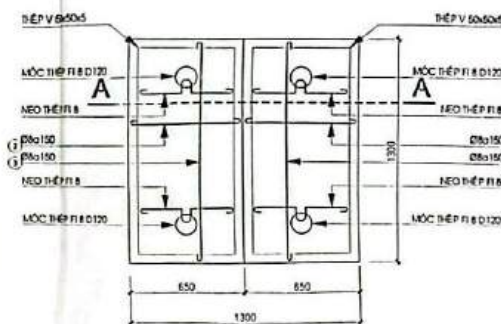
MẶT CẮT A-A HG LOẠI 1,2

TL: 1/25



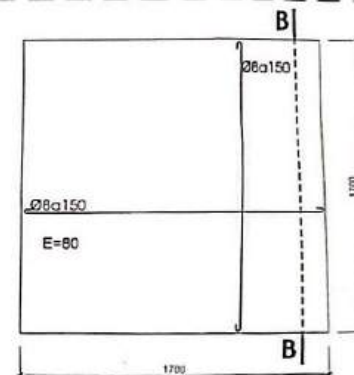
MẶT CẮT B-B HG LOẠI 1,2

TL: 1/25



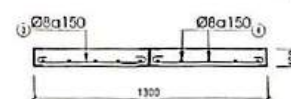
THÉP DAL NẮP HG LOẠI 3,4

TL: 1/25



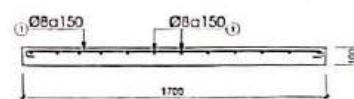
THÉP DAL ĐÁY HG LOẠI 3,4

TL: 1/25



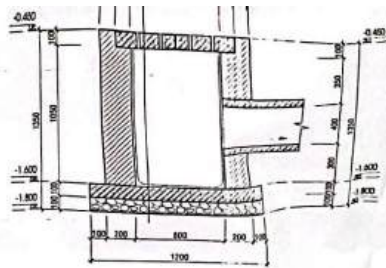
MẶT CẮT A-A HG LOẠI 3,4

TL: 1/25

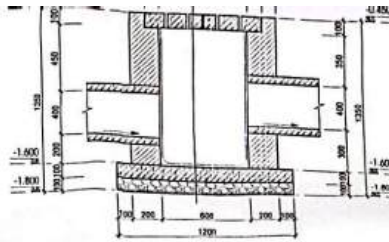


MẶT CẮT B-B HG LOẠI 3,4

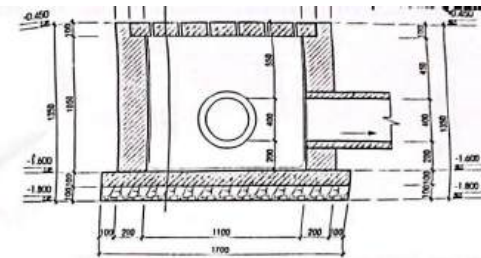
TL: 1/25



MẶT CẮT 1-1
TL: 1/25

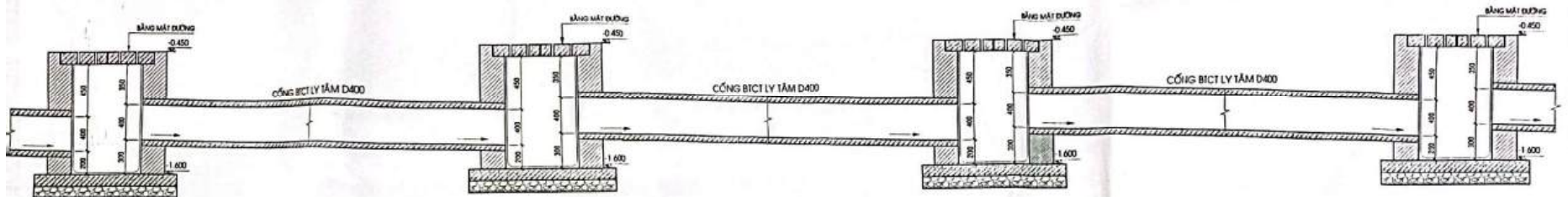


MẶT CẮT 2-2
TL: 1/25

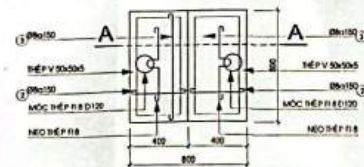


MẶT CẮT 3-3
TL: 1/25

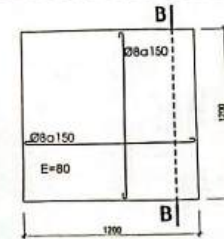
KS. Nguyễn Văn



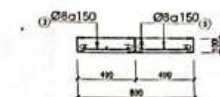
MẶT CẮT DỌC ĐIỂN HÌNH MỘT ĐOẠN MƯƠNG THOÁT NƯỚC
TL: 1/25



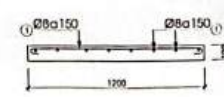
THÉP DAL NẮP HG LOẠI 1,2
TL: 1/25



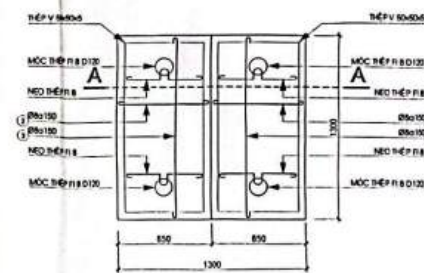
THÉP DAL ĐÁY HG LOẠI 1,2
TL: 1/25



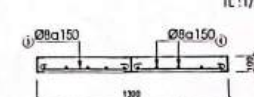
MẶT CẮT A-A HG LOẠI 1,2
TL: 1/25



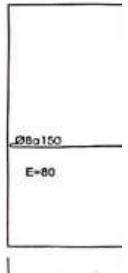
MẶT CẮT B-B HG LOẠI 1,2
TL: 1/25



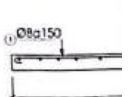
THÉP DAL NẮP HG LOẠI 3,4
TL: 1/25



MẶT CẮT A-A HG LOẠI 3,4
TL: 1/25



THÉP DAL Đ



MẶT CẮT B

PHỤ LỤC
HỢP ĐỒNG XỬ LÝ CHẤT THẢI SINH HOẠT
HỢP ĐỒNG XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 34/2024D/HĐKT-DONGAU

Bình Dương, Ngày 15 tháng 06 năm 2024

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ký ngày 14/06/2005;
- Căn cứ vào Luật Bảo Vệ Môi Trường 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ký ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Môi Trường
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại (CTNH) số 1-2-3-4-5-6.033.VX cấp ngày 18/11/2021 của Công ty TNHH Môi Trường Việt Xanh;
- Căn cứ vào nhu cầu và điều kiện của hai bên (Bên A và Bên B).

BÊN A : CÔNG TY TNHH BAO BÌ ĐÔNG ÂU

Địa chỉ : KCN Tân Phú Thạnh, Giai Đoạn 1, X.Tân Phú Thạnh, H.Châu Thành A,
T.Hậu Giang
Điện thoại : 0293.627.9797
Mã số thuế : 6300294545
Đại diện bởi : (Bà) HUỖNH THỊ THU HÀ Chức vụ: Giám đốc

BÊN B : CÔNG TY TNHH SX – TM – DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH

Địa chỉ : Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, P.Khánh Bình, TP.Tân Uyên,
T.Bình Dương.
Điện thoại : 0274.3653076 (~77) Fax: 0274.3653075
Mã số thuế : 3700 671 231
Tài khoản : 0281 001 385 284 tại ngân hàng Vietcombank, CN Bình Dương
Đại diện bởi : (Ông) TRẦN THANH HÀ Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Bên A và Bên B (gọi chung là “Các Bên”) đồng ý ký kết Hợp đồng kinh tế về việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH (“Hợp đồng”) với những điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

- Bên A đồng ý chọn và Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (“CTNH”) phát sinh sau quá trình sản xuất của Bên A.
- Nơi thực hiện: CÔNG TY TNHH BAO BÌ ĐÔNG ÂU
- Địa chỉ: KCN Tân Phú Thạnh, giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, Hậu Giang.
- Danh mục chất thải và đơn giá xử lý được thể hiện như sau:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn giá xử lý (VNĐ/Kg)	Điều kiện lưu chứa
1	Mực in thải	08 02 01	5.000	Bao PP/PE
2	Hộp mực in thải	08 02 04	5.000	Bao PP/PE
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	5.000	Thùng carton và thùng phuy sắt
4	Bao bì mềm thải	18 01 01	5.000	Bao tải PP/PE
5	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	5.000	Bao tải PP/PE
6	Pin, acquy chì thải	19 06 01	5.000	Bao PP/PE, xếp gọn
Đơn giá xử lý nêu trên đã bao gồm thuế GTGT				

Lưu ý: Thuế GTGT có thể thay đổi theo quy định pháp luật nhà nước Việt Nam được tính tại thời điểm xuất hóa đơn.

ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG – THANH TOÁN

- 2.1 Giá trị hợp đồng: Căn cứ số lượng thực tế được thực hiện trên biên bản giao nhận có chữ ký xác nhận của đại diện hai bên.
- 2.2 Bên A thanh toán cho Bên B phí dịch vụ đầy đủ trong vòng 07 ngày làm việc (không bao gồm ngày thứ 7, Chủ nhật và ngày nghỉ theo quy định của luật Lao Động Việt Nam) sau khi Dịch vụ được hoàn thành theo Hợp Đồng này và Bên A nhận được hóa đơn hợp lệ, chứng từ CTNH do bên B cung cấp.
- 2.3 Việc thanh toán sẽ được thực hiện bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên B:
 Chủ tài khoản: **CÔNG TY TNHH SX - TM – DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH**
 Tài khoản số: 0281 001 385 284
 Tại ngân hàng: TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank). CN Bình Dương
 Địa chỉ ngân hàng: 314 Đại lộ Bình Dương, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.

ĐIỀU 3: THÔNG TIN VÀ TÀI LIỆU CUNG CẤP CHO VIỆC THỰC HIỆN DỊCH VỤ

- 3.1 Bên A cung cấp cho Bên B thông tin, tài liệu cần thiết cho việc thực hiện Dịch vụ.
- 3.2 Bên B lưu giữ những tài liệu được cung cấp trong suốt thời hạn của Hợp đồng này và hoàn lại cho Bên A những tài liệu này sau khi hoàn thành Dịch vụ hoặc theo yêu cầu của Bên A.
- 3.3 Bên B cung cấp cho Bên A bản sau có giấy chứng thực đăng ký kinh doanh, giấy phép hành nghề Quản lý CTNH còn hiệu lực trong thời hạn hợp đồng và cung cấp giấy phép mới giấy phép cũ đã hết hạn và những giấy tờ liên quan đến việc thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH trước khi ký hợp đồng này.
- 3.4 Bên B xác nhận với Bên A việc tiếp nhận chất thải, bố trí phương tiện vận chuyển chất thải phù hợp với các yêu cầu về môi trường, an toàn và phòng chống cháy nổ.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1 Bên A đảm bảo:

- Không được để lẫn rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp và chất thải nguy hại vào nhau.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B đến thu gom, hỗ trợ xe nâng để đưa chất thải lên xe vận chuyển của Bên B.
- Bố trí trạm cân để xác định số lượng cho từng chuyến xe vận chuyển. Trường hợp không có trạm cân, các bên sử dụng thiết bị cân của Bên B hoặc thiết bị cân khác được các bên đồng ý.

- Thanh toán đúng như điều 2. Nếu thanh toán trễ so với thời hạn thanh toán đã ký thì Bên A sẽ phải nộp phạt cho Bên B lãi suất 5% tháng trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng, Bên A không được giao nhận chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tiêu hủy chất thải. Bên B không chịu trách nhiệm với những chất thải không do Bên B thu gom, vận chuyển, xử lý.
- Khi phát sinh chất thải ngoài danh mục, chất cháy nổ, chất có độc tính cao, Bên A phải cảnh báo cho Bên B trước 24 giờ đồng hồ để Bên B bố trí phương tiện và biện pháp phòng ngừa.
- Bàn giao chất thải cho Bên B theo lịch thỏa thuận 2 bên. Khi có nhu cầu thu gom thông báo cho Bên B bằng văn bản, fax, hoặc email về thời gian, số lượng chuyển giao chất thải trước 03 ngày để Bên B sắp xếp lịch lấy chất thải phù hợp với yêu cầu và điều kiện của các bên. Trường hợp Bên B không đến tiếp nhận chất thải như đã thống nhất, Bên B phải thông báo lại để Bên A có biện pháp xử lý trong điều kiện cho phép của Bên A.

4.2 Bên B đảm bảo:

- Bên B đảm bảo rằng Dịch vụ sẽ tuân thủ Hợp đồng này và các quy định pháp luật liên quan.
- Bên B có trách nhiệm thực hiện thu gom, vận chuyển an toàn không để rơi vãi và xử lý triệt để toàn bộ lượng CTNH đã được Bên A giao nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Trong quá trình làm việc tại Bên A, nếu nhân viên của Bên B nhận thấy công việc có nguy cơ xảy ra tai nạn thì có quyền từ chối nhưng phải thông báo cho phía Bên A biết để kiểm tra tình trạng.
- Nhân viên của Bên B vào khuôn viên của Bên A để thực hiện hợp đồng phải tuân thủ theo quy định nội bộ và hướng dẫn của Bên A.
- Nhân viên của Bên B đến thu gom CTNH phải mang đồ bảo hộ lao động theo đúng quy định của pháp luật, tuyệt đối tuân thủ nội quy của Bên A và không được phép vào bất kỳ khu vực nào ngoài khu vực tập trung chất thải. Nếu nhân viên của Bên B vi phạm nội quy của Bên A hoặc quy định của hợp đồng này mà gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Bên A thì Bên B phải bồi thường.
- Bên B đảm bảo phương tiện vận chuyển chất thải trong quá trình thực hiện dịch vụ thuộc danh sách các phương tiện, thiết bị chuyên dụng được phép vận hành theo quy định tại giấy phép hành nghề vận chuyển CTNH của Bên B có hiệu lực tại thời điểm vận chuyển chất thải.
- Bên B phải tuân thủ các quy định về xử lý CTNH theo yêu cầu của pháp luật, đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường. Đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thu gom, vận chuyển và xử lý của mình.

ĐIỀU 5: BẢO MẬT

Các bên sẽ không tiết lộ bất cứ thông tin nào liên quan đến Hợp đồng này hoặc thông tin khác của các bên cho bất cứ bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của các bên, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Bên A và Bên B cam kết có biện pháp phù hợp để đảm bảo rằng những nhân viên có liên quan của mình cũng tuân thủ quy định này và sẽ chịu trách nhiệm trong trường hợp có bất cứ hành vi nào vi phạm quy định này. Điều khoản này sẽ vẫn có hiệu lực kể cả sau khi Hợp đồng này đã hết hạn hoặc chấm dứt.

ĐIỀU 6: BẤT KHẢ KHÁNG

- 6.1 Bất khả kháng là những sự kiện khách quan nằm ngoài sự kiểm soát của các bên bao gồm nhưng không giới hạn ở: động đất, bão, lũ lụt, gió lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hay đe dọa chiến tranh... hoặc các thảm họa khác không thể lường trước được hoặc sự thay đổi của luật pháp bởi chính quyền Việt Nam.

6.2 Khi một bên không thể thực hiện tất cả hay một phần của nghĩa vụ Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng gây ra một cách trực tiếp, Bên này sẽ không được xem là vi phạm Hợp đồng nếu đáp ứng được tất cả những điều kiện sau:

- Bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp của sự gián đoạn hoặc trì hoãn việc thực hiện nghĩa vụ; và
- Bên bị gặp phải sự kiện bất khả kháng đã nỗ lực để thực hiện nghĩa vụ của mình và giảm thiểu thiệt hại gây ra cho Bên kia bởi sự kiện bất khả kháng; và
- Tại thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên gặp phải sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay cho bên kia cũng như cung cấp văn bản thông báo và giải thích về lý do gây ra sự gián đoạn hoặc trì hoãn thực hiện nghĩa vụ.

ĐIỀU 7: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- 7.1 Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày **15/06/2024** đến ngày **15/06/2025**. Tuy nhiên, Hợp đồng này sẽ được tự động gia hạn với thời hạn là hàng năm, trừ trường hợp một Bên gửi cho bên còn lại văn bản thông báo về việc chấm dứt Hợp đồng ít nhất 15 ngày trước ngày hết hạn Hợp đồng.
- 7.2 Không kể đến quy định tại Điều 7.1 Điều này, trong trường hợp có bất kỳ nghĩa vụ nào chưa hoàn thành vào thời điểm hết hạn của Hợp đồng, Hợp đồng này sẽ vẫn có hiệu lực áp dụng cho đến khi nghĩa vụ đó được hoàn thành, và sau khi các bên hoàn thành nghĩa vụ với nhau thì hợp đồng này sẽ được tự động thanh lý.
- 7.3 Hợp đồng này sẽ chấm dứt trước thời hạn trong những trường hợp sau:
- 7.3.1 Nếu các bên đồng ý chấm dứt bằng văn bản.
- 7.3.2 Nếu có bất cứ vi phạm Hợp đồng nào không được khắc phục trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu khắc phục từ Bên không vi phạm. Trong trường hợp này, Bên không vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Bên vi phạm.
- 7.3.3 Nếu có bất cứ đơn yêu cầu nào gửi đến tòa án có thẩm quyền đề nghị mở thủ tục phá sản đối với một Bên. Trong trường hợp này, Bên còn lại có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Bên kia.
- 7.3.4 Nếu một Bên tổ chức lại (bao gồm chia, tách, hợp nhất, sáp nhập). Trong trường hợp này, Bên còn lại có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng.
- 7.3.5 Nếu một Bên chấm dứt hoặc đe dọa chấm dứt hoạt động. Trong trường hợp này, Bên còn lại có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng.
- 7.3.6 Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài quá 60 ngày kể từ ngày phát sinh, Hợp đồng này có thể được chấm dứt dựa trên văn bản thông báo của một Bên cho Bên còn lại.

ĐIỀU 8: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong trường hợp có bất cứ mâu thuẫn nào phát sinh từ Hợp đồng này. Các bên sẽ ưu tiên giải quyết vấn đề bằng thương lượng. Nếu không thể giải quyết được trong vòng 30 ngày, vấn đề sẽ được giải quyết bởi Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo quy tắc tổ tụng của Trung tâm này, địa điểm tiến hành giải quyết bằng trọng tài là Thành Phố Hồ Chí Minh. Bên thua kiện phải thanh toán tất cả các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp cho Bên thắng kiện (bao gồm cả chi phí luật sư).

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 9.1 Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

- 9.2 Mọi sửa đổi hoặc bổ sung Hợp đồng đều phải được lập thành văn bản và ký duyệt bởi người có thẩm quyền của mỗi Bên.
- 9.3 Hợp đồng này sẽ được lập thành 04 bản chính bằng tiếng Việt có giá trị như nhau. Mỗi Bên giữ 02 bản để thực hiện.



Nguyễn Thị Thu Hà



Trần Thanh Hà

Việt Xanh
Cho Mọi Nhà Xanh Việt



Hậu Giang, ngày 01 tháng 01 năm 2024

HỢP ĐỒNG

Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt
Số:35/2024.HĐ.XL.CT

Căn cứ luật Bảo vệ môi trường số: 72/2020/QH14, ngày 17/11/2020

Căn cứ vào Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 04 năm 2014 Bộ Tài Chính hướng dẫn Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật giá;

Căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng, nhu cầu và sự thoả thuận của 2 bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2024 tại văn phòng Công ty TNHH MTV đô thị Hậu Giang.

Thành phần gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH BAO BÌ ĐÔNG ÂU

Đại diện ông (bà): Huỳnh Thị Thu Hà Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: KCN Tân Phú Thạnh, giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Mã số thuế: 6300294545

Điện thoại: 02933.21.97.97 Fax:



BÊN B: Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Hậu Giang

- Người đại diện: Trần Văn Hiếu Chức vụ: P.Giám đốc

- Địa chỉ: Số 3, đường số 4, Cụm công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Mã số thuế: 6300349145

- Điện thoại: 02933 582269 Fax:

- Số tài khoản: 110002903376

- Tại ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang.

Sau khi trao đổi, hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt với các điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung công việc:

Bên B nhận cung cấp dịch vụ thu gom vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt thông thường của bên A.

Địa điểm lấy rác: Như đã ghi trong hợp đồng

Bên A phải thu gom rác cho vào túi nilon hoặc thùng chứa rác mang ra điểm

tập kết để bên B thuận lợi thu gom và vận chuyển.

Các chất thải độc hại, chất thải rắn như: sắt, thép, thủy tinh, sành, sứ, xà bần, chai lọ, các loại hóa chất... không nằm trong danh mục rác thải thông thường thì bên A phải tách riêng và có thỏa thuận riêng với bên B theo từng loại.

Điều 2. Thời gian thực hiện hợp đồng:

Thời gian thực hiện hợp đồng: kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/12/2024.

Bên B có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung công việc nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.

Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề gì phát sinh, phải kịp thời thông báo cho nhau biết trước và tích cực giải quyết trên tinh thần hợp tác đôi bên cùng có lợi.

Điều 3. Giá trị hợp đồng, thời gian và phương thức thanh toán:

- Giá trị hợp đồng: Theo thỏa thuận tổng giá trị hợp đồng là: 160.000 đồng/1m³ rác thải sinh hoạt x khối lượng thực tế

Số tiền bằng chữ: Một trăm sáu mươi nghìn đồng.

- Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT

- Giá trị hợp đồng: Căn cứ biên bản xác nhận khối lượng rác bên B thu gom thực tế, mỗi chuyến Bên A thanh toán cho bên B (khi Bên B vào thu gom rác, Bên A cử Cán bộ theo dõi và ký xác nhận số chuyến để làm căn cứ thanh toán).

Thời gian thanh toán: định kỳ 01 tháng một lần, bên A sẽ tiến hành làm biên bản nghiệm thu và thanh toán cho bên B, đồng thời Bên B giao đủ hóa đơn chứng từ hợp lệ đến cho Bên A.

Phương thức thanh toán: Bên A sẽ thanh toán bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt cho Bên B.

Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp có sự thay đổi về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang theo Quyết định của UBND tỉnh.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ các bên:

Bên A:

Tạo điều kiện thuận lợi để bên B thực hiện công việc được nhanh chóng. Bên A tự bố trí nhân lực, dụng cụ quét dọn, thùng chứa rác và rác sinh hoạt phải được cho vào thùng hoặc túi nilon để bên B thuận lợi thu gom.

Thanh toán tiền cho bên B đúng, đủ như Điều 3 của hợp đồng.

Bên B:

Phải tổ chức nhân công, xe, máy, thiết bị chuyên dùng để triển khai thực hiện thu gom vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt cho Bên A, kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/12/2024.

Đảm bảo thực hiện đầy đủ các nội dung công việc đã được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Điều khoản chung:

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ký trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có xảy ra vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau, chủ động thương lượng và thỏa thuận cùng nhau giải quyết trên tinh thần hợp tác vì lợi ích chung của cả hai bên. Trường hợp một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng, phải báo trước cho bên kia biết ít nhất 15 ngày.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 03 bản, bên B giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Nguyễn Thị Lê Huân

**ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Văn Hiếu

